



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2015

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2015



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
INFORMATION AND COMMUNICATIONS PUBLISHING HOUSE

MỤC LỤC

Vị thế, chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	iii
Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	v
Lời tựa của Thống đốc	vii
Các Vụ, Cục, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	ix
■ Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam	1
1. Tổng quan kinh tế thế giới	1
1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới	1
1.2. Điều hành chính sách tiền tệ của một số quốc gia	3
2. Kinh tế Việt Nam	4
2.1. Tăng trưởng kinh tế	4
2.2. Lao động, thu nhập	6
2.3. Diễn biến lạm phát	6
2.4. Thu chi Ngân sách Nhà nước	8
2.5. Cán cân thanh toán	8
2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ	10
2.7. Hoạt động của các tổ chức tín dụng	17
■ Phần II - Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	21
1. Điều hành chính sách tiền tệ	21
2. Quản lý ngoại hối	27
3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng	28
4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính	33
5. Công tác pháp chế	34
6. Công tác phát hành kho quỹ	36
7. Công nghệ ngân hàng và hoạt động thanh toán	37
8. Hoạt động thông tin tín dụng	41
9. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin	43
■ Phần III - Quản trị nội bộ	44
1. Hoạt động kiểm toán nội bộ	44
2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng	44
3. Công tác nghiên cứu khoa học	47
4. Công tác thống kê	48
5. Công nghệ thông tin	49
■ Phần IV - Hợp tác quốc tế	52
1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế	52
2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế	53
3. Quan hệ hợp tác song phương	55
■ Phụ lục	58

VỊ THẾ CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Trụ sở chính, 49 Lý Thái Tổ, Hà Nội, Việt Nam

□ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, là Ngân hàng Trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

Tóm lược Điều 2, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Chính sách tiền tệ quốc gia là các quyết định về tiền tệ ở tầm quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm quyết định mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền biểu hiện bằng chỉ tiêu lạm phát, quyết định sử dụng các công cụ và biện pháp để thực hiện mục tiêu đề ra.

Khoản 1, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm được thể hiện thông qua việc quyết định chỉ số giá tiêu dùng và giám sát việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Khoản 2, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Chính phủ trình Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm. Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia theo quy định của Chính phủ.

Khoản 4, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

BAN LÃNH ĐẠO
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Ông Nguyễn Văn Bình
Tổng đốc



Ông Nguyễn Đồng Tiến
Phó Tổng đốc



Ông Nguyễn Toàn Thắng
Phó Tổng đốc



Ông Đào Minh Tú
Phó Tổng đốc



Ông Nguyễn Phước Thanh
Phó Tổng đốc



Bà Nguyễn Thị Hồng
Phó Tổng đốc



Ông Nguyễn Kim Anh
Phó Tổng đốc



Thống đốc
Nguyễn Văn Bình

Lời tựa của Thống đốc

Năm 2015 qua đi với bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến phức tạp và khó lường, đặt ra nhiều thách thức đối với điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008-2009 đến nay, quá trình phục hồi của kinh tế toàn cầu vẫn đang diễn ra với tốc độ chậm và chưa bền vững; cùng với đó, thị trường tài chính quốc tế năm 2015 cũng đánh dấu những biến động mang tính đột biến trước động thái điều chỉnh giảm giá đồng Nhân dân tệ và quyết định tăng lãi suất của Cục Dự trữ liên bang Mỹ. Ở trong nước, xác định năm 2015 là năm then chốt và có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2015 cũng như tạo tiền đề vững chắc để xây dựng và triển khai kế hoạch 5 năm tiếp theo, Quốc hội và Chính phủ tiếp tục đặt mục tiêu tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện mạnh mẽ các đột phá chiến lược, tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh, phấn đấu tăng trưởng cao hơn năm 2014.

Trong điều kiện có những khó khăn, thách thức, bám sát mục tiêu của Quốc hội, Chính phủ và diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước đã chỉ đạo hệ thống ngân hàng đã triển khai đồng bộ các giải pháp chính sách tiền tệ, hoạt động ngân hàng nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng. Trên tinh thần đó, các kênh cung ứng tiền được Ngân hàng Nhà nước điều hành linh hoạt theo mục tiêu hỗ trợ ổn định tỷ giá, kiểm soát lạm phát nhưng vẫn đảm bảo giảm lãi suất, tăng tín dụng phù hợp; điều hành lãi suất để duy trì chênh lệch hợp lý giữa lãi suất VND và lãi suất USD, góp phần hỗ trợ tỷ giá, có kết hợp điều tiết thanh khoản hệ thống tổ chức tín dụng để tạo điều kiện giảm mặt bằng lãi suất thị trường; tỷ giá được điều chỉnh linh hoạt, kịp thời nhằm ứng phó với các tác động bất lợi từ thị trường tài chính quốc tế, bảo đảm lợi ích tổng thể của nền kinh tế; các giải pháp tín dụng cũng được triển khai quyết liệt, đảm bảo tăng trưởng tín dụng của hệ thống tổ chức tín dụng an toàn, hiệu quả. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai các giải pháp quản lý nhà nước đối với thị trường vàng theo Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ, củng cố sự ổn định vững chắc cho thị trường vàng; tập trung thực hiện các giải pháp cơ cấu lại các tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu để hoàn thành các mục tiêu đề ra tại Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015 và Đề án Xử lý nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng.

Với việc triển khai chủ động, đồng bộ các giải pháp, điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2015 tiếp tục đạt được những thành công trong

điều kiện phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Thị trường tiền tệ, ngoại tệ được giữ ổn định, mặt bằng lãi suất tiếp tục giảm, tín dụng được khơi thông và tăng ngay từ đầu năm đi đôi với an toàn, chất lượng, thị trường vàng diễn biến ổn định, các giải pháp điều hành tỷ giá linh hoạt, ứng phó kịp thời với biến động trên thị trường tài chính quốc tế của Ngân hàng Nhà nước được Chính phủ và các tổ chức quốc tế đánh giá cao, tình trạng đô-la hóa trong nền kinh tế tiếp tục giảm, niềm tin vào Việt Nam đồng được củng cố, dự trữ ngoại hối nhà nước gia tăng. Hệ thống các tổ chức tín dụng tiếp tục duy trì sự phát triển ổn định và về cơ bản đã hoàn thành các mục tiêu đề ra tại Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015 và Đề án Xử lý nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng. Từ đó, chính sách tiền tệ đã đóng góp quan trọng trong việc duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát cả năm ở mức thấp, khẳng định thời kỳ ổn định lạm phát dài nhất trong một thập kỷ qua, đồng thời hỗ trợ tăng trưởng kinh tế đạt mức cao nhất trong 5 năm gần đây, góp phần tích cực vào việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2015 của đất nước.

Những thành tựu nổi bật nêu trên không những là kết quả của năm 2015 nói riêng, mà còn là kết quả tiếp nối của cả một giai đoạn, từ năm 2011 đến nay. Điều đó đã mang lại dấu ấn sức mạnh của sự đổi mới trong chỉ đạo điều hành cũng như trong tổ chức, thực hiện hiệu quả chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong một giai đoạn đầy khó khăn, thách thức và đặt nền tảng quan trọng cho định hướng phát triển một hệ thống ngân hàng ổn định, lành mạnh trong quá trình tái cơ cấu, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế và hội nhập quốc tế mạnh mẽ của đất nước trong giai đoạn tiếp theo.

Năm 2016 là năm bản lề bước vào thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 nên nhiệm vụ tiên quyết đặt ra cho cả hệ thống chính trị là giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo dựng đà phát triển tốt trong giai đoạn tới. Mặc dù những khó khăn, thách thức đặt ra cho ngành Ngân hàng trong năm 2016 cũng như những năm tiếp theo còn rất lớn, song với kết quả đạt được trong các năm qua và niềm tin mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân đã dành cho ngành Ngân hàng, ngành Ngân hàng vững tin sẽ tiếp tục tạo ra những bước chuyển biến mạnh mẽ hơn, phấn đấu cùng các ngành bước vào giai đoạn mới thực hiện tốt nhiệm vụ theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



NGUYỄN VĂN BÌNH

CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tham mưu, giúp Thống đốc quyết định việc sử dụng công cụ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, bao gồm tái cấp vốn, lãi suất, tỷ giá hối đoái, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở và các công cụ, biện pháp khác.

Vụ Chính sách tiền tệ

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngoại hối, hoạt động ngoại hối và hoạt động kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật.

Vụ Quản lý ngoại hối

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực thanh toán trong nền kinh tế quốc dân theo quy định của pháp luật.

Vụ Thanh toán

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tín dụng ngân hàng đối với các ngành kinh tế theo quy định của pháp luật.

*Vụ Tín dụng
các ngành kinh tế*

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác dự báo, thống kê theo quy định của pháp luật.

Vụ Dự báo, thống kê

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hợp tác và hội nhập quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vụ Hợp tác quốc tế

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ hoạt động của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.

Vụ Kiểm toán nội bộ

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.

Vụ Pháp chế

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác tài chính, kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản của Ngân hàng Nhà nước; quản lý nhà nước về kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản của ngành Ngân hàng và quản lý, giám sát về tài chính của chủ sở hữu đối với các công ty trực thuộc Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vụ Tài chính - Kế toán

Tham mưu cho Thống đốc, Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước thực hiện công tác tổ chức, biên chế; quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; chế độ tiền lương và các chế độ khác thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vụ Tổ chức cán bộ

**Vụ Thi đua -
khen thưởng**

Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

**Vụ Ổn định tiền tệ -
tài chính**

Tham mưu, giúp Thống đốc trong hoạt động phân tích, đánh giá, thực thi chính sách an toàn vĩ mô của hệ thống tài chính và biện pháp phòng ngừa rủi ro có tính hệ thống của hệ thống tài chính.

**Cơ quan Thanh tra,
giám sát ngân hàng**

Đơn vị tương đương Tổng cục, trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quản lý nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, phòng, chống rửa tiền, bảo hiểm tiền gửi; tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc.

Văn phòng

Tham mưu, giúp Thống đốc trong công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động ngân hàng; thực hiện công tác cải cách hành chính của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện công tác Quốc hội; quản lý hoạt động thông tin, tuyên truyền, báo chí, văn thư, lưu trữ của ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật; quản lý và vận hành Trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện công tác hành chính, lễ tân, văn thư, lưu trữ tại Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước.

Ban Truyền thông

Có nhiệm vụ giúp Thống đốc về hoạt động truyền thông, báo chí của ngành Ngân hàng; hoạt động website của Ngân hàng Nhà nước, triển khai chính sách an sinh-xã hội của ngành Ngân hàng.

Cục Công nghệ tin học

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ thông tin trong phạm vi toàn ngành Ngân hàng và triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin trong Ngân hàng Nhà nước.

**Cục Phát hành và
kho quỹ**

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng Ngân hàng Trung ương về lĩnh vực phát hành và kho quỹ theo quy định của pháp luật.

Giúp Thống đốc quản trị, phục vụ hậu cần tại Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước về: quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo vệ, an ninh, trật tự an toàn cơ quan, chăm lo đời sống, sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Cục Quản trị

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện các nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương.

Sở Giao dịch

Thực hiện nhiệm vụ đại diện theo sự ủy quyền của Thống đốc.

*Văn phòng đại diện tại
thành phố Hồ Chí Minh*

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương theo ủy quyền của Thống đốc.

*Các chi nhánh tại tỉnh,
thành phố trực thuộc
Trung ương*

CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ ĐƠN VỊ DO THỐNG ĐỐC QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP

Nghiên cứu và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Ngân hàng; tổ chức nghiên cứu, triển khai và quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ngành Ngân hàng phục vụ yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và theo quy định của pháp luật.

*Viện Chiến lược
ngân hàng*

Là tổ chức sự nghiệp công lập, thực hiện chức năng đăng ký tín dụng Quốc gia; thu nhận, xử lý, lưu trữ, phân tích thông tin tín dụng; phòng ngừa hạn chế rủi ro tín dụng; chấm điểm, xếp hạng tín dụng pháp nhân và thể nhân trên lãnh thổ Việt Nam phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; cung ứng sản phẩm dịch vụ thông tin tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

*Trung tâm Thông tin
tín dụng Quốc gia
Việt Nam*

Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn xã hội và là công cụ tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hoạt động của ngành Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

Thời báo Ngân hàng

Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn về lý luận nghiệp vụ, khoa học và công nghệ ngân hàng; có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, hoạt động ngân hàng và những thành tựu về khoa học, công nghệ của ngành Ngân hàng và lĩnh vực liên quan theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

Tạp chí Ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực ngân hàng phục vụ yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Ngân hàng Nhà nước và của ngành Ngân hàng theo quy hoạch, kế hoạch đã được Thống đốc phê duyệt.

*Trường Bồi dưỡng
cán bộ ngân hàng*

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng ở bậc trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học và các ngành nghề khác khi được cấp có thẩm quyền cho phép; tổ chức nghiên cứu khoa học và tư vấn về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng.

Học viện Ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng ở bậc cao đẳng, đại học, sau đại học và các ngành nghề khác khi được cấp có thẩm quyền cho phép; tổ chức nghiên cứu khoa học và tư vấn về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng.

*Trường Đại học Ngân hàng
thành phố Hồ Chí Minh*

Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam

1. Tổng quan kinh tế thế giới

Năm 2015, kinh tế thế giới phục hồi chậm và không đồng đều. Trong khi Mỹ có nhiều tín hiệu tích cực thì khu vực đồng Euro, Nhật Bản vẫn trì trệ; đáng chú ý là xu hướng tăng trưởng chậm lại của các nước mới nổi và đang phát triển như Trung Quốc, Nga và Brazil. Bối cảnh này đã dẫn đến những biến động phức tạp trên thị trường tài chính toàn cầu, nổi bật là sự biến động của tỷ giá đồng USD với các đồng tiền thanh toán chính trước kỳ vọng tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và sự kiện Ngân hàng Nhân dân Trung Hoa đột ngột phá giá đồng Nhân dân tệ (CNY) ngày 11/8/2015, kéo theo hàng loạt các đồng tiền châu Á giảm giá. Tình trạng dư cung và xung đột địa chính trị tại nhiều khu vực gia tăng là nguyên nhân chính khiến giá dầu thế giới giảm mạnh. Điều này một mặt giúp giảm chi phí sản xuất qua đó hỗ trợ tăng trưởng kinh tế; nhưng mặt khác gây tâm lý lo ngại về giảm phát tại nhiều nước; là nguyên nhân chính hối thúc các ngân hàng trung ương duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ giữ lãi suất thế giới ở mức thấp nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế (ngoại trừ Fed đã ngừng triển khai Chương trình nới lỏng định lượng (QE) và điều chỉnh tăng lãi suất Fed Fund vào ngày 17/12/2015).

1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới

Theo thống kê của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)¹, tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2015 đạt 3,2%, thấp hơn mức 3,4% của năm 2014 và diễn biến trái chiều giữa Mỹ và các khu vực khác.

Kinh tế Mỹ tăng trưởng 2,6%, cao hơn mức 2,4% của năm 2014. Các tín hiệu tích cực thể hiện rõ ở thị trường nhà đất và thị trường lao động, góp phần kích thích chi tiêu tiêu dùng. Tỷ lệ thất nghiệp giảm từ 5,6% cuối năm 2014 xuống 5% cuối năm 2015. Tuy nhiên, đồng USD tăng giá đã ảnh hưởng đến xuất khẩu và giá dầu giảm làm

“

Kinh tế thế giới năm 2015 phục hồi chậm, Mỹ trở thành động lực chính thúc đẩy tăng trưởng toàn cầu trong khi đà tăng trưởng của khối các nước mới nổi và đang phát triển tiếp tục chậm lại. Lạm

¹ Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 10/2016, Quỹ Tiền tệ quốc tế.

phát ở mức thấp do giá hàng hóa cơ bản (dầu thô) tiếp tục được duy trì ở mức thấp.

giảm nhu cầu đầu tư trong lĩnh vực năng lượng. Thâm hụt ngân sách đạt 2,5%GDP là mức thấp nhất từ năm 2007. Lạm phát tiếp tục ở mức thấp 0,1%.

Kinh tế khu vực đồng Euro đối mặt với nhiều sức ép như giảm phát, khủng hoảng nợ công ở Hy Lạp, làn sóng nhập cư,... Trong bối cảnh đó, tăng trưởng GDP đạt 2%, cao hơn mức 1,1% năm 2014 và là mức cao nhất kể từ năm 2011 do được hỗ trợ bởi giá năng lượng, nguyên liệu rẻ và đồng Euro yếu. Tăng trưởng khu vực tập trung ở một số nền kinh tế lớn như Đức, Pháp, Tây Ban Nha; trong khi một số nước tăng trưởng thấp hoặc âm như Hy Lạp. Tỷ lệ thất nghiệp giảm từ 11,4% năm 2014 xuống còn 10,4% năm 2015, mức thấp nhất từ năm 2011. Nợ công khu vực giảm xuống 92,5%GDP từ mức 94,2%GDP năm 2014 nhưng vẫn ở mức cao tại một số nước như Hy Lạp (176,9%GDP), Italy (132,7%GDP), Pháp (96,1%GDP). Thâm hụt ngân sách trung bình toàn khu vực giảm từ 2,4%GDP năm 2014 xuống còn 2,2%GDP năm 2015. Lạm phát toàn khu vực giảm từ 0,4% năm 2014 xuống 0% năm 2015.

Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng bấp bênh, quý II và IV tăng trưởng âm. GDP tăng 0,5% so với mức 0% của năm 2014. Sức mua của nền kinh tế chưa được cải thiện do tác động có độ trễ của chính sách tăng thuế tiêu dùng được thực thi từ tháng 4/2014. Xuất khẩu liên tục sụt giảm mặc dù đồng JPY mất giá. Lạm phát giảm từ mức 2,8% năm 2014 xuống còn 0,8% năm 2015. Thâm hụt ngân sách ở mức 6%GDP, thấp hơn so với mức 7,1%GDP của năm 2014. Nợ công cao nhưng đã giảm nhẹ từ mức 249,1%GDP năm 2014 xuống còn 247,9%GDP năm 2015.

Các nước mới nổi và đang phát triển nhìn chung đều tăng trưởng chậm lại. Tăng trưởng năm 2015 của nhóm nước này ở mức 4,0%, thấp hơn mức 4,6% của năm 2014. Trong khối BRICS, Trung Quốc tăng 6,9%, giảm so với mức 7,3% của năm 2014 và là mức thấp nhất trong 25 năm với các dấu hiệu bất ổn từ hệ thống ngân hàng, nợ xấu, dự trữ ngoại hối sụt giảm, áp lực dòng vốn ra tăng, sản xuất đình đốn do hàng tồn kho cao và nhu cầu tiêu dùng yếu. Giá cả hàng hóa sụt giảm và tình hình chính trị phức



tập khiến các nền kinh tế như Nga, Brazil lao dốc với tốc độ tăng trưởng âm lần lượt là -3,7% và -3,8%. Lạm phát trung bình của nhóm các nước mới nổi và đang phát triển ở mức 4,7%, tương đương năm 2014.

1.2. Điều hành chính sách tiền tệ của một số quốc gia

Chính sách tiền tệ nới lỏng tiếp tục được hầu hết các ngân hàng trung ương thực hiện, riêng Fed tăng lãi suất Fed Fund sau gần 9 năm duy trì ở mức gần 0%. Một số ít các nước mới nổi và đang phát triển điều chỉnh tăng lãi suất để đối phó với dòng vốn đảo chiều.

Đối với các nước phát triển, các ngân hàng trung ương Nhật Bản (BoJ), Anh (BoE), châu Âu (ECB),... vẫn duy trì lãi suất thấp sát mức 0% và tăng cường cung ứng tiền ra nền kinh tế. Trong đó, BoJ tiếp tục chính sách tiền tệ siêu nới lỏng với quy mô mở rộng, BoE duy trì chương trình thu mua tài sản trị giá 375 triệu bảng Anh và giữ lãi suất ở mức thấp 0,5%, ECB triển khai đồng thời chương trình mua trái phiếu với khối lượng 60 tỷ euro/tháng kể từ tháng 3/2015 và áp dụng lãi suất âm đối với tiền gửi dự trữ của ngân hàng thương mại tại ECB. Ngược lại, trước xu hướng kinh tế có dấu hiệu phục hồi tích cực Fed tăng 0,25 điểm phần trăm lãi suất Fed Fund từ mức 0-0,25% lên 0,25-0,5%.

Đối với các nước mới nổi và đang phát triển, đa số ngân hàng trung ương điều chỉnh giảm lãi suất như Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, Hungary, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Lan, Israel,... nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh giá dầu ở mức thấp. Tuy nhiên, một số nước như Brazil, Mexico, Chile phải điều chỉnh tăng lãi suất để ngăn chặn nguy cơ đảo chiều dòng vốn do Mỹ dừng QE đồng thời tăng lãi suất. Trong bối cảnh đó, Ngân hàng trung ương Trung Quốc 05 lần giảm lãi suất, 03 lần giảm dự trữ bắt buộc và bỏ trần lãi suất huy động, cho vay nhằm cải thiện mức tăng trưởng thấp kỷ lục trong 2 thập kỷ trở lại đây.

“

Trong bối cảnh lạm phát thấp, các ngân hàng trung ương tiếp tục thực thi chính sách tiền tệ nới lỏng, ngoại trừ Fed.

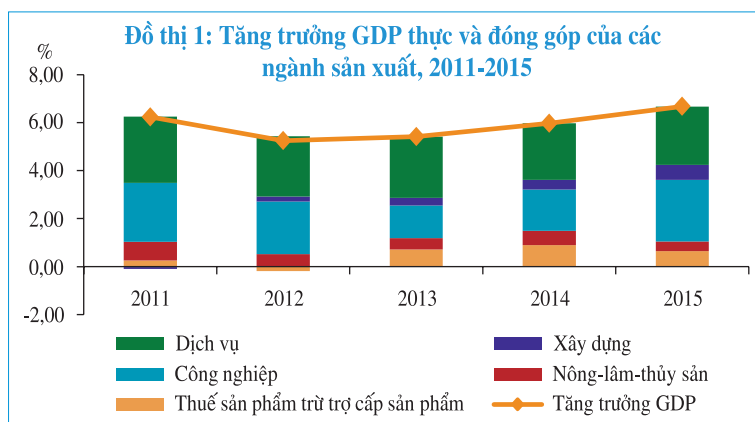
2. Kinh tế Việt Nam

Năm 2015 là năm cuối trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2015. Trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động phức tạp kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu, kinh tế trong nước lại có sự phục hồi tích cực. Tăng trưởng kinh tế đạt mức cao nhất trong 8 năm, lạm phát thấp nhất trong 15 năm tạo tiền đề thuận lợi cho giai đoạn 2016-2020. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục có mức tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với một số khó khăn như sản xuất nông nghiệp tăng trưởng thấp, nhập siêu trở lại do nhập khẩu tăng nhanh để đáp ứng đà phục hồi kinh tế. Giá dầu giảm là tiền đề giảm chi phí đầu vào, phát triển sản xuất và kích thích tiêu dùng, nhưng cũng tác động không thuận đến nguồn thu Ngân sách Nhà nước.

2.1. Tăng trưởng kinh tế

Theo ngành kinh tế, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ phục hồi có mức tăng trưởng cao hơn cùng kỳ trong khi nông - lâm - thủy sản tăng chậm lại so với năm 2014

Tăng trưởng kinh tế phục hồi đạt 6,68%, là mức tăng cao nhất trong vòng 8 năm qua.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, tính toán của Ngân hàng Nhà nước

Nông - lâm - thủy sản tăng trưởng chậm lại ở mức 2,4%, mức tăng thấp nhất trong 6 năm chủ yếu do ảnh hưởng của thiên tai, hạn hán, dịch bệnh cũng như nhu cầu và giá thế giới giảm mạnh.

Công nghiệp tăng trưởng 9,4%, mức tăng cao nhất từ năm 2005 và tăng ở tất cả các ngành. Đón đầu các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đầu tư FDI tăng mạnh, tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến chế



tạo, giúp ngành này tăng khả quan 10,6%. Trong năm 2015, mặc dù giá hàng hóa thế giới giảm mạnh, đặc biệt là giá xăng dầu nhưng ngành khai khoáng vẫn tăng trưởng 6,5%, là mức tăng cao nhất trong vòng 6 năm và đứng thứ ba trong đóng góp vào tốc độ tăng chung của ngành công nghiệp và xây dựng.

Xây dựng tăng trưởng 10,8%, là mức tăng cao nhất từ năm 2010 do thị trường bất động sản phục hồi và Chính phủ đẩy mạnh triển khai các công trình xây dựng. Điều này cũng phản ánh tác động tích cực từ các chính sách hỗ trợ thị trường bất động sản của Chính phủ như: giảm lãi suất, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư, đẩy mạnh chương trình cho vay nhà ở 30.000 tỷ đồng, Luật Nhà ở năm 2014 có hiệu lực...

Dịch vụ tăng trưởng 6,3%, cao hơn năm 2014, chủ yếu do sự phục hồi của bốn nhóm ngành: (i) bán buôn và bán lẻ; (ii) sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; (iii) tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; (iv) kinh doanh bất động sản. Tuy nhiên, lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống chỉ tăng 2,3%, bằng một nửa mức tăng của năm 2014 chủ yếu do du lịch có mức tăng trưởng âm.

Về tổng cầu, động lực tăng trưởng kinh tế chủ yếu do cầu trong nước dẫn dắt, trong khi cầu nước ngoài rớt tiếp tục có mức đóng góp âm vào tốc độ tăng trưởng chung

Tiêu dùng cuối cùng tăng 9,1%, cao hơn mức 6,2% của năm 2014 và là mức tăng cao nhất từ năm 2008, chủ yếu do sự phục hồi của khu vực dân cư trong bối cảnh tiêu dùng Chính phủ tiếp tục giữ được mức tăng tương đương năm 2014. *Tổng tích lũy tài sản* tăng 9,0%, cao hơn mức tăng năm 2014 do sự phục hồi của ngành xây dựng và các hoạt động đầu tư. Như vậy, tổng cầu trong nước cải thiện đã góp phần tích cực vào sự phục hồi chung của nền kinh tế.

Xuất khẩu ròng tiếp tục đóng góp âm vào tăng trưởng kinh tế do tốc độ tăng của nhập khẩu nhanh hơn tốc độ tăng của xuất khẩu. Xuất khẩu tăng 12,6%, cao hơn mức 11,6% của năm 2014 nhưng nhập khẩu tăng 18,1%, vượt xa so với mức tăng 12,8% của năm 2014.

2.2. Lao động, thu nhập

“

Tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ ở khu vực nông thôn, thu nhập bình quân đầu người năm 2015 đạt 2.109 USD.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên tính đến 01/01/2016 là 54,61 triệu người, tăng 185 nghìn người so với cùng thời điểm năm 2014, trong đó lao động nam chiếm 51,7%; lao động nữ chiếm 48,3%. Tỷ lệ thất nghiệp tăng lên 2,3%, trong đó khu vực thành thị là 3,3%; khu vực nông thôn 1,8% (năm 2014 tương ứng là 2,1%; 3,4%; 1,5%). Nền kinh tế khởi sắc với sự phát triển mạnh mẽ của khu vực công nghiệp và dịch vụ là một trong những động lực góp phần làm giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị.

Năng suất lao động xã hội năm 2015 theo giá hiện hành của toàn nền kinh tế ước đạt 79,3 triệu đồng/lao động (tương đương khoảng 3.657 USD/lao động). Tính theo giá so sánh năm 2010, năng suất lao động toàn nền kinh tế năm 2015 ước tăng 6,4% so với năm 2014. Năng suất lao động của Việt Nam có sự cải thiện đáng kể, tăng qua các năm, bình quân giai đoạn 2006-2015 tăng 3,9%/năm (trong đó, 2006-2010: 3,4%/năm; 2011-2015: 4,2%/năm), nhưng vẫn ở mức thấp so với các nước trong khu vực và không đồng đều giữa các ngành và lĩnh vực.

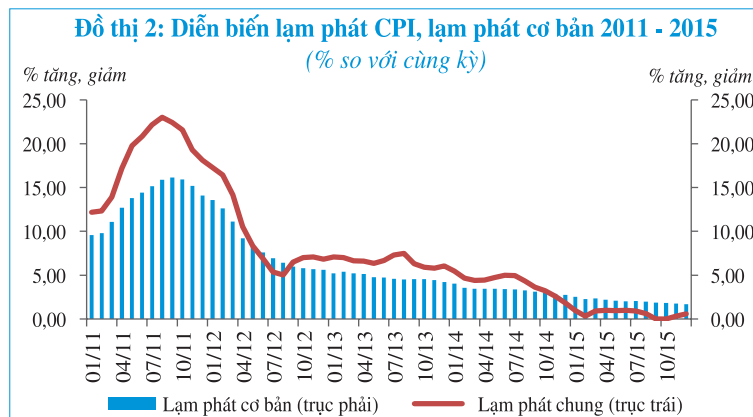
Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 đạt 2.109 USD, tăng 57 USD so với năm 2014. Đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, mức lương tối thiểu tiếp tục được duy trì ở mức 1,15 triệu đồng/tháng từ 01/7/2013. Người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình... được tăng lương theo Nghị định số 103/2014/NĐ-CP ngày 11/11/2014 của Chính phủ và có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Theo đó, mức lương của người lao động được phân theo 04 vùng, cụ thể vùng I, II, III, IV tương ứng 3,1 triệu đồng/tháng; 2,75 triệu đồng/tháng; 2,4 triệu đồng/tháng và 2,15 triệu đồng/tháng.

2.3. Diễn biến lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2015 tăng 0,63% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 4,09% của năm 2014 và là mức tăng thấp nhất trong vòng 15 năm

qua, trong đó, chỉ số giá của hầu hết các nhóm hàng đều tăng thấp hơn cùng kỳ hoặc giảm². Lạm phát tăng thấp trong năm 2015 tập trung ở một số nguyên nhân đặc thù. *Thứ nhất*, giá hàng hóa cơ bản thế giới giảm sâu, đặc biệt là giá nhiên liệu và chất đốt, làm giảm mạnh giá xăng dầu, giá gas trong nước, khiến chỉ số giá của nhóm Nhà ở, vật liệu xây dựng và nhóm Giao thông năm 2015 giảm lần lượt so với năm trước 1,62% và 11,92%; qua đó làm giảm chi phí sản xuất đầu vào của các nhóm hàng khác. *Thứ hai*, nguồn cung lương thực thế giới cải thiện, cầu xuất khẩu thấp khiến giá gạo trong nước giảm, dẫn đến chỉ số giá nhóm lương thực giảm 1,06%. *Đáng chú ý*, giai đoạn 2011-2014, theo lộ trình điều chỉnh giá của Nhà nước, giá dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục được điều chỉnh tăng mạnh thì năm 2015 mức độ điều chỉnh các loại giá này là rất thấp, theo đó chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế tăng 2,2%, chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục tăng 7,03%, góp phần đáng kể làm giảm lạm phát. *Ngoài ra*, Chính phủ kiên định mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô từ năm 2011 đến nay đã phục hồi niềm tin của thị trường, qua đó giúp ổn định kỳ vọng lạm phát.

Loại trừ các yếu tố biến động nhất thời, lạm phát cơ bản năm 2015 ở mức 2,05%, cao hơn mức tăng 0,63% của chỉ số giá tiêu dùng. Điều này cùng với việc tăng trưởng kinh tế năm 2015 đạt cao nhất trong vòng 8 năm và cao hơn đáng kể so với mục tiêu Quốc hội đặt ra cho thấy CPI tăng ở mức thấp trong năm 2015 không phải là biểu hiện của trì trệ hay suy thoái kinh tế.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

² Lạm phát năm 2015 so với cùng kỳ ở mức 0,6% (2014: 1,84%).

“

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng thấp 0,63%, chủ yếu do ảnh hưởng biến động của giá xăng dầu, lương thực, giá Nhà nước quản lý. Lạm phát cơ bản khá ổn định, ở mức 2,05%.



Thu Ngân sách Nhà nước vượt dự toán mặc dù giá dầu giảm, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ chi cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội. Tuy nhiên, bội chi Ngân sách Nhà nước tăng cao.

2.4. Thu chi Ngân sách Nhà nước

Tổng thu cân đối Ngân sách Nhà nước theo dự toán của Quốc hội năm 2015 vượt 9,4% so với dự toán và tăng 13,6% so với quyết toán năm 2014. Năm 2015, thu Ngân sách Nhà nước đối mặt với khó khăn, thách thức từ giá dầu thế giới giảm sâu. Tuy nhiên, nhờ kinh tế tăng trưởng khả quan, thị trường bất động sản ấm lên nên đã cải thiện nguồn thu tiền sử dụng đất ở một số địa phương lớn; ngoài ra các cơ quan thuế, hải quan đã có sự cải tiến vượt bậc về thủ tục hành chính, giảm số giờ thu thuế, tận thu qua cửa khẩu, xử lý nợ đọng thuế nên tổng thu Ngân sách Nhà nước cả năm vẫn vượt dự toán. Thu nội địa vượt dự toán 15,9%, tăng 24,7% so với quyết toán năm 2014. Thu từ dầu thô đạt 72,6% dự toán, giảm 32,5% so với năm 2014. Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu vượt 1,3% dự toán, tăng 2,5% so với năm 2014.

Tổng chi cân đối Ngân sách Nhà nước vượt 7,3% dự toán đầu năm, trong đó chi đầu tư phát triển vượt 5,3% dự toán, chủ yếu do bổ sung 30.000 tỷ đồng vốn đầu tư từ nguồn tăng giải ngân vốn ODA được Quốc hội phê duyệt. Chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, quản lý hành chính vượt 1,7% so với dự toán. Chi trả nợ và viện trợ bằng dự toán, đảm bảo thanh toán đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ nợ đến hạn theo cam kết.

Bội chi Ngân sách Nhà nước ở mức 256.000 tỷ đồng, vượt 30.000 tỷ đồng so với dự toán đầu năm là mức Quốc hội cho phép điều chỉnh vốn đầu tư từ nguồn tăng giải ngân ODA và bằng 6,1%GDP thực hiện, thấp hơn mức ước tính 6,3%GDP của năm 2014.

2.5. Cán cân thanh toán



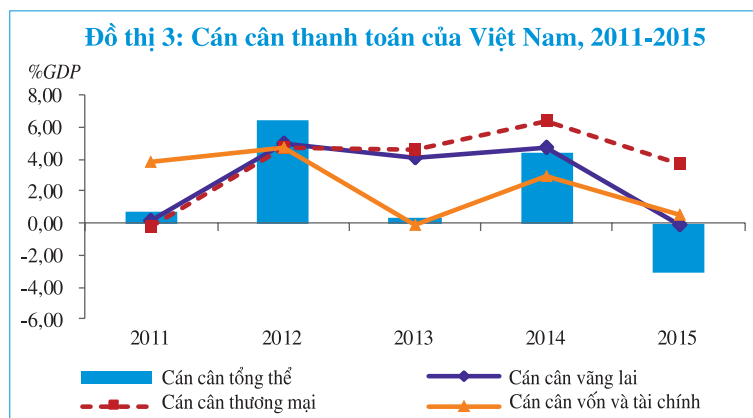
Cán cân vãng lai và cán cân vốn tiếp tục thặng dư tuy nhiên cán cân thanh toán

Cán cân thanh toán tổng thể bị ảnh hưởng tiêu cực từ những biến động phức tạp trên thị trường tài chính, tiền tệ toàn cầu, cùng diễn biến kém khả quan của cả cán cân vãng lai và cán cân vốn. Biến động phức tạp trên thị trường tài chính, tiền tệ toàn cầu đã làm gia tăng tâm lý găm giữ ngoại tệ, gây sức ép lên tỷ giá và thị trường ngoại

tệ trong nước. Ngân hàng Nhà nước phải sử dụng dự trữ ngoại hối để can thiệp thị trường, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và thị trường ngoại hối. Kết quả, cán cân tổng thể cả năm 2015 thâm hụt 6 tỷ USD, đảo chiều so với mức thặng dư 8,4 tỷ USD của năm 2014.

Cán cân vãng lai thặng dư 906 triệu USD, là năm thứ 5 thặng dư liên tiếp, nhưng giảm so với mức thặng dư 9,36 tỷ USD của năm 2014, do tất cả các cán cân bộ phận đều diễn biến kém thuận lợi hơn so với năm 2014. Cán cân hàng hóa năm 2015 chỉ thặng dư 7,4 tỷ USD, giảm so với mức thặng dư 12,1 tỷ USD của năm 2014; cán cân dịch vụ thâm hụt 4,3 tỷ USD trong năm 2015, tăng so với mức thâm hụt 3,53 tỷ USD của năm 2014. Thâm hụt cán cân thu nhập tiếp tục tăng lên mức 9,9 tỷ USD chủ yếu do các khoản chi trả thu nhập đầu tư cho các nhà đầu tư FDI và chi trả lãi vay nợ nước ngoài tăng nhanh. Chuyển giao vãng lai thặng dư 7,7 tỷ USD, thấp hơn năm 2014 do chuyển tiền của khu vực tư nhân giảm trong bối cảnh kinh tế tại các thị trường xuất khẩu lao động chính của Việt Nam gặp khó khăn.

tổng thể thâm hụt trong bối cảnh thị trường tài chính, tiền tệ thế giới biến động phức tạp, gây sức ép lên tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Cán cân vốn và tài chính thặng dư 1,58 tỷ USD, giảm 71,7% so với mức thặng dư 5,57 tỷ USD của năm 2014. Vốn đầu trực tiếp vào Việt Nam tăng trưởng khá, tuy nhiên do các biến động phức tạp của thị trường ngoại tệ trong và ngoài nước đã khiến gia tăng tâm lý găm giữ ngoại tệ, đồng thời hạ giá mục tiền và tiền gửi thâm hụt ở mức cao, vốn đầu tư gián tiếp chuyển sang thâm hụt nên mức thặng dư của cán cân vốn và tài chính bị giảm. Cụ thể: Đầu tư trực tiếp nước ngoài ròng thặng dư 10,7

tỷ USD, tăng 32,9% so với năm 2014. Vốn đầu tư gián tiếp ròng thâm hụt 65 triệu USD, đảo chiều so với mức thặng dư 93 triệu USD của năm 2014. Vay nợ nước ngoài thặng dư 5,8 tỷ USD trong năm 2015, giảm 9% so với mức thặng dư 6,4 tỷ USD của năm 2014. Tiền và tiền gửi của nền kinh tế thâm hụt 14,8 tỷ USD, gấp 1,6 lần so với mức thâm hụt 9,1 tỷ USD của năm 2014.

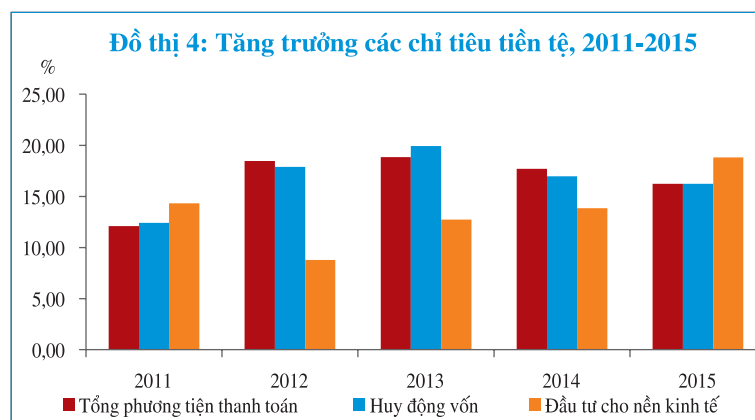
2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ

Diễn biến tiền tệ

Tính đến cuối năm 2015, tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng 16,2% so với cuối năm 2014 chủ yếu do các tổ chức tín dụng tăng cường đầu tư cho nền kinh tế, đáp ứng nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ đà phục hồi khả quan của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng M2 được kiểm soát phù hợp với mục tiêu tăng trưởng 16-18% đặt ra từ đầu năm, đảm bảo cân đối hài hòa giữa mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế.

“

Tổng phương tiện thanh toán giữ tốc độ tăng trưởng hợp lý góp phần duy trì lạm phát thấp. Huy động vốn tiếp tục tăng trưởng; đầu tư cho nền kinh tế phục hồi đáng kể hỗ trợ đà phục hồi kinh tế khả quan.



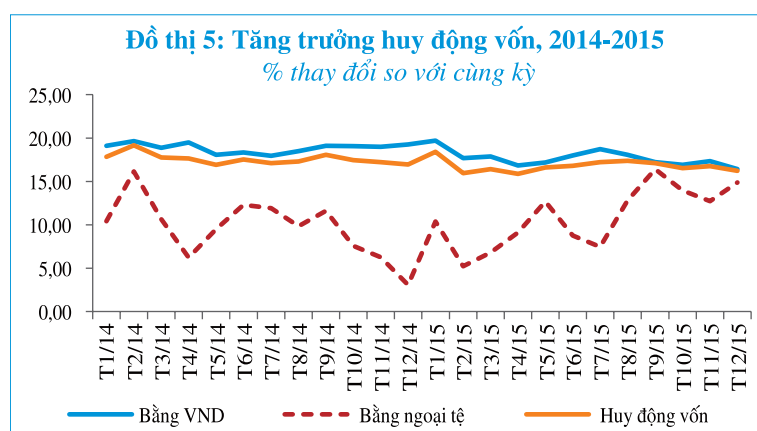
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Huy động vốn của hệ thống ngân hàng tiếp tục tăng trưởng, tỷ lệ đô-la hóa giảm

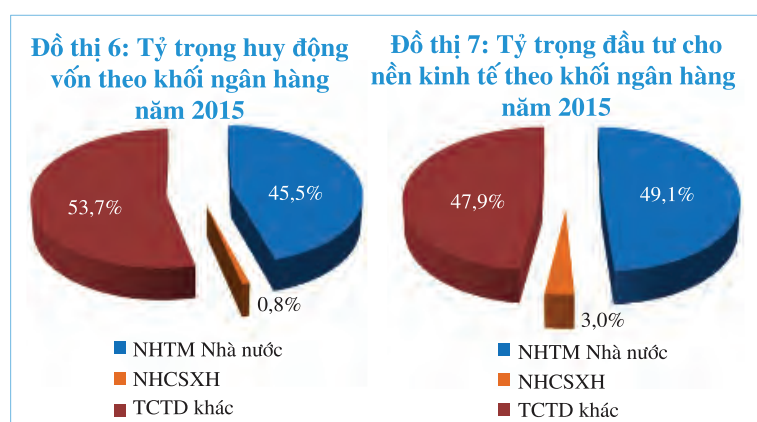
Tăng trưởng huy động vốn đạt 16,2% trong bối cảnh lãi suất huy động VND duy trì ở mức thấp và lãi suất huy động USD đối với tổ chức và cá nhân được điều chỉnh giảm xuống 0%/năm vào cuối năm 2015. Lạm phát ổn định ở mức thấp, chênh lệch lãi suất huy động VND và ngoại tệ được duy trì hợp lý đã góp phần nâng cao giá trị VND, củng cố niềm tin vào VND, giảm tình trạng

đô-la hóa nền kinh tế; thể hiện ở kết quả huy động vốn VND có tốc độ tăng 16,4%, cao hơn tốc độ tăng 14,8% của huy động ngoại tệ, tỷ lệ huy động vốn ngoại tệ trên tổng phương tiện thanh toán (FCD/M2) ở mức 10,8%, thấp hơn mức bình quân 19,1% giai đoạn 2007-2011 và mức bình quân 12,1% giai đoạn 2012-2014.

Tỷ trọng huy động vốn của nhóm ngân hàng thương mại Nhà nước tăng, nhóm tổ chức tín dụng khác giảm³, cụ thể: Huy động vốn của nhóm ngân hàng thương mại Nhà nước (không bao gồm Ngân hàng Chính sách xã hội) chiếm 45,5% tổng mức huy động vốn toàn hệ thống (năm 2014: 43,0%); nhóm các tổ chức tín dụng khác chiếm 53,7% (năm 2014: 55,6%); Ngân hàng Chính sách xã hội chỉ chiếm 0,8% trong tổng huy động vốn của toàn ngành.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

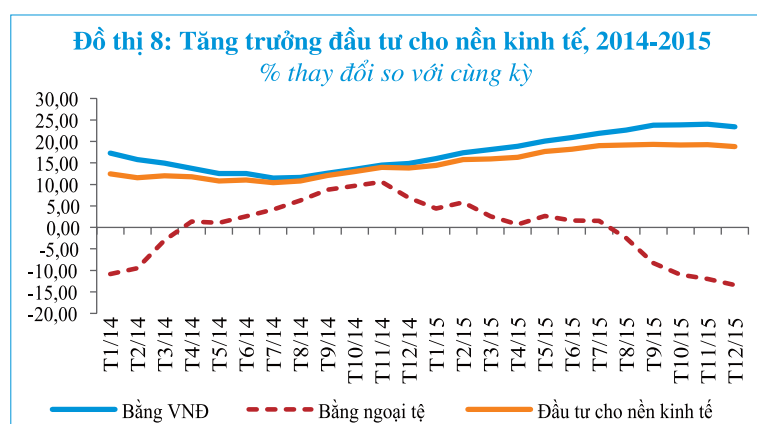


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

³ Gồm ngân hàng thương mại cổ phần, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, ngân hàng thương mại liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Đầu tư cho nền kinh tế tăng đáng kể so với năm 2014 nhằm hỗ trợ quá trình phục hồi kinh tế

Phù hợp với xu hướng hồi phục của nền kinh tế, đầu tư cho nền kinh tế tính đến cuối năm 2015 tăng 18,8% so với cuối năm 2014 và tăng ngay từ những tháng đầu năm, đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế. Thị trường quốc tế biến động phức tạp đã ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường ngoại tệ trong nước, gây áp lực lên tỷ giá, nên để giảm bớt rủi ro tỷ giá, nhu cầu vốn của nền kinh tế đối với hệ thống ngân hàng có xu hướng dịch chuyển từ ngoại tệ sang VND. Cụ thể, đầu tư bằng VND tăng 23,4% trong khi đầu tư bằng ngoại tệ giảm 13,4%. Tỷ lệ đầu tư bằng ngoại tệ trên tổng phương tiện thanh toán giảm từ 16,9% giai đoạn 2007-2011 xuống 11,5% giai đoạn 2012-2014 và năm 2015 ở mức 7,1%, phù hợp với chủ trương chuyển quan hệ tiền vay/gửi ngoại tệ sang quan hệ mua/bán nhằm đẩy lùi tình trạng đô-la hóa trong nền kinh tế, nâng cao giá trị của tiền đồng. Trong cơ cấu kỳ hạn tín dụng, tín dụng trung và dài hạn tăng trưởng nhanh do Chính phủ đẩy mạnh thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT, BTO và thị trường bất động sản phục hồi. Điều này đóng góp tích cực vào quá trình tích lũy vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ phát triển kinh tế trong dài hạn, tuy nhiên tiềm ẩn rủi ro lãi suất, thanh khoản nhất định đối với hệ thống ngân hàng do gia tăng chênh lệch kỳ hạn giữa huy động và cho vay.



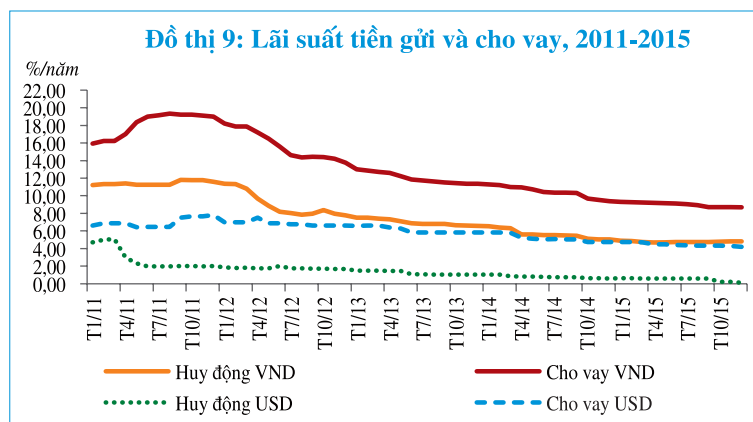
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Về cơ cấu đầu tư cho nền kinh tế theo khối ngân hàng, tỷ trọng đầu tư có xu hướng tăng nhẹ đối với khối ngân

hàng thương mại Nhà nước và giảm nhẹ đối với khối tổ chức tín dụng khác: Dư nợ đầu tư của nhóm các ngân hàng thương mại Nhà nước (không bao gồm Ngân hàng Chính sách Xã hội) tính đến cuối năm 2015 chiếm 49,1% tổng dư nợ đầu tư toàn nền kinh tế (năm 2014: 46,8%); Ngân hàng Chính sách Xã hội chiếm 3,0% (4,1%); nhóm các tổ chức tín dụng khác chiếm 47,9% (49,1%).

Diễn biến lãi suất

Lãi suất đồng Việt Nam



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ghi chú: Lãi suất tiền gửi và cho vay là lãi suất bình quân

“

Mặt bằng lãi suất thị trường tiếp tục xu hướng giảm, chênh lệch lãi suất giữa đồng Việt Nam với đô-la Mỹ giúp nâng cao vị thế Việt Nam đồng.

Năm 2015, Ngân hàng Nhà nước điều hành lãi suất ổn định, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ; định hướng các tổ chức tín dụng phần đầu giảm lãi suất cho vay trung và dài hạn, góp phần hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh. Theo đó, trong điều kiện lạm phát ổn định ở mức thấp, thanh khoản được đảm bảo, các tổ chức tín dụng đã giảm lãi suất huy động và cho vay, lãi suất huy động kỳ hạn dưới 6 tháng được các tổ chức tín dụng niêm yết thấp hơn mức trần quy định của Ngân hàng Nhà nước. Cụ thể, lãi suất huy động giảm khoảng 0,2-0,5%/năm so với cuối năm 2014, lãi suất cho vay giảm khoảng 0,3-0,5%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn giảm khoảng 0,3%/năm, lãi suất trung và dài hạn giảm khoảng 0,3-0,5%/năm. Đến cuối năm 2015, lãi suất huy động VND phổ biến ở mức 0,8-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ

1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,4-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,4-7,2%/năm. Lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6-9%/năm đối với ngắn hạn; 9-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Lãi suất đồng USD

Lãi suất USD diễn biến phù hợp với chủ trương của Chính phủ và định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước về chống đô-la hóa trong nền kinh tế, hạn chế tình trạng găm giữ ngoại tệ, hỗ trợ ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ. Tại thời điểm cuối năm 2015, lãi suất huy động USD của cá nhân và tổ chức đều ở mức 0%/năm, phù hợp với quy định trần lãi suất tiền gửi USD của Ngân hàng Nhà nước. Lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 2,8-6,2%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn 2,8-5,2%/năm, 5,3-6,2%/năm đối với cho vay trung và dài hạn.

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Doanh số giao dịch bằng VND ổn định nhưng giao dịch bằng USD giảm mạnh

“

Lãi suất liên ngân hàng tăng nhẹ nhưng ở mức thấp, quy mô giao dịch bằng VND ổn định, bằng USD giảm mạnh.

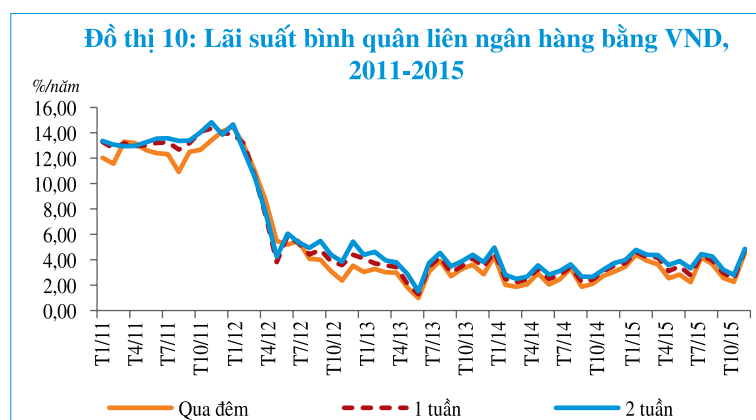
Tổng doanh số cho vay, gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng bằng VND đạt 5.776 nghìn tỷ đồng, giảm 187 nghìn tỷ đồng (tương đương giảm 3%) so với năm 2014. Trong khi đó, quy mô giao dịch liên ngân hàng bằng USD giảm mạnh, với tổng doanh số cho vay, gửi bằng USD quy đổi VND đạt 2.131 nghìn tỷ đồng, giảm 1.543 nghìn tỷ đồng (tương đương giảm 42%) so với năm 2014. So với hoạt động cho vay, gửi tiền, hoạt động mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô nhỏ hơn nhưng đạt mức tăng trưởng ấn tượng, doanh số giao dịch tăng từ 110 nghìn tỷ đồng năm 2014 lên 249 nghìn tỷ đồng vào năm 2015.

Xét theo kỳ hạn, các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng năm 2015 phát sinh chủ yếu ở các kỳ hạn dưới 1 tháng, trong đó tập trung nhiều vào kỳ hạn qua đêm, 1 tuần. Doanh số giao dịch qua đêm bằng VND cả năm đạt 2.001 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi VND đạt

1.014 nghìn tỷ đồng, lần lượt chiếm 35% và 48% so với tổng doanh số giao dịch cả năm.

Lãi suất liên ngân hàng tăng nhẹ nhưng ở mức thấp, không tạo áp lực lên lãi suất huy động và cho vay đối với khách hàng

Năm 2015, mặt bằng lãi suất thị trường liên ngân hàng tăng nhẹ, thanh khoản thị trường dồi dào, mức dư thừa thanh khoản thấp hơn giai đoạn 2012-2014. Điều này diễn ra trong bối cảnh tín dụng tăng trưởng khá, Ngân hàng Nhà nước bán ròng ngoại tệ đồng thời thực hiện điều tiết thanh khoản nhằm góp phần ổn định tỷ giá, thị trường ngoại tệ trong nước trước những biến động phức tạp từ thị trường thế giới. Bình quân cả năm, lãi suất các kỳ hạn qua đêm, 1 tuần và 2 tuần tăng khoảng 0,76-0,79%/năm lên các mức tương ứng 3,33%/năm, 3,69%/năm và 3,97%/năm. Mặc dù tăng nhẹ so với năm 2014 nhưng lãi suất liên ngân hàng vẫn thấp hơn mức lãi suất 5%/năm chào mua trên thị trường mở của Ngân hàng Nhà nước, do đó không tạo áp lực tăng đối với lãi suất huy động và cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Diễn biến thị trường ngoại tệ

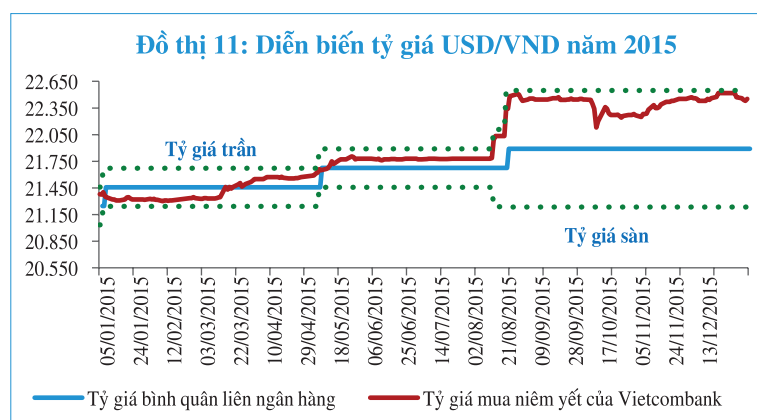
Năm 2015, thị trường tài chính, tiền tệ thế giới biến động phức tạp do tác động từ sự kiện Fed lần đầu tiên tăng lãi suất Fed Fund trong 9 năm kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu và Ngân hàng Nhân dân Trung Hoa đột ngột phá giá đồng CNY, gây tâm lý tiêu cực trên thị trường tiền tệ quốc tế. Trong nước, kinh tế phục hồi

“

Thị trường ngoại tệ chịu áp lực từ các yếu tố bất lợi trong

và ngoài nước nhưng đã phản ứng tích cực với các động thái điều hành kịp thời, linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước.

khả quan khiến nhập siêu quay trở lại. Những yếu tố này đã liên tục tạo áp lực lên cung cầu ngoại tệ trong nước. Trước bối cảnh đó, Ngân hàng Nhà nước điều hành linh hoạt, kịp thời, đồng bộ chính sách tỷ giá và quản lý thị trường ngoại hối, kết hợp hài hòa với các công cụ chính sách tiền tệ, qua đó giải tỏa áp lực thị trường. Nhờ đó, thị trường ngoại tệ được bình ổn, cung cầu ngoại tệ thông suốt, nhu cầu mua bán ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được các tổ chức tín dụng đáp ứng đầy đủ, kịp thời. Tính cả năm, tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tăng 3%, tỷ giá liên ngân hàng và tỷ giá niêm yết của ngân hàng thương mại tăng khoảng 5% so với cuối năm 2014.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

“

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới nhưng mức điều chỉnh thấp hơn so với biến động của giá vàng thế giới.

“

Thị trường chứng khoán kém sôi động, thanh khoản giảm.

Diễn biến giá vàng

Giá vàng trong nước biến động cùng xu hướng với giá vàng thế giới nhưng mức điều chỉnh thấp hơn so với biến động của giá vàng thế giới. Tại thời điểm cuối năm, giá vàng trong nước ở mức 32,62/32,82 triệu đồng/lượng, tương đương giảm khoảng 5,4% so với đầu năm 2015.

Thị trường chứng khoán

Chịu ảnh hưởng tiêu cực từ diễn biến bất ổn của thị trường tài chính và chứng khoán toàn cầu, thị trường chứng khoán năm 2015 kém sôi động hơn so với năm 2014, thanh khoản giảm. So với cuối năm 2014, chỉ số VN-Index tăng 6,12% lên mức 579,03 điểm trong khi HNX-Index giảm 2,58% xuống 79,96 điểm. Quy mô thị trường tăng nhẹ, giá trị vốn hóa ở mức 1.224 nghìn

tỷ đồng, tương đương 29,2% GDP và tăng 5,8% so với năm 2014. Giá trị giao dịch bình quân giảm: sàn HOSE đạt khoảng 1.964 tỷ đồng/phiên, giảm 9,8% so với mức bình quân năm 2014; sàn HNX đạt khoảng 544 tỷ đồng/phiên, giảm 32,8% so với cùng kỳ 2014. Trên thị trường trái phiếu sơ cấp, đấu thầu trái phiếu Chính phủ kém sôi động hơn trong bối cảnh Ngân sách Nhà nước chịu áp lực khi giá dầu thế giới giảm mạnh và Quốc hội chỉ cho phép phát hành trái phiếu Chính phủ kỳ hạn từ 5 năm trở lên. Tổng doanh số trúng thầu trái phiếu Chính phủ cả năm đạt 197,6 nghìn tỷ đồng, giảm nhẹ 6,4% so với năm 2014, lãi suất tăng cao, kỳ hạn bình quân được kéo dài và nhà đầu tư chủ yếu là các ngân hàng thương mại.

2.7. Hoạt động của các tổ chức tín dụng

Biểu 1: Hệ thống các tổ chức tín dụng của Việt Nam (đến 31/12/2015)

STT	Loại hình	2014	2015
1	Ngân hàng thương mại Nhà nước	5	7(*)
2	Ngân hàng Chính sách Xã hội	1	1
3	Ngân hàng Phát triển	1	1
4	Ngân hàng thương mại cổ phần	33	28
5	Ngân hàng liên doanh	4	3
6	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	5	5
7	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	47	50
8	Tổ chức tín dụng phi ngân hàng	28	27
	Gồm: Công ty tài chính	17	16
	Công ty cho thuê tài chính	11	11
9	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	1	1
10	Quỹ tín dụng nhân dân	1.145	1.147
11	Tổ chức tài chính vi mô	3	3

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(*) - Bao gồm 03 NHTMCP được Ngân hàng Nhà nước mua lại 0 đồng (Xây dựng Việt Nam, Dầu khí toàn cầu, Đại Dương).

Năm 2015 là năm có ý nghĩa quan trọng, kết thúc thực hiện Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015, theo đó số lượng các tổ chức tín dụng tiếp tục có sự biến động thông qua hoạt động sáp

“

Các tổ chức tín dụng tuân thủ quy định của pháp luật và nỗ lực cải thiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng. Hệ số sinh lời thấp hơn so với năm 2014 do chi phí dự phòng rủi ro tăng, rủi ro thanh khoản tiếp tục được kiểm soát, chất lượng nợ được cải thiện đáng kể.

nhập, mua lại giữa các tổ chức tín dụng với nhau và việc Ngân hàng Nhà nước kiên quyết xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém. Đến cuối năm 2015, hệ thống tổ chức tín dụng tại Việt Nam gồm 04 ngân hàng thương mại thuộc sở hữu Nhà nước; 03 ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước mua lại; 28 ngân hàng thương mại cổ phần; 02 ngân hàng thuộc khối ngân hàng chính sách; 16 Công ty tài chính và 11 công ty cho thuê tài chính thuộc khối tổ chức tín dụng phi ngân hàng; 03 tổ chức tài chính vi mô; 01 Ngân hàng Hợp tác xã và 1.147 Quỹ tín dụng nhân dân; 05 ngân hàng 100% vốn nước ngoài; 50 văn phòng đại diện; 03 ngân hàng liên doanh và 50 chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Các tổ chức tín dụng nỗ lực nâng cao năng lực tài chính, cải thiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn, tăng cường quản trị rủi ro

Biểu 2: Tài sản và vốn của tổ chức tín dụng⁴

	Tổng tài sản có		Vốn tự có		Vốn điều lệ	
	Tỷ đồng	± %	Tỷ đồng	± %	Tỷ đồng	± %
NHTM Nhà nước	3.303.995	16,57	203.328	19,82	137.093	2,14
Ngân hàng Chính sách xã hội	144.204	7,03			10.696	6,96
NHTM cổ phần	2.928.146	8,93	236.342	16,34	193.977	7,11
Ngân hàng thương mại liên doanh, nước ngoài	755.581	7,63	117.164	10,53	93.948	8,45
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	87.841	27,91	17.715	16,48	18.463	-2,17
Ngân hàng Hợp tác xã	21.906	7,45	3.472	38,36	3.000	39,31
Quỹ tín dụng nhân dân	77.645	16,41			3.102	15,85
Toàn hệ thống	7.319.317	12,35	578.020	16,40	460.279	5,65

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

⁴ Vốn tự có đã loại bỏ các tổ chức tín dụng có vốn tự có âm và không bao gồm ngân hàng Chính sách xã hội và Quỹ tín dụng nhân dân.

Ngân hàng Nhà nước đẩy mạnh các giải pháp tái cơ cấu nhằm đảm bảo Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng được triển khai đúng hướng và lộ trình đề ra. Theo đó, năm 2015, năng lực tài chính của các tổ chức tín dụng được cải thiện so với các năm trước. Đến cuối năm 2015, tổng vốn điều lệ toàn hệ thống đạt 460,28 nghìn tỷ đồng, tăng 5,7% so với cuối năm 2014; vốn tự có toàn hệ thống đạt 578,02 nghìn tỷ đồng, tăng 16,4% so với cuối năm 2014; tổng tài sản toàn hệ thống đạt 7.319,3 nghìn tỷ đồng, tăng 12,4% so với cuối năm 2014. Các tổ chức tín dụng tích cực thoái vốn đầu tư khỏi các lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro, hiệu quả kinh doanh thấp. Công nghệ ngân hàng, hệ thống quản trị, kiểm toán, kiểm soát nội bộ của các tổ chức tín dụng tiếp tục được đổi mới và hiện đại hoá theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế.

Biểu 3: Một số chỉ tiêu hoạt động của tổ chức tín dụng

Đơn vị: %

	ROA	ROE	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn
NHTM Nhà nước	0,63	10,62	9,42	33,36
Ngân hàng Chính sách xã hội	0,27	1,27		
NHTM Cổ phần	0,36	4,43	12,74	36,90
Ngân hàng thương mại liên doanh, nước ngoài	0,48	3,05	33,80	
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	3,29	14,99	23,24	73,14
Ngân hàng Hợp tác xã	0,48	2,95	31,47	77,93
Quỹ tín dụng nhân dân	0,93	13,60		
Toàn hệ thống	0,44	6,26	13,00	31,00

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Việc triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về thanh tra, giám sát, tái cơ cấu, xử lý nợ xấu đã giúp đảm bảo an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng; tài sản của Nhà nước và tiền gửi của nhân dân được an toàn, kể cả tại các tổ chức tín dụng yếu kém; tâm lý thị trường và công chúng được giữ ổn định; niềm tin của nhân dân đối

với hệ thống ngân hàng được củng cố và nâng cao. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) cuối năm 2015 ở mức 13%; tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức 31%. Tuy nhiên, chi phí dự phòng rủi ro tăng cao⁵ khiến chênh lệch thu nhập-chi phí của toàn hệ thống giảm trong năm 2015 sau khi có xu hướng tăng từ năm 2012. Chênh lệch thu chi giảm trong khi tổng tài sản tăng mạnh 12,3% so với cuối năm 2014 dẫn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh năm 2015 của hệ thống thấp hơn so với năm 2014: ROA đạt 0,4% và ROE đạt 6,3%, (các tỷ lệ này năm 2014 lần lượt là 0,6% và 6,4%).

Rủi ro thanh khoản của hệ thống tiếp tục ổn định, rủi ro tín dụng cải thiện đáng kể

Rủi ro thanh khoản: Tình hình thanh khoản của các tổ chức tín dụng tiếp tục ổn định. Cụ thể: tỷ lệ tín dụng/huy động vốn (LDR) có xu hướng ổn định, xoay quanh mức 90%, tỷ trọng tiền gửi tiết kiệm trong tổng huy động thị trường 1 ở mức cao và tiếp tục gia tăng; tín dụng trung, dài hạn tăng nhanh song vẫn trong tầm kiểm soát, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức 31%. Các ngân hàng sau khi sáp nhập, hợp nhất hoặc cơ cấu lại về cơ bản có chiều hướng ổn định, thanh khoản được bảo đảm.

Rủi ro tín dụng: Năm 2015, các tổ chức tín dụng tích cực xử lý nợ xấu thông qua 03 hình thức: bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC); sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu; thu nợ khách hàng bằng nhiều giải pháp kể cả việc khởi kiện ra tòa, kết hợp với các cơ quan thi hành án để phát mại tài sản, thu hồi nợ... Ngoài ra, các tổ chức tín dụng cũng hạn chế chia cổ tức, lương, thưởng để tăng cường nguồn lực tài chính cho xử lý nợ xấu. Do đó, nợ xấu đã được khống chế, không phát sinh nợ xấu mới, tỷ lệ nợ xấu của hệ thống giảm về ngưỡng an toàn 2,55%. Kết quả xử lý nợ xấu cũng cho thấy mô hình hoạt động của VAMC bước đầu phát huy hiệu quả tích cực, góp phần hỗ trợ hoạt động của các tổ chức tín dụng và tháo gỡ khó khăn cho khách hàng.

⁵ Theo số liệu báo cáo của các tổ chức tín dụng, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng năm 2015 đã tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2014 và tăng 30,8% so với cùng kỳ năm 2013.

Phần II – Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 27/01/2015, theo đó đặt mục tiêu, nhiệm vụ toàn ngành ngân hàng năm 2015 là “*Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra (dưới 5%), ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý (6,2%), bảo đảm thanh khoản của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế, duy trì ổn định mặt bằng lãi suất, phấn đấu tiếp tục giảm mặt bằng lãi suất cho vay trung, dài hạn thêm từ 1%/năm-1,5%/năm, hỗ trợ thị trường tài chính trong huy động vốn cho đầu tư phát triển. Năm 2015, định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 16-18%, tín dụng tăng khoảng 13-15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế; ổn định tỷ giá (mức điều chỉnh không quá 2%), thị trường ngoại tệ, thị trường vàng. Tổ chức thực hiện các giải pháp về tiền tệ, hoạt động ngân hàng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ gia đình tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn, chất lượng tín dụng, đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế. Ưu tiên tập trung tín dụng cho các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao*”.

1. Điều hành chính sách tiền tệ

Điều hành chủ động, linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở nhằm hỗ trợ thanh khoản cho các tổ chức tín dụng và hỗ trợ ổn định thị trường ngoại tệ

Nghiệp vụ thị trường mở tiếp tục được Ngân hàng Nhà nước điều hành chủ động, linh hoạt nhằm điều tiết thanh khoản hệ thống, ổn định thị trường tiền tệ, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng giảm lãi suất huy động và cho vay, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, trong bối cảnh áp lực trên thị trường ngoại tệ tăng ở một số thời điểm trong năm, Ngân hàng Nhà nước cũng thông

“

Chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong điều kiện lạm phát thấp, hỗ trợ thị trường ngoại tệ phản ứng linh hoạt với các biến động phức tạp từ quốc tế.

qua nghiệp vụ thị trường mở để góp phần hỗ trợ ổn định thị trường ngoại tệ.

Trong năm 2015, thanh khoản toàn hệ thống tổ chức tín dụng nhìn chung dư thừa mặc dù ở mức thấp hơn so với các năm trước do tăng trưởng tín dụng phục hồi ngay từ đầu năm. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước vẫn thực hiện chào mua giấy tờ có giá hàng ngày, chủ yếu là kỳ hạn 7 ngày, lãi suất giữ ổn định ở mức 5,0%/năm nhằm phát tín hiệu ổn định tâm lý thị trường và hỗ trợ một số tổ chức tín dụng gặp khó khăn trong giao dịch vay vốn trên thị trường liên ngân hàng, qua đó ổn định thị trường liên ngân hàng và mặt bằng lãi suất. Khi nhu cầu thanh khoản tăng cao do yếu tố mùa vụ, khối lượng chào mua giấy tờ có giá được Ngân hàng Nhà nước linh hoạt điều chỉnh tăng; riêng thời điểm cuối năm 2015, kỳ hạn chào mua được kéo dài từ 7 ngày lên 14-56 ngày nhằm giảm áp lực thanh khoản cho các tổ chức tín dụng, góp phần giảm bớt áp lực lên mặt bằng lãi suất.

Trong bối cảnh thanh khoản hệ thống dư thừa, để hỗ trợ ổn định tỷ giá, Ngân hàng Nhà nước thực hiện chào bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước với các kỳ hạn linh hoạt 14, 28, 56, 91 và 182 ngày. Đặc biệt tại thời điểm tỷ giá chịu áp lực tăng cao, khối lượng chào bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước được điều chỉnh tăng hợp lý để kiểm soát lượng dư thừa thanh khoản VND, cùng với việc tăng lãi suất xét thầu, qua đó tăng chi phí nắm giữ USD, góp phần giảm nhu cầu nắm giữ ngoại tệ của các tổ chức tín dụng. Khi thị trường ngoại tệ diễn biến tích cực, tỷ giá giảm, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động điều chỉnh giảm khối lượng, tần suất phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước hoặc dừng phát hành, qua đó hỗ trợ Bộ Tài chính phát hành thành công Trái phiếu Chính phủ.

Duy trì ổn định các mức lãi suất điều hành, giảm trần lãi suất USD

Diễn biến lạm phát năm 2015 thấp có sự đóng góp đáng kể từ diễn biến của giá dầu, giá lương thực và giá một số mặt hàng nằm trong diện quản lý của Nhà nước. Bên cạnh đó, thị trường ngoại tệ biến động phức tạp, nên



chính sách lãi suất đã được điều hành linh hoạt để củng cố vị thế của Việt Nam đồng, góp phần giải tỏa áp lực lên tỷ giá. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước duy trì ổn định các mức lãi suất điều hành, trần lãi suất huy động bằng VND, kết hợp đồng bộ với điều chỉnh giảm trần lãi suất USD, đảm bảo duy trì chênh lệch hợp lý giữa lãi suất VND và lãi suất USD. Cụ thể, các mức lãi suất điều hành được giữ nguyên ở mức 6,5%/năm đối với lãi suất tái cấp vốn, 4,5%/năm đối với lãi suất tái chiết khấu, 7,5%/năm đối với lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng; trần lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn bằng VND dưới 1 tháng ở mức 1%/năm, trần lãi suất tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng ở mức 5,5%/năm, trần lãi suất tiền gửi bằng USD giảm xuống 0%/năm từ tháng 9/2015 đối với tổ chức và từ tháng 12/2015 đối với cá nhân. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện nghiêm túc các quy định về lãi suất, áp dụng mức lãi suất cho vay hợp lý trên cơ sở lãi suất huy động và mức độ rủi ro của khoản vay, chia sẻ khó khăn với khách hàng vay, đảm bảo an toàn tài chính trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

Giữ ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng VND và ngoại tệ

Nhằm ổn định thanh khoản của các tổ chức tín dụng, ổn định thị trường tiền tệ, tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng VND được duy trì ở mức 3% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng và 1% đối với tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Đối với tiền gửi bằng ngoại tệ, tỷ lệ dự trữ bắt buộc được duy trì ở mức 8% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 6% đối với tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng trở lên và 1% đối với tiền gửi của các tổ chức tín dụng ở nước ngoài.

Điều hành tỷ giá và thị trường ngoại tệ linh hoạt, ứng phó kịp thời với những diễn biến bất lợi trên thị trường quốc tế

Ngay từ đầu năm, để ổn định tâm lý và chủ động dẫn dắt thị trường ngoại tệ, Ngân hàng Nhà nước đưa ra mức

dự kiến biến động tỷ giá cả năm không quá 2%, thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ ổn định tỷ giá. Tuy nhiên, trong năm 2015, thị trường tài chính, tiền tệ thế giới có nhiều yếu tố đột biến như Trung Quốc đột ngột phá giá đồng CNY vào tháng 8/2015, Fed đến cuối năm 2015 mới điều chỉnh tăng lãi suất thay vì kỳ vọng tăng ngay từ đầu năm là những yếu tố đã khiến đồng USD biến động phức tạp, kéo theo các biến động trên thị trường trong nước. Điều này đặt ra khó khăn, thách thức lớn cho công tác điều hành tỷ giá, ổn định thị trường ngoại tệ năm 2015. Trong bối cảnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động, linh hoạt, kịp thời thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giải tỏa các áp lực trên thị trường ngoại tệ, ứng phó hiệu quả với những diễn biến bất lợi trên thị trường quốc tế. Đó là: **(i)** Điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng tăng 3%, cao hơn dự kiến đầu năm, đồng thời nới rộng biên độ tỷ giá từ $\pm 1\%$ lên $\pm 3\%$ tạo điều kiện cho tỷ giá linh hoạt hơn để ứng phó với các diễn biến bất lợi trên thị trường quốc tế; **(ii)** Thực hiện can thiệp mua/bán ngoại tệ, đảm bảo thanh khoản cho thị trường, giúp cung cầu thông suốt, giảm áp lực lên tỷ giá; **(iii)** Ban hành Thông tư số 15/2015/TT-NHNN ngày 02/10/2015 quy định chặt chẽ hơn về giao dịch ngoại tệ nhằm góp phần hạn chế tình trạng đầu cơ, găm giữ ngoại tệ; **(iv)** Ban hành Quyết định số 2730/QĐ-NHNN ngày 31/12/2015 về việc công bố tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô-la Mỹ, tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam với một số ngoại tệ khác. Theo đó, tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô-la Mỹ được xác định trên cơ sở tham chiếu diễn biến tỷ giá bình quân gia quyền trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, diễn biến tỷ giá trên thị trường quốc tế của một số đồng tiền của các nước có quan hệ thương mại, vay, trả nợ, đầu tư lớn với Việt Nam, các cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu chính sách tiền tệ. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước lần đầu tiên thực hiện bán ngoại tệ kỳ hạn có hủy ngang cho các tổ chức tín dụng với tỷ giá xác định trước và đáo hạn vào cuối quý I/2016, qua đó giúp nhà đầu tư yên tâm vào nguồn cung ngoại tệ trên thị trường, ngầm định hướng vùng tỷ giá mục tiêu và hạn chế tâm lý kỳ vọng, đầu cơ, găm giữ ngoại tệ, giảm bớt



việc sử dụng Dự trữ ngoại hối Nhà nước để can thiệp thị trường; (v) Chính sách tỷ giá và quản lý thị trường ngoại tệ được triển khai đồng bộ với các giải pháp, công cụ khác như lãi suất, nghiệp vụ thị trường mở, kết hợp với việc đẩy mạnh truyền thông, định hướng thị trường, qua đó giúp giảm cầu nắm giữ ngoại tệ, nâng cao vị thế Đồng Việt Nam, ổn định thị trường ngoại tệ. Công tác điều hành tỷ giá và thị trường ngoại tệ của Việt Nam năm 2015 đã được các tổ chức quốc tế đánh giá cao, doanh nghiệp và người dân phản ứng tích cực.

Thực hiện các biện pháp tín dụng nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ thị trường trên cơ sở duy trì chất lượng tín dụng và góp phần thực hiện chủ trương hạn chế tình trạng đô-la hóa

Ngân hàng Nhà nước đã triển khai và tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp về tín dụng theo hướng mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn, chất lượng tín dụng, đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận vốn vay ngân hàng. Trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2015 là 6,2% và lạm phát khoảng 5% được Quốc hội và Chính phủ đặt ra từ đầu năm, Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng cả năm 2015 là 13-15%. Tuy nhiên, trong bối cảnh tổng cầu tiếp tục được cải thiện, kinh tế phục hồi mạnh mẽ và để tiếp tục tạo nguồn vốn đầu tư hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm 2015 khoảng 18%. Ngân hàng Nhà nước thông báo, phân bổ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các tổ chức tín dụng và trong quá trình thực hiện, xem xét điều chỉnh chỉ tiêu này đối với các tổ chức tín dụng trên cơ sở tình hình tài chính và khả năng mở rộng tín dụng lành mạnh theo đề nghị của tổ chức tín dụng. Ngân hàng nhà nước tiếp tục thực hiện các giải pháp hỗ trợ các tổ chức tín dụng mở rộng qui mô tín dụng có hiệu quả; tháo gỡ khó khăn trong quan hệ tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng để thúc đẩy sản xuất kinh doanh có

hiệu quả như: cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giảm lãi suất các khoản vay cũ, đơn giản hóa thủ tục vay vốn; xem xét miễn/giảm lãi, ưu tiên thu nợ gốc trước, thu nợ lãi sau đối với các khoản nợ đến hạn mà khách hàng gặp khó khăn trong việc trả nợ...

Đối với tín dụng ngoại tệ, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 43/2014/TT-NHNN ngày 25/12/2014 quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú nhằm kiểm soát hoạt động cho vay bằng ngoại tệ, phù hợp với chủ trương của Chính phủ về hạn chế tình trạng đô-la hóa trong nền kinh tế và góp phần ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ, hỗ trợ cho các doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp có nguồn thu ngoại tệ; đồng thời, linh hoạt xử lý các trường hợp cần thiết phải cho vay bằng ngoại tệ nhằm giảm chi phí vay vốn, góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Linh hoạt sử dụng công cụ tái cấp vốn

Công cụ tái cấp vốn tiếp tục được điều hành chủ động, phối hợp cùng các công cụ chính sách tiền tệ khác nhằm ổn định thị trường tiền tệ, thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế của Chính phủ trong từng thời kỳ và hỗ trợ quá trình cơ cấu lại, xử lý nợ xấu. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của VAMC để hỗ trợ nguồn vốn cho hoạt động của tổ chức tín dụng trong quá trình xử lý nợ xấu theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 (Nghị định 53) và Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31/3/2015 (Nghị định 34) của Chính phủ. Với việc ban hành Thông tư số 18/2015/TT-NHNN ngày 22/10/2015, Ngân hàng Nhà nước kịp thời điều chỉnh các quy định hướng dẫn liên quan đến tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của VAMC, phù hợp với nội dung tại Nghị định 34. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước cũng tiếp tục tái cấp vốn để cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 và Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 24/8/2014 của Chính phủ.



2. Quản lý ngoại hối

Quản lý giao dịch vãng lai và sử dụng ngoại tệ hợp lý

Công tác quản lý các giao dịch vãng lai được thực hiện theo hướng tiếp tục từng bước tự do hoá phù hợp với các cam kết hội nhập quốc tế, đồng thời tiếp tục triển khai các biện pháp hạn chế sử dụng ngoại tệ trong nước nhằm thực hiện mục tiêu xóa bỏ tình trạng đô-la hóa trên lãnh thổ Việt Nam. Chính sách thu hút kiều hối tiếp tục thực hiện theo hướng thông thoáng và phù hợp với xu thế hội nhập, qua đó dòng kiều hối về Việt Nam qua các năm tương đối ổn định, góp phần cải thiện cán cân thanh toán của Việt Nam. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện triển khai các giải pháp để thu hút các nguồn ngoại tệ vào hệ thống ngân hàng thông qua các chính sách thu đổi ngoại tệ, chính sách tỷ giá và lãi suất nội, ngoại tệ, chính sách mua, bán ngoại tệ tiền mặt của tổ chức tín dụng được phép với cá nhân, chính sách quản lý thanh toán biên mậu.

Quản lý các giao dịch vốn

Bên cạnh công tác hoàn thiện văn bản chính sách về quản lý ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tăng cường công tác quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và quản lý hoạt động vay trả nợ nước ngoài theo hướng thận trọng, bảo đảm trong hạn mức được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm. Công tác quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tiếp tục tạo thuận lợi, thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, giám sát chặt chẽ dòng vốn đầu tư ngắn hạn. Đồng thời, quản lý, giám sát chặt chẽ dòng vốn đầu tư ra nước ngoài phù hợp với cam kết hội nhập quốc tế và định hướng của Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các bộ, ngành nghiên cứu xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ về hạn mức hỗ trợ cân đối ngoại tệ hàng năm cho các dự án được Chính phủ cam kết bảo lãnh chuyển đổi ngoại tệ; theo dõi, đánh giá việc thực hiện hạn mức được Chính phủ cam kết bảo lãnh chuyển đổi ngoại tệ.



Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối; công tác quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước tiếp tục đảm bảo nguyên tắc an toàn, thanh khoản và sinh lời; đồng thời củng cố vai trò quản lý nhà nước đối với thị trường vàng.

Quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước bảo đảm an toàn, thanh khoản và sinh lời

Công tác quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước tiếp tục đảm bảo nguyên tắc an toàn, thanh khoản và sinh lời. Trên cơ sở Nghị định số 50/2014/NĐ-CP ngày 20/5/2014 của Chính phủ về quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước đã từng bước nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế thông qua việc đa dạng hóa các hoạt động đầu tư trong khi vẫn đảm bảo các nguyên tắc an toàn và thanh khoản.

Quản lý thị trường vàng tiếp tục chuyển biến tích cực

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện vai trò quản lý nhà nước đối với thị trường vàng theo quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ, triển khai đồng bộ các giải pháp bao gồm: (i) Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường vàng trong nước và quốc tế; (ii) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thị trường vàng; (iii) Tiếp tục kiện toàn mạng lưới kinh doanh mua, bán vàng miếng để đáp ứng nhu cầu hợp pháp của người dân; (iv) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tăng cường quản lý thị trường vàng; (v) Nghiên cứu, xây dựng các giải pháp quản lý chặt chẽ thị trường vàng, chuyển hóa nguồn lực vàng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng

Năm 2015 là năm cuối thực hiện Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015. Ngay từ đầu năm, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN và Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 27/01/2015, trong đó tập trung triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp về thanh tra, giám sát, tái cơ cấu và xử lý nợ xấu; nhờ đó đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần bảo đảm an toàn, ổn định của các tổ chức tín dụng, nâng cao trật tự, kỷ cương và hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ, quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

“

Hoạt động thanh tra, giám sát tiếp tục tập trung vào triển khai Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015 và các vấn đề trọng yếu có liên quan như nợ xấu, chất lượng



Công tác thanh tra, giám sát

Ngân hàng Nhà nước đã tập trung thanh tra, giám sát trên cơ sở rủi ro kết hợp với việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiền tệ, ngân hàng, các giới hạn, tỷ lệ an toàn hoạt động, việc triển khai Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng và Đề án Xử lý nợ xấu để phát hiện và kiên quyết xử lý các rủi ro, vi phạm pháp luật. Công tác thanh tra trong năm 2015 tập trung vào 3 mảng thanh tra cơ bản, bao gồm: **(i)** thanh tra pháp nhân với nội dung thanh tra bao trùm hầu hết các mảng hoạt động chính của tổ chức tín dụng; **(ii)** thanh tra chuyên đề cơ cấu lại, xử lý nợ xấu và chất lượng tín dụng với nội dung đánh giá, xem xét việc thực hiện các phương án tái cơ cấu, xử lý nợ của tổ chức tín dụng, thực trạng nợ xấu, xử lý nợ xấu; **(iii)** thanh tra một số đối tượng khác thuộc trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước. Các cuộc thanh tra được triển khai nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật, kết hợp chặt chẽ giữa thanh tra, giám sát và kiểm toán độc lập. Công tác thanh tra được triển khai quyết liệt, tập trung, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm đã góp phần bảo đảm sự an toàn, ổn định của hệ thống ngân hàng, nâng cao kỷ cương, kỷ luật trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

Công tác giám sát ngân hàng tiếp tục được đổi mới và tăng cường trên cơ sở hoàn thiện, triển khai các công cụ, phương pháp giám sát mới gắn liền với đẩy mạnh phát triển cơ sở dữ liệu và hệ thống tiêu chí giám sát. Các nội dung giám sát chủ yếu trong năm 2015 tập trung vào việc thực hiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn, cảnh báo sớm rủi ro, trích dự phòng rủi ro, xử lý nợ xấu, mua bán tài sản, thực hiện các giải pháp cơ cấu lại, sử dụng tiền vay tái cấp vốn, sở hữu chéo, hoạt động của các tổ chức tín dụng yếu kém hoặc bị kiểm soát đặc biệt... Bên cạnh việc tăng cường công tác thanh tra, giám sát chuyên ngành, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh tra hành chính, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tội phạm trong ngành Ngân hàng.

tín dụng, tỷ lệ đảm bảo an toàn, quản trị điều hành, phát hiện, cảnh báo sớm rủi ro; phòng chống rửa tiền.

Trong quá trình tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước cũng tích cực phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thông qua cung cấp thông tin, hồ sơ tài liệu, tiến hành giám định tư pháp, đặc biệt đối với những vụ việc nổi cộm tại một số tổ chức tín dụng yếu kém như Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, Ngân hàng Đại Dương, do đó hệ thống ngân hàng vẫn được bảo đảm an toàn, tâm lý người gửi tiền được duy trì ổn định.

Công tác quản lý cấp phép

Công tác cấp phép trong năm 2015 tiếp tục được quản lý theo các tiêu chuẩn, điều kiện thận trọng hơn nhằm bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống các tổ chức tín dụng, gắn với mục tiêu tái cơ cấu hệ thống tổ chức tín dụng. Tính đến ngày 31/12/2015, Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận đề nghị mở 85 chi nhánh, 233 phòng giao dịch (chủ yếu là chuyển đổi mô hình từ Quỹ tiết kiệm sang Phòng giao dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam), 04 văn phòng đại diện, 01 ngân hàng 100% vốn nước ngoài. Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tín dụng được thành lập mới đã giảm đáng kể so với thời kỳ trước khi thực hiện cơ cấu lại và chủ yếu tại địa bàn nông thôn.

Tình hình triển khai Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015 và Đề án Xử lý nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng

Công tác cơ cấu lại các tổ chức tín dụng

Năm 2015 là năm kết thúc thực hiện Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015. Do đó, ngay từ đầu năm, bên cạnh việc đẩy mạnh thực hiện thanh tra, giám sát, nhiều biện pháp cơ cấu lại đã được triển khai quyết liệt, đồng bộ, bao gồm cả việc áp dụng can thiệp bắt buộc để kiên quyết tái cơ cấu, xử lý một số tổ chức tín dụng yếu kém. Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện mua lại 03 ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém; kiểm soát đặc biệt 01 ngân hàng thương mại và 01 tổ chức tín dụng phi ngân hàng; 03 ngân hàng thương mại được sáp nhập, 02 công ty tài chính được ngân hàng



thương mại khác mua lại; thu hồi giấy phép 01 công ty tài chính và 01 chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Các ngân hàng thương mại nhà nước tiếp tục khẳng định vai trò trụ cột trong việc duy trì sự ổn định của hệ thống, là lực lượng chủ yếu, tích cực tham gia cơ cấu lại các ngân hàng yếu kém. Hoạt động mua lại, sáp nhập tổ chức tín dụng phi ngân hàng tiếp tục diễn ra khá mạnh mẽ theo hướng mua lại, thoái vốn hoặc giải thể, phá sản. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ, hướng dẫn hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân; điều hòa nguồn vốn nhàn rỗi, hỗ trợ thanh khoản để mở rộng tín dụng, bảo đảm khả năng chi trả và tăng cường tính liên kết hệ thống. Trong quá trình triển khai cơ cấu lại, Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc quản lý, tuyên truyền chủ trương, chính sách về hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân, ổn định tâm lý người gửi tiền tại góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn. Ngân hàng Nhà nước tích cực chỉ đạo việc xây dựng và phát triển các tổ chức tài chính vi mô theo Đề án “Xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến hết năm 2020”. Tính đến cuối năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã cấp phép hoạt động cho 03 tổ chức tài chính vi mô. Tình hình hoạt động của các tổ chức này về cơ bản lành mạnh, an toàn, hiệu quả kinh doanh cao, tỷ lệ nợ xấu rất thấp.

Công tác xử lý nợ xấu

Năm 2015, công tác xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Ngân hàng Nhà nước đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành tháo gỡ vướng mắc về quy định pháp lý liên quan đến xử lý nợ xấu góp phần tạo sự chủ động, trao quyền hạn phù hợp hơn cho VAMC xử lý nợ, tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu đã mua, tạo cơ sở pháp lý cho VAMC hoạt động hiệu quả hơn, góp phần đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu: **(i)** Chỉ đạo các tổ chức tín dụng xây dựng và trình phê duyệt kế hoạch xử lý nợ xấu năm 2015 với mục tiêu đưa tỷ lệ nợ xấu về mức dưới 3% đến cuối năm 2015. Trên cơ sở kế hoạch xử lý nợ xấu đã được

Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, các tổ chức tín dụng thực hiện các giải pháp xử lý nợ xấu như bán nợ xấu cho VAMC, thu hồi nợ, xử lý tài sản bảo đảm, sử dụng dự phòng; kiểm soát gia tăng nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng, năng lực đánh giá, thẩm định tín dụng và hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng; đánh giá lại các khoản nợ, có biện pháp hỗ trợ phù hợp cho khách hàng khắc phục khó khăn và phát triển sản xuất kinh doanh...; **(ii)** Tăng cường giám sát, kiểm soát chặt chẽ kết quả kinh doanh, việc tạm ứng, chia cổ tức, phân phối lợi nhuận của tổ chức tín dụng để tập trung nguồn lực tài chính để xử lý nợ xấu. Tổ chức tín dụng có nợ xấu lớn, chưa trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ hoặc chưa hoàn thành kế hoạch xử lý nợ xấu và chưa đạt tỷ lệ nợ xấu về dưới 3% sẽ bị hạn chế hoặc không được chia cổ tức, hạn chế các chỉ tiêu hoạt động cho tới khi thực hiện được yêu cầu xử lý nợ xấu của Ngân hàng Nhà nước.

Công tác phòng, chống rửa tiền

Với vai trò là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo phòng, chống rửa tiền, đầu mối của Việt Nam trong Nhóm Châu Á-Thái Bình Dương về phòng, chống rửa tiền (APG), Ngân hàng Nhà nước tiếp tục là đầu mối phối hợp với các đơn vị, bộ, ngành có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố giai đoạn 2015-2020 và thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam trong APG. Năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã tiếp nhận gần 1.500 báo cáo giao dịch đáng ngờ từ các đối tượng báo cáo. Căn cứ kết quả phân tích, Ngân hàng Nhà nước đã chuyển giao nhiều vụ việc cho cơ quan điều tra của Bộ Công an và cơ quan có thẩm quyền khác có liên quan. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước còn hỗ trợ cung cấp nhiều lượt thông tin cho cơ quan thanh tra, điều tra, tố tụng trong và ngoài nước trong quá trình thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền và tội phạm khác có liên quan.

Bên cạnh đó, trong năm 2015 Ngân hàng Nhà nước tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính triển khai việc ký kết Hiệp định liên chính phủ về Đạo luật tuân thủ thuế đối với tài khoản ở nước ngoài của Hoa Kỳ (FATCA) giữa



Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hoa Kỳ và hướng dẫn các tổ chức tài chính chuẩn bị thực hiện báo cáo theo quy định của FATCA.

4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai kế hoạch hành động thực hiện các khuyến nghị của Chương trình FSAP (Kế hoạch hành động hậu FSAP)

Năm 2015 là năm thứ hai Ngân hàng Nhà nước triển khai thực hiện các khuyến nghị của Chương trình FSAP nhằm cải tiến công tác quản lý, giám sát hướng tới các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế. Ngân hàng Nhà nước theo dõi, cập nhật tiến độ thực hiện, báo cáo định kỳ hàng quý và đưa ra các giải pháp kịp thời đối với bốn nhóm hành động về khuôn khổ ổn định tài chính, thanh tra, giám sát, cơ sở hạ tầng tài chính, tăng cường chức năng VAMC và xử lý nợ xấu. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động, tích cực phối hợp với các bộ ngành hữu quan triển khai các hành động, đảm bảo thực hiện các nội dung theo kế hoạch thực hiện hậu FSAP.

Ngân hàng Nhà nước triển khai xây dựng khung chính sách an toàn vĩ mô nhằm ngăn ngừa rủi ro hệ thống tài chính

Nhận thức rõ sự gắn kết hài hòa giữa công tác giám sát và điều hành chính sách an toàn vĩ mô, trong năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã bắt đầu triển khai xây dựng Khung chính sách an toàn vĩ mô bao gồm ba cấu phần chính là hoạt động theo dõi, giám sát rủi ro hệ thống; lựa chọn và thực thi công cụ an toàn vĩ mô; khuôn khổ thể chế phù hợp. Đối với hoạt động theo dõi, giám sát rủi ro hệ thống, Ngân hàng Nhà nước đã từng bước xây dựng hệ thống báo cáo phân tích định kỳ (tháng, quý, đột xuất). Cụ thể, báo cáo chuyên đề định kỳ tháng theo dõi ổn định tiền tệ, tài chính toàn cầu và hệ thống tài chính trong nước; báo cáo quý phân tích, đánh giá sâu hơn tác động của khu vực doanh nghiệp, hộ gia đình, thị trường bất động sản đối với ổn định tài chính; báo cáo đột xuất phản ánh những biến động trên thị trường tài



Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai kế hoạch hành động thực hiện các khuyến nghị của Chương trình FSAP, xây dựng khuôn khổ an toàn vĩ mô nhằm ngăn ngừa rủi ro hệ thống.

chính quốc tế có thể tạo ra những cú sốc, nguy cơ rủi ro dẫn tới bất ổn tài chính. Định kỳ hàng năm, Ngân hàng Nhà nước xây dựng Báo cáo Ổn định tài chính nhằm đưa ra một bức tranh tổng thể khai thác và phân tích mối liên kết tài chính-vĩ mô, hệ thống tài chính và các khu vực kinh tế, nhận diện rủi ro hệ thống, phân tích nguyên nhân, nguồn gốc, từ đó đưa ra những cảnh báo và đề xuất giải pháp chính sách cho mục tiêu ổn định tài chính. *Đối với nội dung lựa chọn và thực thi công cụ an toàn vĩ mô*, trong năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã hình thành cơ bản hệ thống cơ sở dữ liệu về ổn định tài chính, thiết lập bộ chỉ số an toàn vĩ mô (MPIs) nhằm phục vụ công tác theo dõi, phân tích, đánh giá rủi ro hệ thống, giám sát an toàn vĩ mô. *Đối với nội dung xây dựng khuôn khổ thể chế phù hợp*, ngay từ đầu năm, Ngân hàng Nhà nước đã tập trung nghiên cứu, xây dựng nghị định về đảm bảo ổn định tài chính và thành lập Hội đồng ổn định tài chính quốc gia nhằm tăng cường phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các bộ ngành cũng như các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.

5. Công tác pháp chế

Công tác xây dựng pháp luật

“

Công tác xây dựng và thực thi pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tiền tệ - ngân hàng, góp phần minh bạch hóa hệ thống pháp luật về ngân hàng.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tập trung hoàn thiện thể chế cho hoạt động ngân hàng, đã xây dựng, ban hành theo thẩm quyền, phối hợp ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành 46 văn bản quy phạm pháp luật bao gồm 03 nghị định của Chính phủ, 42 thông tư và 01 thông tư liên tịch. Các văn bản này tập trung hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động ngân hàng như: **(i)** Mua bán và xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng; **(ii)** Các quy định về thành lập, tổ chức và hướng dẫn nghiệp vụ hoạt động của tổ chức tín dụng; **(iii)** Các quy định tạo cơ sở pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ, phát triển các dịch vụ tài chính, triển khai các chính sách hỗ trợ tín dụng nhằm khơi thông nguồn vốn cho nền kinh tế; **(iv)** Các quy định thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, nâng cao tính an toàn của hệ thống thanh toán và các văn bản pháp lý liên quan đến lĩnh vực thanh toán. Một

số văn bản nổi bật trong năm 2015 bao gồm: Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31/3/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 về thành lập, tổ chức và hoạt động của VAMC; Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28/8/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC; Thông tư số 18/2015/TT-NHNN ngày 22/10/2015 quy định tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt thay thế cho Thông tư số 20/2013/TT-NHNN ngày 09/9/2013; Thông tư số 23/2015/TT-NHNN ngày 04/12/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 581/2003/QĐ-NHNN ngày 09/6/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước... Việc xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong năm 2015 đã giúp hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động ngân hàng theo hướng lành mạnh hóa tổ chức và hoạt động các tổ chức tín dụng, nâng cao khả năng kiểm soát, giám sát của Ngân hàng Nhà nước đối với hoạt động của từng tổ chức tín dụng và sự ổn định, an toàn của hệ thống ngân hàng.

Tăng cường thực thi pháp luật ngân hàng

Để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ngân hàng, năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã tập trung triển khai các nhiệm vụ sau: **(i)** Tăng cường công tác theo dõi tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, cụ thể đã rà soát 122 văn bản luật, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ để kịp thời ban hành đồng bộ các văn bản hướng dẫn; **(ii)** Tiến hành rà soát văn bản quy phạm pháp luật định kỳ và theo chuyên đề. Cụ thể: về thực hiện rà soát định kỳ, Ngân hàng Nhà nước đã công bố danh mục 96 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý của Ngân hàng Nhà nước; về thực hiện rà soát theo chuyên đề, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện rà soát các quy định Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp có

ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước, rà soát các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong nước và điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc lĩnh vực ngân hàng...; **(iii)** Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trọng tâm là các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội; **(iv)** Tiếp tục hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 01/10/1990 đến ngày 31/12/1996. Kết quả trong năm 2015 đã rà soát được 439 văn bản do Ngân hàng Nhà nước chủ trì; bãi bỏ 128 văn bản không còn phù hợp, qua đó góp phần minh bạch hóa hệ thống pháp luật về ngân hàng.

6. Công tác phát hành kho quỹ

Về hoạt động phát hành và điều hòa tiền mặt

“

Triển khai quyết liệt công tác phát hành và kho quỹ đảm bảo an ninh tiền tệ, an toàn hệ thống.

Trong năm 2015, Ngân hàng Nhà nước chủ động theo dõi sát diễn biến tiền mặt, cập nhật số liệu hoạt động các quỹ tiền mặt, tính toán khả năng bảo quản và nhu cầu tiền của từng khu vực, từng địa phương trong từng thời điểm, thời kỳ để chủ động cung ứng, điều hòa linh hoạt lượng tiền mặt đáp ứng kịp thời nhu cầu thanh toán bằng tiền mặt của nền kinh tế, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Đặc biệt, khi áp lực thu, chi tiền mặt tăng cao, công tác điều hòa tiền mặt được triển khai khẩn trương, đảm bảo lưu thông tiền mặt của nền kinh tế thông suốt. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tuyên truyền chủ trương phát hành, cung ứng tiền mặt của Ngân hàng Nhà nước và việc sử dụng đúng mục đích tiền mệnh giá nhỏ trong lưu thông. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, bài bản và quyết liệt công tác tiêu hủy tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, góp phần giảm tải sức chứa của hệ thống kho tiền.

Công tác an toàn kho quỹ

Công tác kiểm đếm, đóng gói, giao nhận, thu chi, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá được tuân thủ đúng quy định và đảm bảo an toàn kho quỹ. Các tổ chức tín dụng đã chủ động hiện đại hóa



ng nghiệp vụ ngân quỹ; hệ thống kho tiền được đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa và lắp đặt đầy đủ các thiết bị an toàn. Bên cạnh đó, cơ chế quản lý tiền mặt được Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn kịp thời, phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn. Những tồn tại trong quá trình thực hiện quy trình nghiệp vụ, chỉ đạo kịp thời để rút kinh nghiệm.

Công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả

Nhằm từng bước hạn chế tiền giả, Ngân hàng Nhà nước đã nghiên cứu, phân tích bằng công nghệ hiện đại, phối hợp với các đơn vị liên quan giám định phương thức, vật liệu làm giả của các loại tiền để đưa ra các thông tin cảnh báo giúp cho hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước trong việc chủ động giám định và xử lý thông tin về tiền giả. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục phát huy tốt sự phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân kiểm tra, phân biệt tiền thật/giả trên các phương tiện thông tin đại chúng.

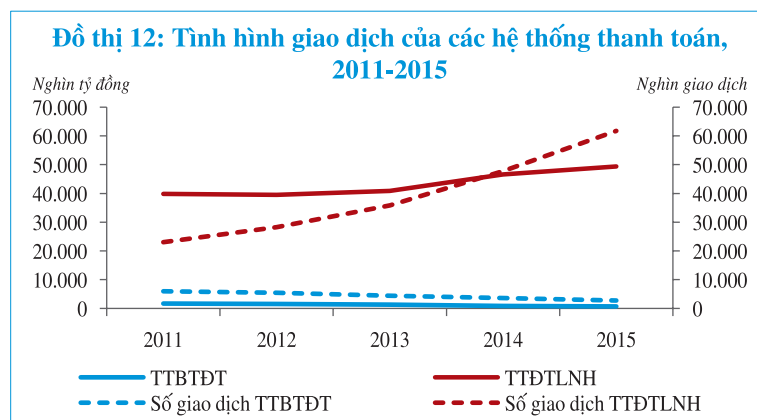
7. Công nghệ ngân hàng và hoạt động thanh toán

Hiện đại hóa hệ thống thanh toán

Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước đến cuối năm 2015 đã kết nối được với 355 đơn vị thành viên, trong đó có 63 đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, 292 đơn vị thành viên trực tiếp thuộc 96 tổ chức tín dụng. Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng trong năm 2015 đạt 49.381 nghìn tỷ đồng, với 61.745 nghìn giao dịch (tăng tương ứng 6,0% và 29,4% so với năm 2014). Cùng với sự phát triển của Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, phạm vi và quy mô của Hệ thống thanh toán bù trừ điện tử có xu hướng giảm dần qua các năm. Hệ thống thanh toán bù trừ điện tử có tổng số 656 thành viên, giảm 159 đơn vị thành viên so với cuối năm 2014. Tổng giá trị giao dịch thanh toán bù trừ điện tử đạt 693 nghìn tỷ đồng với hơn 2.750 nghìn giao dịch (giảm tương ứng 16,2% và 24,5% so với năm 2014).



Hệ thống thanh toán tiếp tục được hiện đại hóa, hoạt động ổn định, an toàn, phục vụ tốt nhu cầu thanh toán trong nền kinh tế, góp phần đẩy nhanh tốc độ thanh toán.

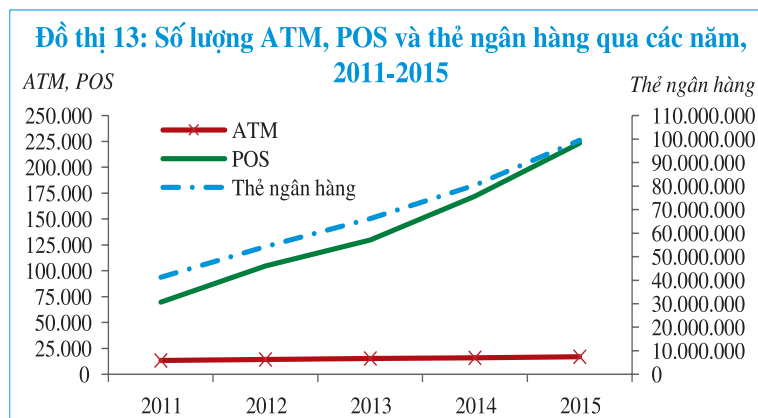


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tập trung chỉ đạo triển khai các nội dung thuộc Đề án xây dựng Trung tâm Chuyển mạch thẻ thống nhất. Ngày 01/4/2015, Ngân hàng Nhà nước đã hoàn thành sáp nhập Công ty Cổ phần Dịch vụ thẻ (Smartlink) vào Công ty Cổ phần Chuyển mạch tài chính Quốc gia Việt Nam (Banknetvn) để hình thành Trung tâm chuyển mạch thẻ thống nhất. Đồng thời chỉ đạo triển khai một số nội dung sau sáp nhập, như xem xét việc góp vốn của NHNN vào công ty sau sáp nhập; triển khai Dự án xây dựng Bộ tiêu chuẩn thẻ chip nội địa và ban hành Kế hoạch chuyển đổi thẻ ngân hàng từ thẻ từ sang thẻ gắn vi mạch điện tử; nghiên cứu, triển khai xây dựng Hệ thống thanh toán bù trừ tự động phục vụ cho các giao dịch thanh toán bán lẻ (ACH) tại Việt Nam.

Thực hiện Kế hoạch phát triển thanh toán thẻ qua điểm chấp nhận thẻ (POS) giai đoạn 2014-2015, Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản chỉ đạo các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố, các ngân hàng thương mại và công ty chuyển mạch thẻ tiếp tục đẩy mạnh phát triển thanh toán thẻ qua POS, theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình triển khai. Trong năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận cho các ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, Kỹ Thương Việt Nam và Việt Nam Thịnh Vượng triển khai dịch vụ thanh toán thẻ qua mPOS (mobile POS) và thí điểm sử dụng hóa đơn thanh toán điện tử. Nhìn chung, hoạt động thanh toán thẻ qua POS năm 2015 tiếp tục có

chuyển biến tích cực. Chủ thẻ đã dần quen với việc dùng thẻ để thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ tại những nơi có lắp đặt POS; đến cuối năm 2015, cả nước đã có trên 223.300 POS/EDC được lắp đặt (tăng 24,1% so với cuối năm 2014).



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Công tác quản lý hoạt động thanh toán tiếp tục chú trọng vào việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Các phương tiện và dịch vụ thanh toán mới, hiện đại tiếp tục được phát triển, đa dạng hóa với nhiều sản phẩm an toàn, tiện lợi, phù hợp với xu thế thanh toán trên thế giới như: Thẻ ngân hàng, Mobile Banking, Internet Banking,... phục vụ nhiều đối tượng khách hàng khác nhau. Đến cuối năm 2015, đã có khoảng 70 ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ Internet Banking và khoảng 30 ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ Mobile Banking cho khách hàng là cá nhân, doanh nghiệp. Đối với thẻ ngân hàng, trong năm 2015 Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi thẻ ngân hàng từ thẻ từ sang thẻ gắn vi mạch điện tử, mục tiêu là chậm nhất đến 31/12/2020, toàn bộ thị trường thẻ Việt Nam sẽ hoàn thành chuyển đổi từ thẻ từ sang thẻ chip. Đến cuối năm 2015, số lượng thẻ phát hành trên cả nước đạt trên 99,5 triệu thẻ (tăng 22,0% so với cuối năm 2014).

Ngân hàng Nhà tiếp tục triển khai Đề án thí điểm phát triển một số hình thức thanh toán không dùng tiền mặt ở khu vực nông thôn tại Việt Nam giai đoạn 2014-2015 nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán, chuyển tiền, góp phần phát triển thanh toán không dùng tiền mặt ở

khu vực nông thôn, gắn với tăng cường tài chính toàn diện. Trong năm 2015, Ngân hàng Nhà nước theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện thí điểm của 03 mô hình thanh toán: NHTM Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam phối hợp với Công ty Cổ phần Dịch vụ di động trực tuyến; NHTM Cổ phần Xăng dầu Petrolimex phối hợp với Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; NHTM Cổ phần Quân đội phối hợp với Tập đoàn Viễn thông Quân đội. Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận cho các đơn vị này tiếp tục triển khai thí điểm trong năm 2016. Năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho 08 tổ chức không phải là ngân hàng cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

Công tác quản lý hoạt động thanh toán và giám sát các hệ thống thanh toán

Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động thanh toán tiếp tục được hoàn thiện nhằm tạo sự đồng bộ và tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt; công tác giám sát hệ thống thanh toán tiếp tục chú trọng vào đảm bảo an ninh, an toàn trong các giao dịch thanh toán, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế. Năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 22/2015/TT-NHNN ngày 20/11/2015 quy định hoạt động cung ứng và sử dụng séc; nghiên cứu trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định về thanh toán không dùng tiền mặt; nghiên cứu hoàn thành xây dựng dự thảo Thông tư quy định về hoạt động thẻ ngân hàng, Thông tư hướng dẫn việc mở tài khoản thanh toán và thực hiện giao dịch cho Kho bạc Nhà nước và các văn bản pháp lý liên quan trong lĩnh vực thanh toán. Triển khai Chiến lược giám sát các hệ thống thanh toán tại Việt Nam giai đoạn 2014-2020, trong năm 2015, bên cạnh việc giám sát trực tuyến hàng ngày đối với Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước cũng thực hiện giám sát định kỳ đối với các hệ thống thanh toán ngoại tệ, thanh toán chứng khoán; tập trung theo dõi, giám sát hoạt động thanh toán thẻ để đảm bảo an ninh, an toàn, tăng cường chất lượng dịch vụ, đồng thời mở rộng hoạt động giám sát đối với các dịch vụ trung gian thanh toán; hoàn thiện tổ chức bộ



máy, đào tạo, tăng cường năng lực, đồng thời phát triển các công cụ giám sát để triển khai thực hiện một cách hiệu quả. Định hướng đến năm 2020, Ngân hàng Nhà nước sẽ hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, thực hiện giám sát toàn diện các hệ thống thanh toán tại Việt Nam theo thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện của Việt Nam nhằm đảm bảo sự ổn định, an toàn và hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia.

8. Hoạt động thông tin tín dụng

Năm 2015 là năm bản lề, đánh dấu sự chuyển đổi mạnh mẽ trong hoạt động thông tin tín dụng của Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC) với việc triển khai hệ thống thông tin tín dụng mới, mở rộng quy mô và chất lượng của cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia, xây dựng cổng kết nối khách hàng vay, đẩy mạnh minh bạch hóa thông tin tín dụng.

Hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia

Sau hai năm thực hiện Đề án phát triển CIC, cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia được mở rộng cả về chiều rộng và chiều sâu thông qua việc đẩy mạnh thu thập và tích hợp thông tin từ các nguồn thông tin phi truyền thống như các Quỹ tín dụng nhân dân, các Tổ chức tài chính vi mô, VAMC. Tính đến cuối năm 2015, 100% các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã, Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã gửi thông tin về CIC. Riêng khối tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân, CIC đã thu thập được số liệu từ gần 1.000 tổ chức, gấp 3 lần so với năm 2014. Kho dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia bao gồm: thông tin định danh khách hàng vay; thông tin hợp đồng tín dụng; thông tin quan hệ tín dụng, tài sản bảo đảm; thông tin thẻ tín dụng, báo cáo tài chính của khách hàng vay; thông tin đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng... Cơ sở dữ liệu được cập nhật định kỳ 03 ngày đối với dữ liệu phát sinh, hàng tháng đối với dữ liệu không có biến động và được lưu trữ trong 05 năm.

“

Hoạt động của Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam ngày càng hiệu quả, góp phần minh bạch hóa thông tin và góp phần ngăn ngừa rủi ro cho hoạt động ngân hàng.

Hoạt động cung cấp thông tin của Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam

Hoạt động thông tin tín dụng đã hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý nhà nước trong việc giám sát hoạt động tín dụng, quản trị rủi ro và đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng thông qua đẩy mạnh phát triển hệ thống các sản phẩm theo yêu cầu quản lý như báo cáo khách hàng vay có nợ xấu, báo cáo tổng hợp về tập đoàn, tổng công ty nhà nước, báo cáo tổng hợp theo vùng, miền, ngành nghề, báo cáo tổng hợp dư nợ các cổ đông của các tổ chức tín dụng, báo cáo thông tin về tình hình nguồn vốn của các doanh nghiệp bất động sản có dư nợ lớn...

Đối với các tổ chức tín dụng và các đơn vị hỏi tin ngoài Ngân hàng Nhà nước, các sản phẩm thông tin tín dụng không ngừng được cải tiến về chất lượng, đa dạng hóa về loại hình sản phẩm. Trong năm 2015, CIC đã cung cấp trên 07 triệu báo cáo các loại, tăng 80% so với năm 2014. Ngoài ra, CIC còn cung cấp thông tin theo lô (batch report) phù hợp với yêu cầu riêng của từng đơn vị tra cứu.

Nghiệp vụ xếp hạng tín dụng

Biểu 4: Chỉ tiêu chiều sâu thông tin tín dụng năm 2015

Chỉ tiêu	Việt Nam	Đông Á và Thái Bình Dương	OECD
Độ sâu thông tin tín dụng (thang điểm 0-8) – Depth of credit information index	7,0	3,9	6,5
Độ phủ thông tin của Trung tâm Thông tin tín dụng công lập (Tỷ lệ % hồ sơ/người trưởng thành) – Credit registry coverage (% of adults)	41,5	14,0	11,9
Độ phủ thông tin của Trung tâm Thông tin tín dụng tư nhân (Tỷ lệ % hồ sơ/người trưởng thành) – Credit bureau coverage (% of adults)	6,9	21,9	66,7

Nguồn: World Bank – Doing Business 2016

Năm 2015, CIC xây dựng thành công mô hình xếp hạng tín dụng thể nhân theo chuẩn quốc tế. Từ đó, thực



hiện chấm điểm tín dụng trên 04 triệu khách hàng vay cá nhân, hỗ trợ các tổ chức tín dụng tuân thủ các yêu cầu của Hiệp ước Basel II theo lộ trình của Ngân hàng Nhà nước. Bên cạnh đó, CIC cũng đã xây dựng thành công công thông tin điện tử kết nối với khách hàng vay.

Theo xếp hạng về môi trường kinh doanh 2015 của Ngân hàng Thế giới, năm 2015, chỉ số chiều sâu thông tin tín dụng của Việt Nam đạt 7/8 điểm, góp phần nâng cao chỉ số tiếp cận tín dụng lên 8 bậc và ở vị trí khá cao, thứ 28/189 nước, vùng lãnh thổ được xếp hạng.

9. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin

Với việc kiện toàn bộ máy Ban Truyền thông trực thuộc Ngân hàng Nhà nước, công tác thông tin, truyền thông của Ngân hàng Nhà nước trong năm 2015 tiếp tục được đẩy mạnh, tăng tính chủ động theo hướng công khai, minh bạch, về cơ bản đã tạo được sự chuyển biến về nhận thức trong toàn xã hội, thu hút sự quan tâm của đông đảo công chúng, từ đó tạo sự đồng thuận của dư luận, xã hội đối với chính sách của Ngân hàng Nhà nước và hoạt động ngân hàng. Nhận thức về vai trò, ý nghĩa quan trọng của công tác truyền thông trong đội ngũ cán bộ, công chức Ngân hàng Nhà nước cũng ngày càng được nâng cao.

Bằng các hình thức truyền thông đa dạng, phong phú như bài viết, trả lời phỏng vấn, phóng sự, thông cáo báo chí, hội thảo, tọa đàm,... Ngân hàng Nhà nước đã cung cấp cho báo chí, công chúng, các thành viên tham gia thị trường một cách thường xuyên, có hệ thống các thông tin về điều hành chính sách của Ngân hàng Nhà nước và hoạt động của hệ thống ngân hàng. Nhờ đó, hoạt động truyền thông của Ngân hàng Nhà nước đã góp phần giúp các cơ quan báo chí, doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân nắm bắt đầy đủ, hiểu đúng và có thái độ tích cực, khách quan hơn trong việc tiếp nhận thông tin, bình luận về các chính sách điều hành của Ngân hàng Nhà nước và hoạt động của các tổ chức tín dụng, từ đó củng cố lòng tin của cộng đồng doanh nghiệp và công chúng vào các chủ trương, giải pháp của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

“

Công tác truyền thông tiếp tục được đẩy mạnh, tăng tính chủ động, phương thức truyền thông đa dạng, gia tăng hàm lượng thông tin công bố được dư luận trong nước và quốc tế đánh giá cao.

Phần III – Quản trị nội bộ

1. Hoạt động kiểm toán nội bộ

“

Hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ tiếp tục tập trung vào những nội dung tiềm ẩn rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động, an toàn của Ngân hàng Nhà nước.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ theo Thông tư số 16/2011/TT-NHNN ngày 17/8/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, trong đó chú trọng vào những nội dung tiềm ẩn rủi ro, đặc biệt là kiểm toán tính tuân thủ, hoạt động, bảo đảm an toàn sản, tài chính của Ngân hàng Nhà nước.

Năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính tại 11 đơn vị (01 Vụ, Cục; 01 đơn vị sự nghiệp và 09 Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố); kiểm toán tuân thủ hoạt động tại 13 đơn vị (05 Vụ, Cục; 01 đơn vị và 07 Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố); kiểm toán Dự án đầu tư xây dựng tại 07 đơn vị; kiểm toán hoạt động kho quỹ tại 06 đơn vị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có quản lý kho tiền; kiểm toán quản lý và sử dụng hệ thống công nghệ thông tin tại 08 đơn vị và kiểm toán 2 kỳ/năm đối với dự án FSMIMS.

Hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2015 đã giúp các đơn vị chỉnh sửa kịp thời các tồn tại, thiếu sót nhằm nâng cao năng lực quản lý điều hành đảm bảo hoạt động tuân thủ đúng pháp luật, quản lý và sử dụng an toàn tài sản vốn của Nhà nước.

2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng

Biên chế, cơ cấu nhân sự và công tác cán bộ

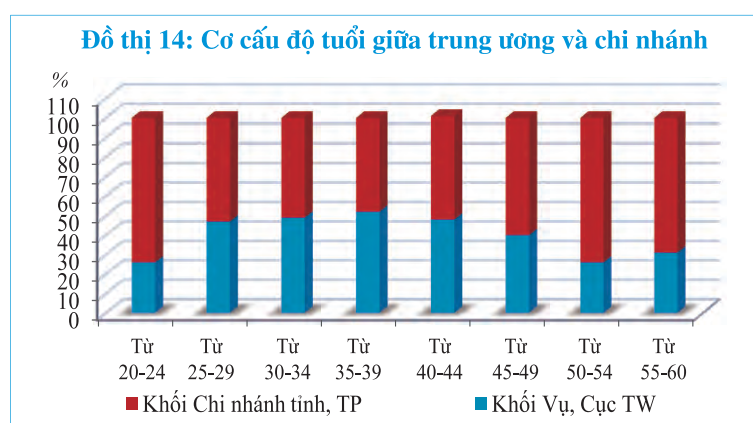
“

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tăng cường chất lượng nhân sự cho các đơn vị của Ngân hàng Nhà nước; nâng cao hiệu quả công tác

Trên cơ sở tổng số biên chế được Bộ Nội vụ giao, Ngân hàng Nhà nước đã phê duyệt và thông báo cho các đơn vị trực thuộc. Đồng thời, để triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và các văn bản liên quan, Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng các dự thảo: Kế hoạch của Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước về thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của

đào tạo, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và mục tiêu sử dụng.

Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong ngành ngân hàng; Hướng dẫn thực hiện chính sách tinh giản biên chế; Đề án “Tinh giản biên chế của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giai đoạn 2015-2021”. Cơ cấu số lượng và độ tuổi của công chức giữa khối Vụ, Cục Ngân hàng Trung ương và khối Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố như sau:



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Qua cơ cấu nêu trên, có thể thấy công tác cán bộ năm 2015 tiếp tục được quan tâm với mục tiêu xây dựng được đội ngũ cán bộ trẻ, được đào tạo bài bản, có năng lực chuyên môn sâu cho khối hoạch định, thực thi chính sách và giám sát hoạt động ngân hàng tại các Vụ, Cục. Ngân hàng Nhà nước đã ưu tiên tuyển dụng các ứng viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, đã và đang công tác thực tế tại các ngân hàng thương mại, hoặc những người có trình độ trên đại học, tốt nghiệp xuất sắc tại các cơ sở đào tạo có uy tín để có thể đáp ứng ngay yêu cầu của công việc. Bên cạnh đó, công tác luân chuyển cán bộ được tăng cường không chỉ trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước mà còn triển khai tại các tổ chức tín dụng nhằm phát huy tối đa năng lực của cán bộ trẻ và tạo ra động lực, nhân tố mới có tính đột phá trong thực hiện nhiệm vụ của ngành. Trong thời gian qua, một số cán bộ chủ chốt, có trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, kinh nghiệm thực tiễn được điều động, bổ nhiệm lãnh đạo cấp Vụ, Cục. Ngược lại, một số cán bộ cấp Vụ từ Ngân hàng Nhà nước được điều động giữ vị trí chủ chốt tại các ngân

hàng thương mại, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Bên cạnh đó, việc bố trí, sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng như cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ngân hàng Nhà nước đã bám sát chức năng, nhiệm vụ được giao và sơ đồ vị trí việc làm của từng đơn vị nhằm hướng tới sự chuyên nghiệp của từng vị trí, từng đơn vị.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Công tác đào tạo, bồi dưỡng bám sát mục tiêu xây dựng đội ngũ, cán bộ công chức Ngân hàng Nhà nước chuyên nghiệp, có đủ năng lực xây dựng và thực thi chính sách của ngân hàng trung ương, theo các thông lệ, chuẩn mực quốc tế, thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Năm 2015, có 5.622 lượt cán bộ, công chức, viên chức của Ngân hàng Nhà nước tham gia 111 khóa đào tạo, bồi dưỡng trong đó 12 khóa học sử dụng hình thức truyền hình trực tuyến (video conference) với tổng số 2.413 lượt học viên; thí điểm 01 khóa học từ xa (e-learning) với 125 học viên. Trong năm 2015, nhiều cán bộ được cử tham gia các khóa đào tạo sau đại học trong và ngoài nước; khóa đào tạo, bồi dưỡng, thực tập, nghiên cứu nhằm triển khai Đề án Đào tạo chuyên gia giai đoạn 2013-2020 dưới các hình thức bồi dưỡng chuyên sâu. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước tăng cường khai thác hiệu quả hỗ trợ của các đối tác quốc tế cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng thông qua các chương trình, dự án phối hợp với IMF, SEACEN, ADB, WB, JICA (Nhật Bản), GIZ (Đức), SECO (Thụy Sĩ), BRASS (Canada), Học bổng Chính phủ Úc và ngân hàng

trung ương các nước Thụy Điển, Singapore,... nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn của các đơn vị. Nhìn chung, công tác đào tạo năm 2015 đã thực hiện tốt “Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Ngân hàng Nhà nước năm 2015”, gắn kết chặt chẽ đào tạo với quy hoạch và mục tiêu sử dụng.

3. Công tác nghiên cứu khoa học

Nhằm kiện toàn hoạt động khoa học và nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi cho hoạt động khoa học và công nghệ ngân hàng vận hành thông suốt, hiệu quả, trong năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 37/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Ngân hàng Nhà nước. Quy trình xây dựng và triển khai các định hướng, chủ đề nghiên cứu khoa học được điều chỉnh theo hướng khoa học và đa chiều. Hệ thống văn bản, mẫu biểu, hồ sơ liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý và báo cáo khoa học, công nghệ dần dần được chuẩn hóa nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Năm 2015, ngành ngân hàng chủ trì triển khai nghiên cứu 03 đề tài cấp nhà nước; 21 đề tài/dự án cấp ngành; 56 đề tài/dự án cấp cơ sở. Các đề tài, dự án đã bám sát mục tiêu và nhiệm vụ của Ngành, tập trung nghiên cứu về các vấn đề lý thuyết, xây dựng luận cứ khoa học cho các giải pháp quản lý, điều hành của Ngân hàng Nhà nước cũng như các hoạt động thúc đẩy sự phát triển trong giai đoạn hiện nay; tăng cường năng lực thanh tra giám sát, cải tiến quy trình nghiệp vụ ngân hàng... Công tác phổ biến thông tin khoa học và công nghệ cũng đạt những kết quả đáng ghi nhận, kết quả nghiên cứu từng phần của các đề tài được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, phát hành cẩm nang, sách chuyên khảo. Trong năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam và Ngân hàng thế giới tổ chức hội thảo khoa học quốc tế “Việt Nam trở thành trung tâm chế biến, chế tạo mới của thế giới”; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức

“

Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ ngành ngân hàng luôn bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra cho ngành và có những bước đổi mới tích cực đóng góp đáng kể vào nghiên cứu lý luận, điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động quản lý vĩ mô của Ngân hàng Nhà nước.

Hội thảo khoa học quốc gia “*Phát triển kinh tế-xã hội và ngành Ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*” và nhiều sự kiện lớn thường niên của ngành như Banking Vietnam 2015. Bên cạnh đó, từ tháng 10/2015, hoạt động khoa học và công nghệ của ngành được đầu tư theo hướng hiện đại hóa thông qua việc xây dựng và chính thức vận hành cổng thông tin điện tử khoa học và công nghệ ngành ngân hàng www.khoahocnganhang.org.vn. Đặc biệt, cũng từ tháng 10/2015, Bản tin điện tử Nghiên cứu khoa học được phát hành định kỳ hàng tháng nhằm cung cấp thông tin về các kết quả nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động của ngành.

4. Công tác thống kê

“

Công tác thống kê của Ngân hàng Nhà nước tiếp tục được hoàn thiện và phát triển, phục vụ tốt hơn cho công tác chỉ đạo điều hành.

Năm 2015, bên cạnh việc tăng cường công tác thu thập, kiểm tra, tra soát, tổng hợp thông tin báo cáo nhằm đáp ứng thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát bảo đảm an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục hoàn thiện thể chế cho công tác thống kê thông qua việc ban hành Thông tư số 35/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 quy định chế độ báo cáo áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 35) thay thế Thông tư số 31/2013/TT-NHNN ngày 13/12/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Thông tư 35 được xây dựng theo hướng tập trung các yêu cầu báo cáo đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm cơ sở cho việc phân tích, dự báo, phục vụ Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan trong công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát an toàn hoạt động tổ chức tín dụng và xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển ngành ngân hàng được tích hợp trong một chế độ báo cáo duy nhất; nhằm tạo điều kiện xây dựng kho dữ liệu tập trung, thống nhất, có khả năng tích hợp với các hệ thống thông tin khác của Ngân hàng Nhà nước (Data warehouse). Đồng thời, Thông tư 35 cũng là cơ sở pháp lý quan trọng để Ngân hàng Nhà nước triển khai Hợp đồng SG4 “Quản trị dữ liệu, kho dữ liệu và các ứng dụng liên quan cho Ngân

hàng Nhà nước” thuộc khuôn khổ Dự án FSMIMS, ứng dụng công nghệ tin học tiên tiến, hiện đại trong khai thác, tổng hợp báo cáo.

Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính trong nước và quốc tế; thu thập thông tin về tình hình thu chi ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ; xu hướng kinh doanh theo định kỳ quý và kỳ vọng lạm phát của các tổ chức tín dụng theo định kỳ tháng; xây dựng và định kỳ cập nhật bảng dashboard các dữ liệu trên, cho phép người dùng tiếp cận nhanh chóng các mảng thông tin một cách tổng quan và chi tiết. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tin học vào công tác thống kê nhằm đáp ứng nhanh chóng, kịp thời việc khai thác, lưu trữ và chia sẻ thông tin trong nội bộ Ngân hàng Nhà nước. Kết quả trên đã góp phần phục vụ cho công tác phân tích, dự báo, hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước.

5. Công nghệ thông tin

Tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ thông tin

Nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin và đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của thực tiễn, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật như: Thông tư số 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 quy định về hệ thống mã ngân hàng dùng trong hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng; Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước; Thông tư số 31/2015/TT-NHNN ngày 28/12/2015 quy định về đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động công nghệ thông tin thông qua tổng hợp, xử lý báo cáo nhận từ các tổ chức tín dụng; kiểm tra tuân thủ các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực công

“

Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin đi đôi với nâng cao chất lượng, an toàn và hiệu quả khai thác, sử dụng.

nghệ thông tin, chuyên đề an ninh mạng tại 11 tổ chức tín dụng để kịp thời đưa ra khuyến nghị, chấn chỉnh kịp thời các khiếm khuyết, đảm bảo các hệ thống thông tin ngân hàng vận hành thông suốt, liên tục và an toàn; xây dựng mạng lưới ứng cứu sự cố trong ngành ngân hàng, xây dựng Khung kiến trúc Chính phủ điện tử.

Duy trì hoạt động ổn định, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng và chuẩn hoá hạ tầng công nghệ thông tin

Năm 2015, với mục tiêu từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, truyền thông đảm bảo an toàn, an ninh thông tin phục vụ tốt cho các hoạt động nghiệp vụ theo hướng tập trung, Ngân hàng Nhà nước đã từng bước chuyển dịch, chuẩn hoá hạ tầng mạng, máy chủ, tủ đĩa, phần mềm hệ thống, cơ sở dữ liệu và phần mềm lớp giữa để hướng tới cung cấp dịch vụ hạ tầng theo mô hình điện toán đám mây; hoàn thành tài liệu thiết kế Trung tâm dữ liệu mới của Ngân hàng Nhà nước theo Tier 3 chuẩn TIA942 và chuẩn bị lựa chọn, triển khai dự án cung cấp, lắp đặt và di chuyển Trung tâm dữ liệu mới của Ngân hàng Nhà nước.

Ngân hàng Nhà nước cũng đã thực hiện nâng cấp hệ thống thư điện tử lên MS Exchange 2013 và tích hợp với chữ ký số; mở các khóa học về sử dụng thư điện tử; nâng cấp hệ thống website đạt được các chuẩn Nhà nước quy định đối với Cổng Thông tin điện tử của cơ quan cấp bộ, ngành; nâng cấp 11 Dịch vụ công của Ngân hàng Nhà nước lên mức 3, 4 và chuẩn bị sẵn sàng nền tảng cho việc triển khai các dịch vụ công khác của Ngân hàng Nhà nước lên mức 3 và 4.

Triển khai Dự án Hệ thống thông tin quản lý và Hiện đại hóa Ngân hàng (FSMIMS)

Năm 2015, Ngân hàng Nhà nước tập trung triển khai các gói thầu công nghệ thông tin theo đúng tiến độ cam kết như: Hoàn thành triển khai giai đoạn 1 và đưa vào vận hành các phân hệ cơ bản của Gói thầu SG3.1- Ngân hàng lõi, kế toán, lập ngân sách và tích hợp hệ thống cho Ngân hàng nhà nước từ ngày 01/12/2015; Hoàn thành



giai đoạn phân tích thiết kế và chuyển sang giai đoạn kiểm thử hệ thống Gói thầu SG3.2- Hệ thống quản trị văn bản và nguồn nhân lực cho Ngân hàng Nhà nước; Hoàn thành giai đoạn phân tích và thiết kế hệ thống chuyển sang giai đoạn phát triển Gói thầu SG4- Quản trị cơ sở dữ liệu, Kho dữ liệu và các ứng dụng liên quan cho Ngân hàng Nhà nước.

Phần IV – Hợp tác quốc tế

Năm 2015, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế và tăng cường huy động hỗ trợ cả về tài chính và kỹ thuật từ bên ngoài cho Việt Nam, góp phần tích cực ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển kinh tế, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế và nâng cao vị thế của Ngân hàng Nhà nước và Việt Nam trên trường quốc tế.

1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế

“

Hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới và khu vực.

Năm 2015, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục chủ động tích cực tăng cường hợp tác khu vực và quốc tế trên bình diện đa phương. Trong khuôn khổ ASEAN, xác định kinh tế, trong đó có lĩnh vực tài chính-ngân hàng là một trong ba trụ cột chính trong lộ trình xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), Ngân hàng Nhà nước đã tích cực làm việc, trao đổi để đảm bảo ASEAN đưa ra được những cải cách, quy định không chỉ mang lại lợi ích cho các nước trong khối khi AEC được chính thức hình thành vào cuối năm 2015 mà còn phù hợp với các tiêu chuẩn của thế giới, thu hút đầu tư và thương mại từ bên ngoài đến khu vực ASEAN. Về hợp tác ASEAN+3, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai các nội dung trong khuôn khổ Thỏa thuận Đa phương hóa Sáng kiến Chiềng Mai (CMIM), làm việc với Văn phòng Nghiên cứu Kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) nhằm đảm bảo hệ thống ngân hàng trong nước đáp ứng được những tiêu chuẩn giám sát kinh tế khu vực, tạo cơ sở cho Việt Nam nhận được hỗ trợ trước những biến động xấu trên thị trường tài chính, tiền tệ. Trong khuôn khổ hợp tác với Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo ngân hàng trung ương các nước Đông Nam Á (SEACEN), bên cạnh việc tham gia các hội nghị, hội thảo cấp cao thường niên, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục chủ động khai thác, tìm kiếm các cơ hội đào tạo cho cán bộ ngành, góp phần nâng cao năng lực trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

Về hội nhập kinh tế giai đoạn hậu WTO, Ngân hàng Nhà nước đang từng bước hoàn thiện khuôn khổ pháp



lý nhằm định hướng hoạt động của ngành theo đúng lộ trình. Trong năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp xây dựng “Báo cáo về kết quả quá trình hội nhập kinh tế quốc tế từ khi Việt Nam là thành viên WTO” trong lĩnh vực ngân hàng. Báo cáo cuối cùng đã đưa ra những đánh giá tích cực về công tác điều hành thị trường tiền tệ, hoàn thiện hành lang pháp lý, quản lý hoạt động thanh toán, chất lượng dịch vụ của các ngân hàng thương mại... Đó vừa là động lực vừa là thách thức để các cơ quan quản lý cũng như các tổ chức tài chính trong nước nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh.

Trong nỗ lực chung của đoàn đàm phán Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước với tư cách là trưởng nhóm dịch vụ tài chính đã tham gia chủ động, tích cực vào quá trình đàm phán FTA với nhiều đối tác chiến lược trên thế giới như EU, Mỹ, Úc, Nhật Bản...; đặc biệt Ngân hàng Nhà nước đã nỗ lực và quyết tâm trong việc kết thúc đàm phán các nội dung thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU (EVFTA); Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương – TPP; Tuyên bố chung giữa các cơ quan quản lý kinh tế vĩ mô giữa các nước tham gia TPP.

2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ Việt Nam tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Hợp tác Kinh tế Quốc tế (IBEC) và Ngân hàng Đầu tư Quốc tế (IIB), qua đó củng cố ngày một vững chắc quan hệ với các tổ chức này và khai thác hiệu quả hỗ trợ cho Việt Nam nói chung và Ngân hàng Nhà nước nói riêng.

Đối với WB và ADB, năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã đàm phán/ký kết với WB 08 chương trình/dự án có tổng trị giá hơn 1,6 tỷ USD, nâng tổng số chương trình/dự án đã đàm phán/ký kết với WB tính đến tháng 12/2015 là 163 chương trình/dự án, trị giá khoảng 20,5 tỷ

“

Tăng cường tiếng nói, vị thế tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế và đẩy mạnh gia nhập các tổ chức tài chính tiền tệ khu vực và quốc tế.

USD; và với ADB 11 chương trình/dự án có tổng trị giá hơn 1,2 tỷ USD, nâng tổng số các chương trình/dự án đã đàm phán/ký kết với ADB tính đến tháng 12/2015 là 156 chương trình/dự án, trị giá khoảng 14,64 tỷ USD. Các nguồn tài trợ từ WB/ADB chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế như nông nghiệp, năng lượng, phát triển đô thị, biến đổi khí hậu, giáo dục... đã đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước cũng đã và đang tích cực phối hợp với WB/ADB để xây dựng các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, tư vấn... đối với ngành ngân hàng – tài chính thông qua các chương trình hỗ trợ như: phát triển tài chính vi mô, phát triển tài chính toàn diện, phát triển thị trường tiền tệ... Liên quan tới chủ đề tài chính toàn diện, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động đề xuất Chính phủ xây dựng một chiến lược tổng thể, dài hạn cũng như cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan để triển khai nhằm tận dụng và khai thác nguồn lực từ các tổ chức quốc tế trong thời gian tới.

Với mức thu nhập bình quân đầu người hiện nay, Việt Nam đã đạt ngưỡng thu nhập trung bình thấp và hội đủ các tiêu chí “tốt nghiệp IDA” của WB. Tuy nhiên, để đảm bảo mọi thành quả giảm nghèo đạt được thực sự bền vững, Ngân hàng Nhà nước đã chủ trì, tích cực phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành để vận động WB và các cổ đông nhằm xây dựng cơ chế hỗ trợ phù hợp giúp Việt Nam thích nghi dần với việc tiếp cận nguồn vốn vay kém ưu đãi, đảm bảo quá trình chuyển tiếp từ trạng thái vay hỗn hợp sang chỉ vay từ nguồn IBRD diễn ra thuận lợi, không ảnh hưởng bất lợi đến sự phát triển chung của quốc gia. Đối với ADB, Ngân hàng Nhà nước đã tích cực tham gia và ủng hộ sáng kiến tái cơ cấu nguồn vốn của ADB thông qua sáp nhập nguồn vốn cho vay ADF với nguồn vốn OCR, qua đó giúp tăng năng lực cho vay của ADB trong thời gian tới và là cơ hội để Việt Nam tận dụng khả năng hỗ trợ của ADB cho các mục tiêu phát triển.

Đối với IMF, Ngân hàng Nhà nước đã tăng cường hợp tác trên tất cả các mặt, bao gồm triển khai



các hoạt động và nghĩa vụ với tư cách thành viên, đối thoại chính sách, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật. Các chương trình hợp tác đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật trong năm qua đã đi vào chiều sâu, tập trung vào các lĩnh vực chuyên môn hẹp của Ngân hàng Nhà nước nhằm áp dụng các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế tốt nhất trong lĩnh vực thống kê tiền tệ, quản lý dự trữ ngoại hối, lập trình tài chính, khuôn khổ pháp lý về tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và xử lý nợ xấu, chỉ số lành mạnh tài chính (FSI)... tạo ra bước chuyển mới về phương pháp luận trong công tác hoạch định chính sách của Ngân hàng Nhà nước. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước và IMF thường xuyên hợp tác trao đổi thông tin và duy trì hoạt động đối thoại chính sách nhằm tăng cường hiệu quả tham vấn.

Trong quan hệ với IIB/IBEC, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ tại các tổ chức này, đặc biệt trong bối cảnh 02 ngân hàng đang thực hiện những bước cải cách mạnh mẽ cơ cấu tổ chức và hoạt động của mình. Năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã tham gia tích cực vào hoạt động của 02 ngân hàng và phối hợp tổ chức thành công Hội nghị Hội đồng IIB lần thứ 104 tại Hà Nội trong tháng 12/2015. Việc đăng cai tổ chức Hội nghị Hội đồng lần này đã tạo cơ hội quảng bá cho Việt Nam, đồng thời góp phần tăng cường sự hợp tác giữa Việt Nam với các thành viên IIB.

Trong năm 2015, việc gia nhập AIIB đã khẳng định sự chủ động, tích cực của Việt Nam trong việc tìm kiếm các nhà tài trợ mới, chuẩn bị sẵn sàng cho các thách thức tới đây khi Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình. Bên cạnh đó, để định hướng cho việc tham gia sâu và rộng hơn nữa vào các thể chế tiền tệ, khu vực và quốc tế, Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Đề án “Tăng cường tham gia vào các thể chế tài chính - tiền tệ - ngân hàng khu vực và quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn 2030” nhằm tạo ra những chuyển đổi về chất trong vai trò của Việt Nam tại các tổ chức này.

3. Quan hệ hợp tác song phương

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai hiệu quả các sáng kiến, diễn đàn song phương với các đối tác như



Tích cực tăng cường hợp tác song phương theo hướng làm sâu sắc các mối quan hệ hiện có và mở rộng đối tác trên hầu hết các châu lục.

Nhật Bản, Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc... và tham gia tích cực vào các diễn đàn hợp tác liên chính phủ như các ủy ban hỗn hợp, ủy ban liên chính phủ với các nước trên thế giới nhằm thúc đẩy hợp tác song phương trong lĩnh vực ngân hàng giữa Việt Nam và các nước, tạo điều kiện cho hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam với các thị trường này, qua đó thúc đẩy hoạt động đầu tư, thương mại giữa các bên.

Về tình hình triển khai các chương trình, dự án hợp tác và hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của các đối tác song phương, Ngân hàng Nhà nước đã tích cực huy động và triển khai các dự án và hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Bộ các vấn đề toàn cầu Canada (GAC, trước đây là Bộ Ngoại giao, Thương mại và Phát triển Canada - DFATD), Cục Kinh tế Liên bang Thụy sỹ (SECO), các ngân hàng trung ương và cơ quan quản lý tiền tệ/ngân hàng các nước phục vụ cho công cuộc cải cách khu vực ngân hàng và tăng cường năng lực của Ngân hàng Nhà nước. Số lượng các dự án song phương đang triển khai và chuẩn bị huy động trong năm 2015 tăng rõ rệt, với 02 dự án cho lĩnh vực thanh tra giám sát ngân hàng, cải cách ngân hàng và xử lý nợ xấu, 02 chương trình/dự án và các hoạt động hợp tác về tăng cường năng lực cho Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại, 01 dự án đang thực hiện và 01 dự án đang huy động cho lĩnh vực in và phát hành tiền... Các chương trình/dự án và hoạt động hợp tác này đã góp phần tăng cường năng lực và cải cách, phát triển khu vực ngân hàng, phù hợp với định hướng phát triển của ngành ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước cũng chú trọng thúc đẩy hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm với NHTW các nước trong khu vực có quan hệ truyền thống lâu đời như Cam-pu-chia, Lào, Myanmar...

Về ký kết Bản Ghi nhớ, trong năm 2015, thực hiện tuyên bố chung về hợp tác Việt – Trung giữa lãnh đạo 2 nước, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động xây dựng Điều khoản Tham chiếu cho Nhóm Công tác hợp tác tài chính tiền tệ, xúc tiến việc thành lập Nhóm và đăng cai tổ chức kỳ họp đầu tiên của Nhóm tại Việt Nam. Bên



cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã chủ trì, phối hợp với các bên hữu quan hoàn tất đàm phán và chuẩn bị ký kết Hiệp định song phương với Chính phủ Hoa Kỳ (IGA) về Đạo luật tuân thủ thuế đối với tài khoản ở nước ngoài của công dân Mỹ (FATCA) nhằm triển khai thực hiện FATCA tại Việt Nam trong thời gian tới, phối hợp với Bộ Tài chính chủ động tiếp xúc với các tổ chức tài chính để phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy định của FATCA. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước cũng chủ động đề xuất và ký kết thêm 03 Bản Ghi nhớ về hợp tác với các đối tác Thụy Sĩ, Lào, Cuba trong các lĩnh vực thanh tra giám sát ngân hàng, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng năng lực cho khu vực tài chính.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC MỨC LÃI SUẤT DO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ

Đơn vị: %/năm

Thời gian	Lãi suất tái cấp vốn	Lãi suất tái chiết khấu	Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng
Tháng 12/2014	6,5	4,5	7,5
Tháng 1/2015	6,5	4,5	7,5
Tháng 2/2015	6,5	4,5	7,5
Tháng 3/2015	6,5	4,5	7,5
Tháng 4/2015	6,5	4,5	7,5
Tháng 5/2015	6,5	4,5	7,5
Tháng 6/2015	6,5	4,5	7,5
Tháng 7/2015	6,5	4,5	7,5
Tháng 8/2015	6,5	4,5	7,5
Tháng 9/2015	6,5	4,5	7,5
Tháng 10/2015	6,5	4,5	7,5
Tháng 11/2015	6,5	4,5	7,5
Tháng 12/2015	6,5	4,5	7,5

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 2: HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ

Chào mua	Năm 2014	Năm 2015
Số phiên	253	258
Kỳ hạn (ngày)	7; 14; 21	7; 14; 21; 28; 56
Số lượt thành viên	170	612
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	448	2.400
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	400	1.563
Lãi suất (%/năm)	5-5,5	5,0
Phương thức đấu thầu	Khối lượng	Khối lượng
Chào bán	Năm 2014	Năm 2015
Số phiên	231	130
Kỳ hạn (ngày)	28; 56; 84; 91; 182	14; 28; 56; 91; 182
Số lượt thành viên	1.733	411
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	5.908	7.997
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	4.090	5.660
Lãi suất (%/năm)	2,4-4,5	2,39-4,4
Phương thức đấu thầu	Khối lượng; Lãi suất	Khối lượng; Lãi suất

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 3: TỶ LỆ DỰ TRỪ BẮT BUỘC

Đơn vị: %

PHỤ LỤC

TIỀN GỬI BẰNG VND (*)		TIỀN GỬI BẰNG NGOẠI TỆ				
Tiền gửi của khách hàng, Kho bạc Nhà nước, tiền thu được từ phát hành giấy tờ có giá		Tiền gửi của khách hàng, Kho bạc Nhà nước, tiền thu được từ phát hành giấy tờ có giá				
Thời điểm hiện lực	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên			
	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên			
	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên			
05/2011	3	1	6	5	4	3
	3	1	7	6	5	4
	3	1	8	7	6	5
06/2011	3	1	8	7	6	5
09/2011 (**)	3	1	8	7	6	5

(*) Riêng các tổ chức tín dụng có tỷ trọng dự nợ cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn từ 40% trở lên được áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc thấp hơn theo Thông tư số 20/2010/TT-NHNN ngày 29/9/2010 của Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn.

(**) Tiền gửi của các tổ chức tín dụng ở nước ngoài phải tính dự trữ bắt buộc theo Thông tư số 27/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 581/2003/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 6 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 4: CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

Đơn vị: Triệu USD

	2014	2015
A. CÁN CÂN VĂNG LAI	9.360	906
Hàng hóa: Xuất khẩu F.O.B	150.217	162.112
Hàng hóa: Nhập khẩu F.O.B	138.091	154.716
<i>Hàng hóa (ròng)</i>	12.126	7.396
Dịch vụ: Xuất khẩu	10.970	11.200
Dịch vụ: Nhập khẩu	14.500	15.500
<i>Dịch vụ (ròng)</i>	-3.530	-4.300
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Thu	323	399
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Chi	9.167	10.324
<i>Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp) (ròng)</i>	-8.844	-9.925
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Thu	10.308	8.586
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Chi	700	851
<i>Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp) (ròng)</i>	9.608	7.735
B. CÁN CÂN VỐN	0	0
Cán cân vốn: Thu		
Cán cân vốn: Chi		
C. CÁN CÂN TÀI CHÍNH	5.571	1.575
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	-1.150	-1.100
Đầu tư trực tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	9.200	11.800
<i>Đầu tư trực tiếp (ròng)</i>	8.050	10.700
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0	0
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	93	-65
<i>Đầu tư gián tiếp (ròng)</i>	93	-65
Đầu tư khác: Tài sản có	-7.559	-14.237
Tiền và tiền gửi	-7.647	-14.184
Tổ chức tín dụng	-20	-4.630
Khu vực khác	-7.627	-9.554
Các khoản phải thu/phải trả khác	88	-53
Đầu tư khác: Tài sản nợ	4.987	5.177
Tiền và tiền gửi	-1.433	-662
Vay, trả nợ nước ngoài	6.420	5.839
Ngắn hạn	1.042	790
Rút vốn	17.430	15.024
Trả nợ gốc	-16.388	-14.234
Dài hạn	5.378	5.049
Rút vốn	9.792	9.916
Chính phủ	5.434	4.353
Tư nhân	4.358	5.563
Trả nợ gốc	-4.414	-4.867
Chính phủ	-1.195	-990
Tư nhân	-3.219	-3.877
<i>Đầu tư khác (ròng)</i>	-2.572	-9.060
D. LỖ VÀ SAI SÓT	-6.556	-8.513
E. CÁN CÂN TỔNG THỂ	8.375	-6.032
F. DỰ TRỮ VÀ CÁC HẠNG MỤC LIÊN QUAN	-8.375	6.032
Tài sản dự trữ	-8.375	6.032
Tín dụng và vay nợ từ IMF	0	0
Tài trợ đặc biệt	0	0

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 5: TỶ GIÁ GIỮA USD VÀ ĐỒNG VIỆT NAM

Đơn vị tính: USD/VND

Năm 2015	Tỷ giá ngày cuối tháng			Tỷ giá bình quân trong tháng		
	Tỷ giá bình quân liên ngân hàng	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank		Tỷ giá bình quân liên ngân hàng	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank	
		Mua	Bán		Mua	Bán
Tháng 1	21.458	21.315	21.365	21.437	21.333	21.390
Tháng 2	21.458	21.335	21.385	21.458	21.320	21.370
Tháng 3	21.458	21.530	21.590	21.458	21.412	21.468
Tháng 4	21.458	21.570	21.630	21.458	21.561	21.621
Tháng 5	21.673	21.780	21.840	21.641	21.721	21.780
Tháng 6	21.673	21.780	21.840	21.673	21.775	21.836
Tháng 7	21.673	21.780	21.840	21.673	21.777	21.837
Tháng 8	21.890	22.445	22.505	21.766	22.124	22.187
Tháng 9	21.890	22.450	22.510	21.890	22.450	22.510
Tháng 10	21.890	22.265	22.345	21.890	22.302	22.379
Tháng 11	21.890	22.470	22.540	21.890	22.385	22.462
Tháng 12	21.890	22.450	22.540	21.890	22.473	22.530

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ghi chú: Tỷ giá niêm yết như trên được hiểu là số lượng Việt Nam đồng để đổi 1 Đô-la Mỹ

PHỤ LỤC 6: GIÁ VÀNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng/lượng

Năm 2015	Giá vàng ngày cuối tháng	Giá vàng bình quân trong tháng
Tháng 1	35,27	35,22
Tháng 2	35,45	35,31
Tháng 3	35,12	35,27
Tháng 4	35,01	35,12
Tháng 5	34,87	34,96
Tháng 6	34,39	34,64
Tháng 7	32,96	33,51
Tháng 8	34,12	33,70
Tháng 9	33,78	33,96
Tháng 10	33,67	33,82
Tháng 11	32,95	33,28
Tháng 12	32,48	32,90

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 7: CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Đơn vị: %

Năm	Thời gian	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
2009	So với tháng 12 năm trước	0,32	1,49	1,32	1,68	2,12	2,68	3,22	3,47	4,11	4,49	5,07	6,52
	So với tháng trước	0,32	1,17	-0,17	0,35	0,44	0,55	0,52	0,24	0,62	0,37	0,55	1,38
	So với cùng kỳ	17,48	14,78	11,25	9,23	5,58	3,94	3,31	1,97	2,42	2,99	4,35	6,52
2010	So với tháng 12 năm trước	1,36	3,35	4,12	4,27	4,55	4,78	4,84	5,08	6,46	7,58	9,58	11,75
	So với tháng trước	1,36	1,96	0,75	0,14	0,27	0,22	0,06	0,23	1,31	1,05	1,86	1,98
	So với cùng kỳ	7,62	8,46	9,46	9,23	9,05	8,69	8,19	8,18	8,92	9,66	11,09	11,75
2011	So với tháng 12 năm trước	1,74	3,87	6,12	9,64	12,07	13,29	14,61	15,68	16,63	17,05	17,50	18,13
	So với tháng trước	1,74	2,09	2,17	3,32	2,21	1,09	1,17	0,93	0,82	0,36	0,39	0,53
	So với cùng kỳ	12,17	12,31	13,89	17,51	19,78	20,82	22,16	23,02	22,42	21,59	19,83	18,13
2012	So với tháng 12 năm trước	1,00	2,38	2,55	2,60	2,78	2,52	2,22	2,86	5,13	6,02	6,52	6,81
	So với tháng trước	1,00	1,37	0,16	0,05	0,18	-0,26	-0,29	0,63	2,20	0,85	0,47	0,27
	So với cùng kỳ	17,27	16,44	14,15	10,54	8,34	6,90	5,35	5,04	6,48	7,00	7,08	6,81
2013	So với tháng 12 năm trước	1,25	2,59	2,39	2,41	2,35	2,40	2,68	3,53	4,63	5,14	5,50	6,04
	So với tháng trước	1,25	1,32	-0,19	0,02	-0,06	0,05	0,27	0,83	1,06	0,49	0,34	0,51
	So với cùng kỳ	7,07	7,02	6,64	6,61	6,36	6,69	7,29	7,50	6,30	5,92	5,78	6,04
2014	So với tháng 12 năm trước	0,69	1,24	0,80	0,88	1,08	1,38	1,62	1,84	2,25	2,36	2,08	1,84
	So với tháng trước	0,69	0,55	-0,44	0,08	0,20	0,30	0,23	0,22	0,40	0,11	-0,27	-0,24
	So với cùng kỳ	5,45	4,65	4,39	4,45	4,72	4,98	4,94	4,31	3,62	3,23	2,60	1,84
2015	So với tháng 12 năm trước	-0,20	-0,25	-0,10	0,04	0,20	0,55	0,68	0,61	0,40	0,51	0,58	0,60
	So với tháng trước	-0,20	-0,05	0,15	0,14	0,16	0,35	0,13	-0,07	-0,21	0,11	0,07	0,02
	So với cùng kỳ	0,94	0,34	0,93	0,99	0,95	1,00	0,90	0,61	0,00	0,00	0,34	0,60

Nguồn: Tổng cục Thống kê

PHỤ LỤC 8: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN TỆ, TÍN DỤNG

Chỉ tiêu	2014	QI/2015	QII/2015	QIII/2015	QIV/2015
Số dư cuối kỳ (tỷ đồng)					
1. Tổng phương tiện thanh toán	5.179.216	5.300.817	5.492.731	5.695.769	6.019.609
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	4.554.385	4.634.165	4.834.615	5.028.280	5.293.050
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	3.970.550	4.075.608	4.282.604	4.451.893	4.655.891
% Tăng trưởng so với năm trước					
1. Tổng phương tiện thanh toán	17,69	2,35	6,05	9,97	16,23
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	16,96	1,75	6,15	10,41	16,22
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	14,16	2,65	7,86	12,12	17,26

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 9: TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Năm	GDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	Mức tăng trưởng* GDP (%)	GDP bình quân đầu người (nghìn đồng)
2007	1.246.769	7,13	14.804
2008	1.616.047	5,66	18.986
2009	1.809.149	5,40	21.031
2010	2.157.828	6,42	24.818
2011	2.779.880	6,24	31.647
2012	3.245.419	5,25	36.544
2013	3.584.262	5,42	39.932
2014	3.937.856	5,98	43.402
2015	4.192.862	6,68	45.717

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Ghi chú: * Tính theo giá so sánh năm 2010

TABLE OF CONTENTS

Status and Functions of the State Bank of Viet Nam	iii
Management Board of the State Bank of Viet Nam	v
Foreword by the Governor	vii
Departments and Administration Units of the State Bank of Viet Nam	ix
■ Part I – World and Viet Nam Economic Overview	1
1. World Economic Overview	1
1.1. World Economic Growth	1
1.2. Monetary Policy Management in some countries	3
2. Viet Nam’s Economy	4
2.1. Economic Growth	4
2.2. Employment and Income	6
2.3. Inflation	7
2.4. State Budget Revenues and Expenditures	8
2.5. Balance of Payment	9
2.6. Financial and Monetary Developments	10
2.7. Credit institutions’ Activities	18
■ Part II – The State Bank of Viet Nam Performance	22
1. Monetary Policy Regulation	22
2. Foreign Exchange Management	27
3. Banking Supervision	29
4. Macro Prudential Oversight of the Financial System	33
5. Legal Affairs	35
6. Cash Issuance and Vault operations	36
7. Banking Technology and Payment	37
8. Credit Information	41
9. Public Communication and Transperancy	42
■ Part III – Internal Governance	44
1. Internal Audit	44
2. Human Resources and Training	44
3. Science and Research Activities	47
4. Statistical Works	48
5. Information Technology	49
■ Part IV – International Cooperation	51
1. International Economic Integration	51
2. Cooperation with International Financial and Monetary Organizations	52
3. Bilateral Cooperation Relations	54
■ Appendix	56

STATUS AND FUNCTIONS OF THE STATE BANK OF VIET NAM



Headquarter, 49 Ly Thai To Str., Ha Noi, Viet Nam

□ The State Bank of Viet Nam is a ministerial-level agency of the Government, the Central Bank of the Socialist Republic of Viet Nam which performs state management over monetary, banking activities and foreign exchange; performs the function of the central bank as the money issuing bank, the bank of the credit institutions and the monetary service provider for the Government.

Summary of Article 2, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

□ The national monetary policy shall be monetary decisions at the national level of state authorities, including those on the currency value stabilizing objectives represented by inflation targets, using proper instruments and measures to fulfill the set objectives.

Clause 1, Article 3, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

□ The National Assembly determines annual inflation targets reflected by consumer price index and supervises the implementation of the national monetary policies.

Clause 2, Article 3, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

□ The Government submits to the National Assembly for decision on annual inflation targets. The Prime Minister, the Governor of the State Bank decides the use of proper instruments and measures to realize monetary policy objectives in accordance with the regulations of the Government.

Clause 4, Article 3, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

MANAGEMENT BOARD OF THE STATE BANK OF VIET NAM



Mr. Nguyen Van Binh
Governor



Mr. Nguyen Dong Tien
Deputy Governor



Mr. Nguyen Toan Thang
Deputy Governor



Mr. Dao Minh Tu
Deputy Governor



Mr. Nguyen Phuoc Thanh
Deputy Governor



Ms. Nguyen Thi Hong
Deputy Governor



Mr. Nguyen Kim Anh
Deputy Governor



Governor
Nguyen Van Binh

Foreword by the Governor

The year 2015 passed through in the context of complicated and vagarious global economic developments, posing obstacles to management of monetary policy and the banking sector. Since the 2008-2009 global financial crisis, world economic recovery remained slow and unsolid, in addition, there were unforeseen developments in international financial markets, particularly Chinese adjustment to depreciate Renminbi. Domestically, determining that 2015 was the key year to fulfill the targets set in the 2011-2015 socio-economic development plan and to lay solid foundation for the formulation and implementation of the socio-economic development plan for the next five-year period, the National Assembly and the Government continued to pursue the goals of consolidating macroeconomic stability, proactively creating strategic breakthroughs, restructuring the economy by renewing growth model, improving effectiveness and competitiveness, and aiming for a higher growth than that in 2014.

Facing with various difficulties and challenges, with an aim to pursue targets set by the National Assembly, the Government and closely monitor macroeconomic developments, the State Bank of Viet Nam (SBV) Board of Management instructed the banking system to implement a number of drastic and uniform solutions to support economic growth without ignorance of inflation pressure, to maintain macro-economic stability and to protect prudential operation of the credit institutions (CIs) system. Accordingly, the SBV flexibly managed monetary instruments, ensured prudent credit growth in the CIs system to efficiently meet the economy's capital demand, hence facilitate reduction of market interest rates, stabilization of exchange rates and control of inflation. In addressing adverse impacts from the international financial markets, exchange rates was adjusted by the SBV in appropriate and timely manners to stabilize foreign exchange markets in efforts to support sound economic growth. At the same time, the SBV continued to carry out its state management solutions on gold market in accordance to the Government's Decree No. 24/2012/ND-CP dated April 03, 2012, hence strengthened the gold market's stability. Special focus was put on restructuring CIs and resolving non-performing loans (NPLs) to realize targets set in the Scheme of Restructuring the system of CIs for 2011-2015 and Scheme of NPLs Resolution of CIs system.

Thanks to implementation of proactive and uniform various measures, the SBV management of monetary policy and banking sector brought about continued successes in 2015. Stability was maintained on money and foreign exchange markets while interest rate continued to decrease, credit extension resumed at higher

rate and better quality from early in the year, gold markets stayed stabilized. The SBV's flexible management of exchange rates and timely response to fluctuation in the international financial markets received welcome and appreciation by the Government and international organizations. Dollarization phenomenon continued to attenuate, public confidence in domestic currency consolidated and foreign exchange reserves accumulated largely. The system of CIs continued its stable developments and, fulfilled generally all targets set in the Scheme of Restructuring the system of CIs for 2011-2015 and Scheme of NPLs Resolution of CIs system. By so doing, the SBV's monetary policy conduct contributed largely to maintaining macroeconomic stability and low inflation in the whole year, marking longest period of stabilized low inflation in 10 years cycle which helped 2015 GDP to grow at highest rate in the last 5 years, significantly contributed to realizing the targets set out in 2011-2015 Socio-economic Development Plan.

2016 is the key year which commences 2016-2020 Socio-economic Development Plan when prioritized tasks of the whole political system are to maintain macroeconomic stability and create strong growth momentum for the whole period. Given considerable difficulties and challenges that the banking industry is facing in 2016 and coming years, with existing accomplishments and trust from the Communist Party and the people, it is believed that the banking sector will continue to enerate stronger movements, accompany other industries into a new period of 2016-2020 Socio-economic Development Plan realization.

Governor of the State Bank of Viet Nam

A stylized, handwritten signature in black ink, consisting of a large, flowing 'N' followed by a series of loops and a long horizontal stroke extending to the right.

NGUYEN VAN BINH

DEPARTMENTS AND ADMINISTRATION UNITS OF THE STATE BANK OF VIET NAM

Advises and assists the Governor of the SBV in conducting national monetary policies by using monetary policy instruments such as interest rate, refinancing rate, exchange rate, required reserve, open market operation, and other tools and measures as necessary.

*Monetary Policy
Department*

Advises and assists the Governor in carrying out state management function over foreign exchange, foreign exchange activities and gold trading in accordance with applicable laws and regulations.

*Foreign Exchange
Management
Department*

Advises and assists the Governor in carrying out state management function over payment and settlement of the economy in accordance with applicable laws and regulations.

Payment Department

Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over bank credit in accordance with applicable laws and regulations.

Credit Department

Advises and assists the Governor in carrying out forecasting and statistics in accordance with applicable laws and regulations.

*Forecasting and
Statistics Department*

Advises and assists the Governor in carrying out state management function over international cooperation and integration in accordance with applicable laws and regulations.

*International
Cooperation
Department*

Advises and assists the Governor in carrying out internal audits on the SBV units' operations.

*Internal Audit
Department*

Advises and assists the Governor in conducting state management in building legal framework for monetary, banking and foreign exchange operations.

*Legal Affairs
Department*

Advises and assists the Governor in the SBV financial, accounting operations, capital investments; Conduct State management function over accounting, capital investments of the banking sector and expedite shareholder financial management and surveillance over the SBV affiliates in line with applicable laws and regulations.

*Finance – Accounting
Department*

Advises and assists the Governor and the SBV's Party Committee on human resources management, staffing, management and use of civil servants, officials, remunerations and others as stipulated in applicable laws and regulations.

*Personnel and
Organisation
Department*

<i>Emulation and Rewarding Department</i>	Advises and assists the Governor in implementing state management function on emulation and rewarding in the banking sector in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Monetary and Financial Stability Department</i>	Advises and assists the Governor in analysing, assessing and implementing macro-prudential policy and systemic risk prevention measures of the financial system.
<i>Banking Supervision Agency</i>	Being a General Department level agency of the SBV. It advises and assists the Governor in implementing state management function over: CIs, foreign bank branches; as well as audits, complaint and denunciation resolutions, anti-corruption, deposit insurance. It conducts administrative and professional audits and supervision in the areas under the SBV's state management. It also conducts money laundering, terrorism prevention in accordance with applicable laws and as assigned by the Governor.
<i>SBV Office</i>	Advises and assists the Governor in his leadership over monetary and banking regulation; implements the SBV administrative reforms; assists the SBV participation in National Assembly agenda; control publication of information, public communication, press relation, archive and administrative works of the banking system in accordance with applicable laws and regulations; manages the SBV website; and carries out administrative, reception and archive operations at the SBV head office.
<i>Public Communication Board</i>	Assists the Governor in the SBV public communication, managing the SBV website, implementing social security policies of the Banking sector.
<i>Banking Information Technology Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out state management of information technology in the banking sector in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Issue and Vault Department</i>	Advises and assists the Governor in implementing state management and central bank's function of currency issuance and vault operation in accordance with applicable law.
<i>Administration Department</i>	Advises and assists the Governor in management of the SBV's asset, finance and technical infrastructure, logistics, security and health care for employees at the SBV head office.
<i>Central Banking Department</i>	Advises and assists the Governor in conducting central banking operations.

Conducts the representative function as authorized by the Governor.

*Representative
Office in HCMC*

Advise and assist the Governor in implementing state management over monetary and banking operations in their local areas as well as other central banking operations as authorized by the Governor.

*Municipal and
Provincial branches*

ADMINISTRATIVE UNITS AND UNITS ESTABLISHED BY THE GOVERNOR

Undertakes researches and builds banking development strategies and plans; Organization of researches, application and management of banking technology development for the execution of the SBV's state management function on monetary and banking activities in accordance with relevant laws and regulations.

*Banking Strategy
Department*

Conducts credit registration as a public administrative agency; collects, processes, records, and analyzes credit information; prevents and limits credit risk; provides credit rating for individuals and institutions within Viet Nam's territory to fulfill the State management function of the SBV; to provide banking information services in accordance with the SBV's regulations and applicable laws and regulations.

*Credit Information
Center*

The speaker and social forum of the banking sector to disseminate the Party's orientation and guidelines, the State's legislation and policies and banking operations in accordance with the SBV's regulation and relevant laws and regulations.

Banking Times

Being the official journal and professional forum on banking science and technology. It helps to communicate the Party instructions and guidelines, the state laws and policies, banking activities and scientific and technology achievements of the banking industry and others in accordance with the SBV's applicable laws and regulations.

Banking Review

Trains and strengthens human resource capacity in governance management, banking fields in order to meet banking development requirements and improve the SBV and banking sector officials' quality based on plans approved by Governor.

*Banking Training
School*

Trains and strengthens human resource capacity in economic, banking-finance fields at intermediate, college, undergraduate and graduate level, and in other areas when authorized; studies and advises in the economic, banking and finance areas.

Banking Academy

Trains, strengthens human resource capacity in economic, banking-finance fields at intermediate, college, undergraduate and graduate level, and in other areas when authorized; studies and advises in the economic, banking and finance areas.



Part I – World and Viet Nam Economic Overview

1. World Economic Overview

In 2015, the world economy recovered slowly and unevenly. While the U.S. economy showed positive signs, Eurozone and Japan remained in stagnation; and attentively being the slowing growth pace in developing and emerging countries such as China, Russia and Brazil. This situation brought about complicated developments in the global financial market, notably the volatility of the exchange rate between US dollar and other main payment currencies caused by the expectation that the Federal Reserve (Fed) would raise interest rate and the People's Bank of China abrupt depreciation of Renminbi (CNY) dated November 08, 2015, accompanied by a series of Asian currencies' devaluation. Oversupply and the intensification of geopolitical conflicts in many regions were the main reasons for the downtrend of world oil price. This, on positive side, helped reduce production costs, thereby supporting economic growth; on negative side caused the concern of deflation in many countries. It was also the main reason for central banks' maintenance of quantitative easing policy to keep global interest rates low in supporting economic growth (except that Fed stopped implementing the quantitative easing programme (QE) and adjusted Fed Fund interest rate dated December 17, 2015).

1.1. World Economic Growth

As reported by the International Monetary Fund (IMF)¹, the global economy grew by 3.2% in 2015, lower than the growth rate of 3.4% in 2014 and showed a diversion among the US and other regions.

The US economy grew by 2.6%, higher than of 2.4% in 2014. The positive signs showed in housing and the labor markets, contributing to stimulating consumer spendings. The unemployment rate fell to 5% as of end-2015 from 5.6% in 2014. However, the US dollar

“

The world economy slowly recovered in 2015, the US became the main driving force of global growth amidst weakening growth momentum in the emerging

¹ World Economic Outlook Report, October 2016, IMF.

and developing countries. Inflation was low due to the price of basic commodities (crude oil) continued to be at a low level.

appreciation affected exports and the lower oil prices reduced domestic investment demand in the energy sector. Budget deficit was narrowed to 2.5% of GDP, the lowest level since 2007. Inflation continued at a low level of 0.1%.

Eurozone was under such pressures as deflation, Greek sovereign debt crisis, and immigration wave, etc. In this context, however, GDP growth rate reached 2%, higher than that of 1.1% in 2014 and was the highest level since 2011 thanks to the low energy and raw materials prices as well as weak Euro. Growth was mainly driven by major economies such as Germany, France, Spain; meanwhile, some others (like Greece) got low or negative growth rates. Unemployment rate decreased from 11.4% in 2014 to 10.4% in 2015, the lowest level since 2011. Regionwide public debt ratio fell to 92.5% of GDP from 94.2% of GDP in 2014, yet it remained high in some countries such as Greece (176.9% of GDP,) Italy (132.7% of GDP,) France (96.1% of GDP.) Average regionwide budget deficit ratio stepped down from 2.4% of GDP in 2014 to 2.2% of GDP in 2015. Inflation rate decreased to 0% in 2015 from 0.4% in 2014.

Japan's economy grew unstably, and experienced negative growth in the third and fourth quarters. GDP increased by 0.5% compared to 0% in 2014. There had been no improvement in purchasing power due to the lag effects of raising consumption tax implemented since April, 2014. Exports continuously declined despite the depreciation of Japanese yen. Inflation rate fell from 2.8% in 2014 to 0.8% in 2015. Budget deficit ratio was 6% of GDP, lower than 7.1% of GDP in 2014. Although public debt ratio remained high, it was cut slightly to 247.9% of GDP in 2015 from 249.1% of GDP in 2014.

Economic growth in emerging and developing economies was generally slowed down. Growth rate in this group in 2015 was at 4.0%, lower than that of 4.6% in 2014. In BRICS, China's GDP rose at the rate of 6.9%, lower than that of 7.3% in 2014 and was the lowest level in the past 25 years with signs of volatility from the

banking system, nonperforming loans, declining foreign exchange reserves, increasing capital outflows pressure, stagnated production due to high inventories and weak consumption demand. Declining commodity prices and complicated political situation made such economies as Russia and Brazil slump at the rates of minus 3.7% and minus 3.8%, respectively. The average inflation rate of emerging and developing countries was at 4.7%, equivalent to that in 2014.

1.2. Monetary Policy Management in some countries

Accommodating monetary policy stance was reserved by most central banks, except that the Fed lifted the federal funds rate after 9-year maintenance of almost zero percent. A few emerging markets and developing economies raised interest rates in addressing reversed capital flows.

As for advanced countries, the Bank of Japan (BoJ), the Bank of England (BoE), and the European Central Bank (ECB), etc. kept interest rates close to zero percent and increased money supply. In particular, the BoJ continued to implement super easing monetary policy with expanding liquidity bump, the BoE maintained the £375 billion asset purchase program and kept interest rate at the low level of 0.5%, and the ECB simultaneously implemented the bond purchase program at EUR 60 trillion per month since March 2015 and imposed negative interest rates on commercial banks' reserve deposits at the ECB. In contrast, the Fed lifted the federal funds rate by 0.25 percentage points from 0-0.25% to 0.25-0.5% amidst positive recovery signs in the U.S. economy.

As for emerging markets and developing countries, central banks in such countries as India, Thailand, Indonesia, Hungary, Russia, Turkey, Poland, Israel, etc. lowered interest rates in order to stimulate economic growth in the context of low oil prices. However, in some others such as Brazil, Mexico, Chile, central banks had to increase interest rates to prevent the risk of capital

“

In the context of low inflation, central banks continued to maintain accommodating monetary policy stance, except for the Fed.

outflow due to the U.S.'s simultaneous QE termination and policy interest rates hike. In this context, the People's bank of China cut interest rates five times, reduced reserve requirement three times and removed the ceiling on deposit and lending rates to improve the two-decade record low growth rate.

2. Viet Nam's Economy

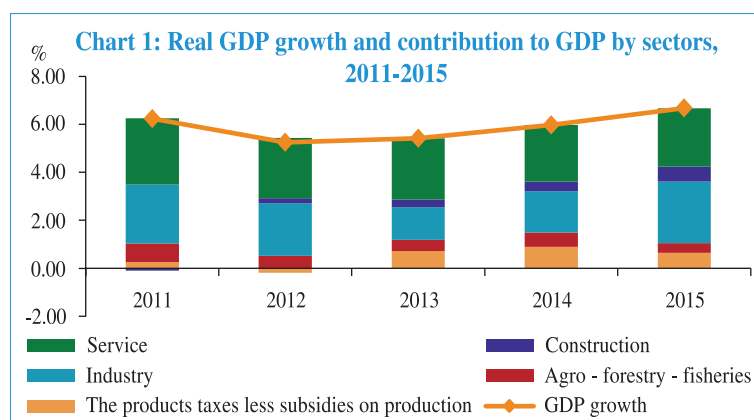
2015 is the last year of the Socio-economic Development Plan for 2011-2015. Amidst complicated developments in the world economy since the global financial crisis, there was a recovery in the domestic economy. Economic growth reached the 8-year highest level and inflation was curbed at the 15-year lowest rate, creating favorable premise for the period 2016-2020. The FDI sector continued to experience good growth. However, the economy had still been facing with a number of difficulties, such as low growth rate in agricultural production and the return of trade deficit due to fast increase of imports brought about by the economic recovery. The decrease in oil prices created premise to reduce input costs, and stimulate production and consumption, yet it also had adverse impacts on the State budget revenue.

2.1. Economic Growth

Across economic sectors, industries, construction and service were grew higher while Agro-Forestry-Fisheries got slower growth compared to 2014

“

Economic growth rate restored to 6.68% p.a, the highest level for last 8 years.



Source: General Statistical Office, calculated by the State Bank of Viet Nam



Agro-Forestry-Fisheries sector's growth pace declined to 2.4% p.a, the lowest during the last 6 years, mainly because of natural disasters, droughts, epidemics as well as plummeted global demand and prices.

Industry grew at 9.4% p.a, the highest growth rate since 2005 and growth was witnessed across all sectors. Preparing for new generation free trade agreement, FDI rose sharply, focusing on manufacturing and processing, creating the increase of 10.6% in this sector. In 2015, despite the sharp decline in global commodity prices, especially gasoline prices, the mining sector still grew at 6.5%, the highest rate in the last 6 years and made the third biggest contribution to the general growth of industry and construction sectors.

Construction grew at 10.8% p.a, the highest rate since 2010 owing to recovery of the property market and the Government's push-up of construction plans. This reflected the positive impact of the government policies in supporting the property market such as interest rate cut, accelerating disbursement of investment proceeds and the VND 30,000 billion housing loan programs, and new Housing Law taking effective in 2014.

Services rose at 6.3% p.a, higher than 2014, mainly due to the recovery of the four groups, including: *(i)* wholesale and retail sectors; *(ii)* automobile, motorcycle, and other motor vehicle reparation; *(iii)* finance, banking and insurance; *(iv)* real estate business. However, accommodation and restaurant services grew at 2.3% only, half of 2014 level, mainly due to the negative growth rate of tourism.

Regarding aggregate demand, economic growth momentum was mainly driven by domestic demand, while net foreign demand continued to make negative contribution to the overall growth

Final consumption rose at 9.1% p.a, higher than 6.2% of 2014 and was the highest rate since 2008, mainly due to the recovery of the private consumption sector whilst government consumption growth was maintained at the

rate equivalent to that in 2014. *Total asset accumulation* increased by 9.0%, higher than in 2014 thanks to the recovery of construction industry and investment activities. Thus, the improvement in domestic aggregate demand contributed to the overall economic recovery.

Net exports continued to make negative contribution to economic growth because the import growth rate exceeded the growth rate of exports. Exports rose by 12.6%, higher than the 11.6% of 2014, but imports rose by 18.1%, surpassing the increase of 12.8% in 2014.

2.2. Employment and Income

“

Unemployment rate rose slightly in rural areas, income per capita in 2015 reached USD 2,109.

As of January 01, 2016, the labor force aged 15 years old and above was 54.61 million people, up by 185 thousand people y-o-y, among which, 51.7% were male workers, and the rest 48.3% were female. The unemployment rate rose to 2.3% p.a, whereby unemployment rate in urban and rural areas were at 3.3% and 1.8% respectively (the corresponding figures of 2014 were 2.1%, 3.4% and 1.5%). Recovering economy with strong growth in industrial and service sectors is one of the driving forces contributing to the unemployment rate reduction in urban areas.

Social labor productivity in 2015 at current price was estimated to reach VND 79.3 million/worker (about USD 3,657/worker). Counting at constant price in 2010, labor productivity across the economy in 2015 was estimated to increase by 6.4% y-o-y. Viet Nam's labor productivity has improved significantly in recent years with yearly-basis increase, during 2006-2015 period, it increased by 3.9% p.a (in which, from 2006- 2010: 3.4% p.a; from 2011-2015: 4.2% p.a), but still remained low compared to other countries in region and uneven across sectors and fields.

Per capita income in 2015 reached USD 2,109, increased by USD 57 compared to 2014. For civil servants, officials and the armed forces, the minimum wage remained at VND 1.15 million/month since July 01, 2013. Minimum wages for employees working in

enterprises, cooperatives, farms and households... were raised according to Decree No. 103/2014/ND-CP dated November 11, 2014 of the Government and taking effect from January 01, 2015. Accordingly, labor wages are divided by 04 regions, namely region I, II, III, IV, equivalent to VND 3.1 million/month; VND 2.75 million/month; VND 2.4 million/month and VND 2.15 million/month respectively.

2.3. Inflation

Consumer price index (CPI) in 2015 rose by 0.63%, which was lower than the growth rate of 4.09% in 2014 and was the lowest pace over the last 15 years, of which the price indices of most commodity groups increased lower or decreased compared to the same period². Inflation in 2015 increased at a low level as a result of specific impacts: *(i)* Global basic commodity prices, especially fuel prices fell sharply, resulting in a falling of domestic gasoline and gas prices, which caused the price index of Groups of housing, construction materials, and Group of transportation in 2015 decreased by 1.62% and 11.92% y-o-y; thereby reducing the cost of production in other groups; *(ii)* There was an improvement in global food supply, low export demand caused the fallen domestic rice prices, leading to 1.06% decline in food price index. *Notably*, according to the government price adjustment schedule, the prices of medical and education services were be increased sharply during 2011-2014, but in 2015, the scale of these price adjustments w very small, in which the price index of medical services rose by 2.2%, the prices of education services category increased by 7.03%, which contributed significantly to inflation reduction. *In addition*, since 2011, the government had been consistent with the targets of inflation control and macroeconomic stability so that market confidence had been restored, thereby supporting to stabilizing inflation expectations.

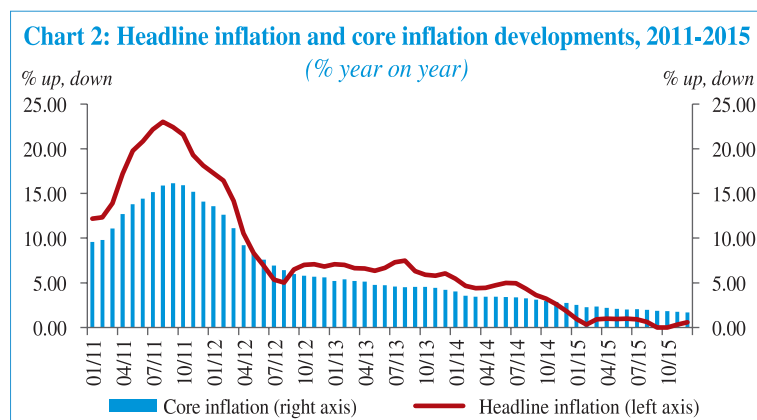
Taking into account no temporary change, core inflation increased by 2.05%, higher than the growth rate

“

2015 CPI increased slightly by 0.63% mainly due to the impact of fuel price volatility, food, and prices controlled by the Government. Core inflation was kept stable, at 2.05%.

² CPI in 2015 rose by 0.6% y-o-y (2014: 1.84% y-o-y).

of 0.63% of CPI. This, together with the 8-year highest and higher-than-NA-expected economic growth rate in 2015, showed that low CPI growth rate in 2015 was not the proof of economic stagnation or slowdown.



Source: General Statistical Office

2.4. State Budget Revenues and Expenditures

“

State budget revenues exceeded estimates despite the lower oil prices, contributing significantly to covering the expenses for the socio-economic development, public security, defense and social security. However, state budget deficit expanded as well.

Total budget revenue in 2015, according to the National Assembly's estimation, exceeded by 9.4% compared to the earlier estimates, and increased by 13.6% compared to 2014. In 2015, state budget revenues faced challenges because of sharp decline in global oil price. However, thanks to the positive economic growth, the warm-up and improved real estate market, land using fees in some large locations were increased; in addition, taxation and custom authorities made outstanding improvements in administrative procedures, reduction of tax collection time, maximization of tax collection at border gates, and collection of tax receivables, as a result, total state budget revenues in the whole year still exceeded the estimates. Domestic revenues were 15.9% higher than the yearly estimate, increased by 24.7% compared to 2014. Crude oil revenues met 72.6% of estimates only, decreased by 32.5% compared to 2014. Revenue from import- export activities exceeded by 1.3% to estimates and up by 2.5% compared to 2014.

Total budget expenditure increased by 7.3% compared to yearly estimate, in which, investment expenditures was over 21.5% of estimates, driven mainly



by the addition of VND 30,000 billion into investment expenditure from ODA disbursement sources approved by the National Assembly. Expenditures on socio-economic development, security and defense, and administration exceeded by 1.7% compared to the estimate.

Budget deficit was around VND 256,000 billion, VND 30,000 billion higher than the yearly estimate which was at the investment expenditure adjustment level from ODA disbursement approved by National Assembly, equivalent to 6.1% of GDP, lower than the estimation of 6.3% of GDP in 2014.

2.5. Balance of Payment

Overall balance of payments was adversely impacted by the complex fluctuations in global financial and monetary markets, as well as dissatisfactory performances of both current account and capital account. The volatilities in global monetary and financial markets increased the speculation of foreign currencies, putting pressure on the exchange rate and the domestic foreign exchange market. The SBV had to use foreign exchange reserves to intervene in the market, contributing to macroeconomic stability and foreign exchange market stabilization. As a result, the overall balance of payments turned into the deficit of USD 6 billion in 2015 from the surplus of USD 8.4 billion in 2014.

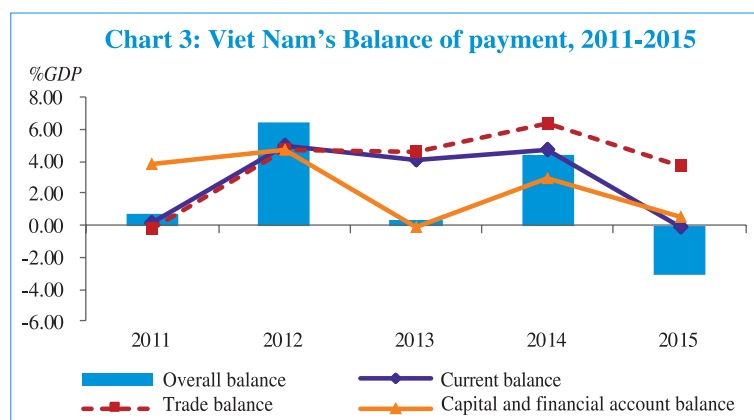
Current accounts gained a surplus of USD 906 million, which was the 5th consecutive year of surplus, but lower than that of USD 9.36 billion in 2014, due to unfavorable developments in all components as compared to 2014. Balance of commodities reached a surplus of USD 7.4 billion only in 2015, lower than that of USD 12.1 billion last year; balance of services turned to deficit of USD 4.3 billion in 2015, higher than that of USD 3.53 billion in 2014. Income balance deficit continued to increase to USD 9.9 billion mainly due to the fast increase in payments of investment income to FDI investors and interest payments of foreign debts.



Current accounts and capital accounts balances continued to experience surplus, however, the overall balance of payments deficit in the context of financial and monetary volatilities, putting pressure on the exchange rate and the domestic foreign exchange market.

Current transfers surplused by USD 7.7 billion, lower than that in 2014 due to decrease in private remittances in the context of difficulties faced by main labor export markets of Viet Nam.

Capital and financial accounts surplused by USD 1.58 billion, down by 71.7% as compared to USD 5.57 billion surplus in 2014. Foreign direct investment in Viet Nam improved, however, due to the complex movements in the domestic and foreign monetary markets, there was an intensification in the speculation of foreign currencies, high deficit of deposits, and deficit of indirect investment, leading to the decline in the surplus of capital and financial accounts. Specifically, net FDI reached the surplus of USD 10.7 billion, 32.9% higher than that in 2014. Net indirect investment turned to deficit of USD 65 million, compared to the surplus of USD 93 million in 2014. Foreign debt reached the surplus of USD 5.8 billion in 2015, down by 9% compared to USD 6.4 billion in 2014. Cash and deposit deficit at USD 14.8 billion, 1.6 times higher than a deficit of USD 9.1 billion in 2014.



Source: The State Bank of Viet Nam

2.6. Financial and Monetary Developments

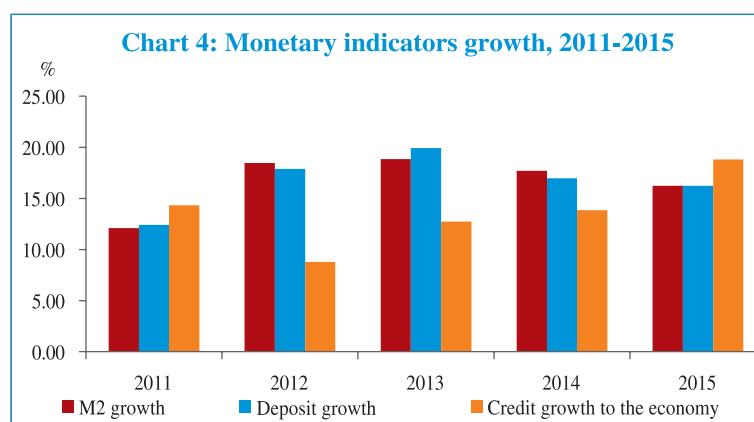
Monetary developments

By end of 2015, total liquidity (M2) increased by 16.2% y-o-y mainly thanks to the fact that CIs pushed up capital bumping to the economy to promote production and support economic recovery. M2 growth

“

*Total liquidity
maintained
reasonable growth*

was accommodated with 16-18% growth target set at the beginning of the year, hence ensuring the harmony between the objectives of macroeconomic stability, inflation control, active support for economic growth.



Source: The State Bank of Viet Nam

Continuously growing deposits of the banking system and decreasing dollarization

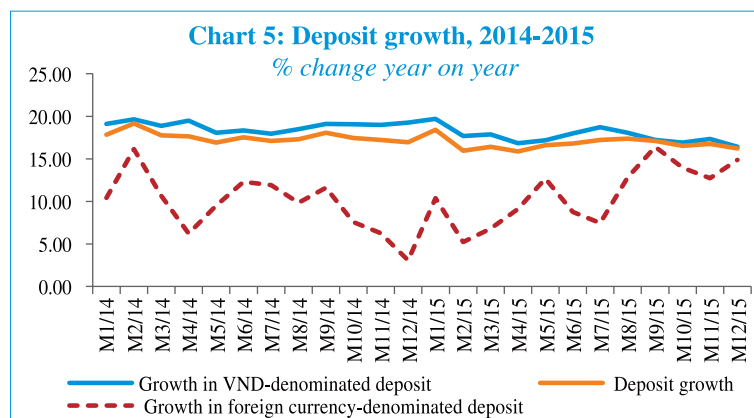
Deposits grew by 16.2% in the context of low VND deposit interest rate and 0% USD deposit interest rate at the end of 2015. Inflation was stabilized at a low level, and the reasonable spread between VND and USD deposit interest rates contributed to enhancing the value of VND, reinforced confidence in VND, and reduced dollarization; reflecting in the fact that VND deposits increased by 16.4%, higher than the growth pace of 14.8% of foreign currency deposits, the foreign currency deposit over total liquidity ratio (FCD/M2) was at 10.8%, lower than the average ratios of 19.1% from 2007 to 2011 and 12.1% from 2012 to 2014.

The share of deposit of State-Owned Commercial Banks (SOCBs) increased while that of other CIs decreased³, in particular: share of SOCBs (excluding the Viet Nam Bank for Social Policies) accounted for approximately 45.5% of the total capital mobilization in the system (in 2014: 43.0%); that of other CIs represented

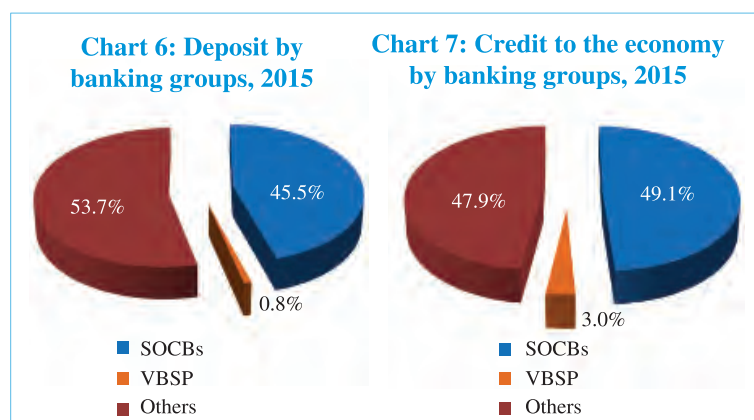
pace, contributing to maintaining low inflation. Capital mobilization continued to grow; investment for the economy significantly recovered, supporting economic recovery.

³ Including commercial banks, non-bank credit institutions, People's credit funds, commercial banks with 100% foreign capital, joint-venture banks, branches of foreign banks.

53.7% (in 2014: 55.6%); and the Viet Nam Bank for Social Policies made up only 0.8%.



Source: The State Bank of Viet Nam



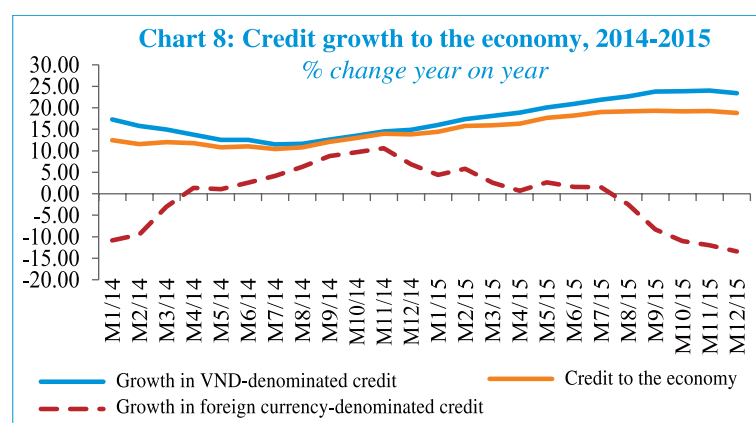
Source: The State Bank of Viet Nam

Credit to the economy increased significantly compared to 2014 in order to support economic recovery

In accordance with the trend of the economy recovery, credit to the economy by the end of 2015 increased by 18.8% y-o-y and increased right in early months, meeting the funding demand of the economy. International markets' fluctuations had negative impacts on domestic foreign currency market, putting pressure on the exchange rate, thus in order to reduce the exchange rate risk, capital needs of the economy from the banking system tended to shift from foreign currencies into VND. Particularly, VND credit increased 23.4% while foreign currency credit decreased 13.4%. The rate of credit in foreign currency on total means of payment decreased from 16.9% in 2007-2011 to 11.5% in 2012-2014 and 7.1%

in 2015, in consistent with the policy of transfer relations of loan/deposit to purchase/selling of foreign currency to prevent dollarization, enhancing the value of the dong. As for the structure of credit term, medium and long-term credit grew rapidly since the Government pushed implementation of investment projects under BOT, BT, BTO and real estate market restored. This positively contributed to the process of capital accumulation for the economy, supporting economic development in the long term, however, certain interest rate and liquidity risks for banking system implicated due to increasing term differences between deposits and lending.

On investment structure for the economy according to groups of bank, the share of investment tended to slightly increase for SOCBs and mitigated for other CIs: outstanding of SOCBs (excluding the Viet Nam Bank for Social Policies) accounted for 49.1% of total investments across the economy by the end of 2015 (in 2014: 46.8 %); the Viet Nam Bank for Social Policies represented 3.0% (4.1%); other groups of CIs made up 47.9% (49.1%).



Source: The State Bank of Viet Nam

Interest rate developments

VND interest rates

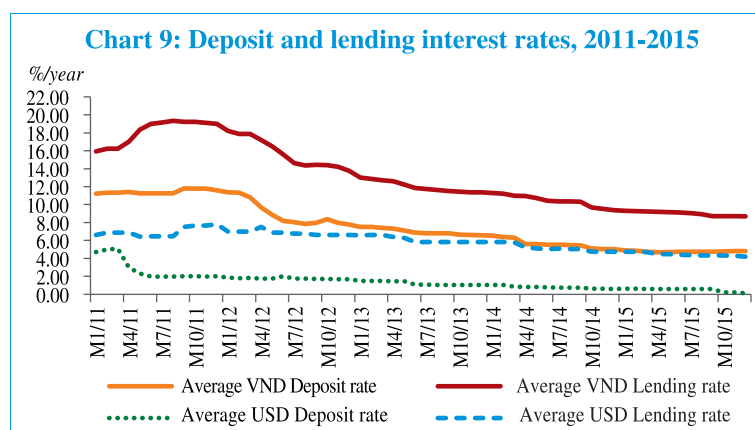
In 2015, the SBV managed interest rates in a stable manner, in consistent with macroeconomic and currency market developments; instructed CIs to strive for reducing interest rates for medium and long term loans in supporting manufacturing sector and businesses.

“

The market interest rate continued a downward trend, Viet Nam

*dong - US dollar
interest rate spread
improved the
position of Viet Nam
dong.*

Accordingly, in the condition of low and stable inflation, liquidity was guaranteed, CIs reduced deposit and lending rates, interest rate of less than 6-month deposit announced by CIs was lower than the deposit rate ceiling stipulated by the SBV. Particularly, deposit interest rates fell by 0.2-0.5%/year compared to those in late 2014, lending rates fell by 0.3-0.5%/year compared to end-2014; among which, short-term lending rates decreased by 0.3%/year, medium and long term interest rates fell by 0.3-0.5%/year. By the end of 2015, VND deposit interest rates halved from 0.8 to 1%/year for demand and less than 1-month deposits; 4.5% to 5.4%/year for deposits with terms of 1 month to less than 6 month; 5.4% to 6.5%/year for deposits with terms of 6 month to less than 12 month; term of over 12 month at 6.4 to 7.2%/year. Lending rates stayed at 6-9% year for short-term; 9-11%/year for the medium- and long term.



Source: The State Bank of Viet Nam

Note: Deposit and lending rates are at average values

USD interest rates

USD interest rate moved in accordance with the Government's policy and the SBV's instruction in anti-dollarization, limiting speculation of foreign currencies, supporting the stabilization of exchange rate and foreign currency market. At the end of 2015, US dollar deposit interest rates set for the individual and institutional clients were at 0%/year, in compliance to the USD deposit rate ceiling announced by the SBV. USD lending rates ranged



from 2.8 to 6.2%/year; among which, short-term lending rate was from 2.8 to 5.2%/year, and from 5.3 to 6.2%/year for the medium- and long-term lending rate.

Interbank money market

VND transaction volume was stable but that of USD transaction decreased sharply

Total volume of VND loans and deposits in the interbank market reached VND 5,776 trillion, down by VND 187 trillion (equivalent to a decrease of 3%) compared to that in 2014. Whereas, interbank transaction volume in USD also saw a downward trend, with total loan and deposit turnover of VND 2,131 trillion, decreased by VND 1,543 trillion (equivalent to a decrease of 42%) compared to that in 2014. As compared to lending and deposit activities, purchase and selling of term valuable papers between commercial banks, foreign banks' branches were at smaller volume but achieved an impressive growth rate, given by transaction turnover increased from VND 110 trillion in 2014 to VND 249 trillion in 2015.

Regarding terms, most transactions made in 2015 were at the terms of less than one-month with the focus on those of overnight and one-week. Overnight trading volume in VND throughout the year reached VND 2,001 trillion, in USD converted to VND was VND 1,014 trillion, representing 35% and 48% of total transaction volume, respectively.

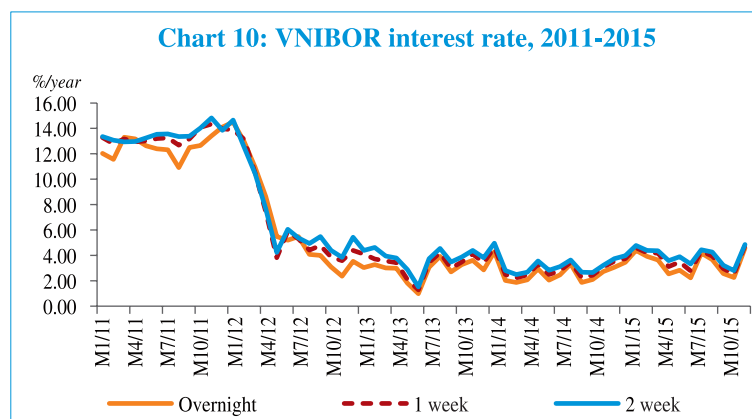
Interbank interest rates increased slightly but at a low rate, hence putting no pressure on deposit and lending interest rates to customers

In 2015, the interbank interest rate increased slightly, liquidity was abundant and liquidity excess volume was lower than that in 2012–2014. This took place in the context of fair credit growth, the SBV net sold foreign currencies and regulated liquidity in order to contribute to stabilizing exchange rate and domestic foreign exchange market amidst complicated developments

“

Interbank interest rates increased slightly but at a low rate, VND transaction volume was stable while that of USD transaction plummeted

in the world market. Average annual interest rate for overnight, 1-week and 2-week increased by 0.76%-0.79%/year to the level of 3.33%/year, 3.69%/year, and 3.97%/year, respectively. Despite a slight increase as compared to 2014, the interbank interest rate was still lower than the SBV's open market offering interest rate of 5%/year, thus putting no pressure on deposit and lending rates to clients.



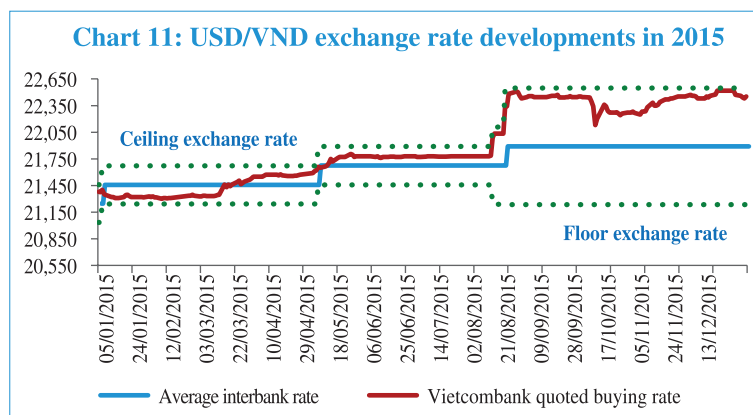
Source: The State Bank of Viet Nam



Foreign exchange market suffered the pressure of unfavorable domestic and international factors but positively responded to the flexible and timely management of the SBV.

Foreign exchange market developments

In 2015, there was a complicated development in the world financial and monetary markets due to the impact imposed by the Fed's first time interest rate raising in the past nine years since the global financial crisis and the Peoples' Bank of China's sudden devaluation of CNY, creating negative sentiment on international currency markets. Cosmetically, the economic recovery caused deficits to return. These factors continuously put pressure on the supply and demand of foreign currencies in the country. In this context, the SBV managed exchange rate policy and foreign exchange market in flexible, timely and uniform manners as well as combined with monetary policy tools, which helped relieve pressure on the market. Thereby, the foreign exchange market was stabilized, the supply and demand of foreign currencies were smoothly matched, the eligible purchase of foreign currencies was fully and timely met by the CIs. During this year, the average interbank exchange rate announced by the SBV increased by 3%, the interbank exchange rate and the exchange rate quoted by commercial banks increased by 5% compared with that at the end of 2014.



Source: The State Bank of Viet Nam

Gold price development

Domestic gold price moved in tandem with but was less volatile than the world price. At the end of 2015, the domestic gold price was at VND 32.62/32.82 million per tael, decreased by 5.4% y-t-d.

Security market

Security market was negatively impacted by instabilities of global financial and security market, security market in 2015 declined further compared to 2014, liquidity reduced. In 2014, VN-Index rose by 6.12% to 579.03 points while HNX-Index decreased by 2.58% to 79.96 points. Market volume increased slightly, capitalization stood at VND 1,224 trillion, equivalent to 29.2% of GDP and rose by 5.8% compared to 2014. The average transaction value dropped: transaction value on HOSE was approximately VND 1,964 billion/day, decreased by 9.8% compared to the average rate of 2014; and on HNX was approximately VND 544 billion/day, down by 32.8% y-o-y. In the primary bond market, government bond bidding declined in the context that the state budget was put under pressure due to sharp decrease in the world oil price and the National Assembly allowed to issue only government bonds with maturity of 5 year or above. Total volume of successful government bond bid reached VND 197.6 trillion, slightly down by 6.4% compared to 2014, interest rate jumped, the average maturity was extended and investors were mainly commercial banks.

“

Domestic gold price moved in tandem with but was less volatile than world gold price.

“

Security market's liquidity reduced.

2.7. Credit institutions' Activities

“

CIs complied with laws and regulations and made effort to improve the adequacy ratios in banking activities. The profitability declined compared to 2014 because of the increase in risk provisions, the strict control of liquidity risk, and the significant improvement in debt quality.

2015 was an important year, which marked the fulfilment of the Scheme of Restructuring the system of CIs for 2011-2015. There, subsequently, continued to have a change in the number of CIs through mergers, acquisitions as well as the SBV's determination to resolve weak CIs. As of end-2015, the system includes 04 state-owned commercial banks, 03 banks acquired by the SBV, 28 joint-stock commercial banks, 02 policy banks, 16 financial companies and 11 financial leasing companies belonging to non-bank CIs; 03 micro finance institutions; 01 Co-operative Bank; 1,147 people's credit fund; 05 bank with 100% foreign capital; 50 representative offices; 03 joint-ventured banks and 50 foreign bank branches.

**Figure 1: Credit Institutions System in Viet Nam
(as of 31/12/2015)**

No.	Forms	2014	2015
1	State-Owned Commercial Banks	5	7(*)
2	Viet Nam Bank for Social Policy	1	1
3	Development Bank	1	1
4	Joint-stock Commercial Banks	33	28
5	Joint – venture Banks	4	3
6	Bank with 100% foreign capital	5	5
7	Foreign Bank Branches	47	50
8	Non-Bank Credit Organizations	28	27
	<i>Include: Financial Companies</i>	17	16
	<i>Financial Leasing Companies</i>	11	11
9	Co-operative Bank of Viet Nam	1	1
10	People's Credit Funds	1,145	1,147
11	Micro- finance Organizations	3	3

Source: The State Bank of Viet Nam

(*) - Including 03 joint-stock commercial banks acquired by the SBV at 0 VND (Viet Nam Construction, GP and Ocean).

The CIs endeavored to improve their financial capacity, CAR ratios, and reinforced risk management

The SBV accelerated restructuring measures in order to ensure that the Scheme of Restructuring the system of CIs implemented in the right direction and poposed roadmap. Accordingly, in 2015, financial capacity of CIs was improved. As of end 2015, the total capital reached VND 460.28 trillion, increased by 5.7% y-o-y; equity capital reached VND 578.02 trillion; increased to 16.4% y-o-y; total assets reached VND 7,319.3 trillion, increased by 12.4% y-o-y. CIs positively divested from sectors of potential risk and inefficient business. Banking technology, governance, internal audit and control system of CIs continued to innovate and modernize in lines with international standards and practices.

Figure 2: Asset and Equity Capital of Credit Institutions⁴

	Total Asset		Owned Capital		Chartered Capital	
	VNDBillion	± %	VNDBillion	± %	VNDBillion	± %
SOCBs	3,303,995	16.57	203,328	19.82	137,093	2.14
VBSP	144,204	7.03			10,696	6.96
JCBs	2,928,146	8.93	236,342	16.34	193,977	7.11
JVBs foreign banks	755,581	7.63	117,164	10.53	93,948	8.45
Financial and financial leasing companies	87,841	27.91	17,715	16.48	18,463	-2.17
Co-operative Bank	21,906	7.45	3,472	38.36	3,000	39.31
People's Credit Funds	77,645	16.41			3,102	15.85
Total	7,319,317	12.35	578,020	16.40	460,279	5.65

Source: The State Bank of Viet Nam

⁴ Excluded the CIs of negative equity capital, Social Policy Bank and People's Credit Fund.

Figure 3: Activities of Credit Institution Indicators*Unit: %*

	ROA	ROE	Capital Adequacy Ratio	The ratio of short-term capital source to be used for medium and long-term loan
SOCBs	0.63	10.62	9.42	33.36
VBSP	0.27	1.27		
JCBs	0.36	4.43	12.74	36.90
JVBs, foreign banks	0.48	3.05	33.80	
Financial and financial leasing companies	3.29	14.99	23.24	73.14
Co-operative Bank	0.48	2.95	31.47	77.93
People's Credit Funds	0.93	13.60		
Total	0.44	6.26	13.00	31.00

Source: The State Bank of Viet Nam

The drastic and comprehensive implementation of measures on supervision, inspection, restructuring and bad debt resolution helped ensure the prudent operation of CIs; state assets and people's deposits were kept safe, even in the weak CIs; market and public sentiment were stably; people's confidence to banking system was strengthened and enhanced. As of end-2015, capital adequacy ratio (CAR) was 13% and the ratio of short-term capital used for medium and long-term loan was 31%. However, high cost of risk provisions⁵ caused income-cost disparities of the whole system fell in 2015, after a rising trend since 2012. The decrease in revenue-expenditure difference amidst the dramatic increase of 12.3% y-o-y in total assets caused lower business efficiency of the system in 2015 compared to 2014: ROA

⁵ According to the data reported by CIs, the cost of provision for credit risk in 2015 increased to 7.5% y-o-y and to 30.8% compared to the same period in 2013.

was 0.4% and ROE was 6.3% (the figures in 2014 was 0.6% and 6.4%, respectively).

Liquidity risk of the system continued to be stable and credit risk improved significantly

Liquidity risk: the liquidity of CIs continued to remain stable. Specifically, loan-to-deposit ratio (LDR) tended to be maintained stable at around 90%, the share of saving deposit out of total capital mobilization in market 1 remained high and continued to grow; medium- and long-term credit jumped but was still under control, the rate of short-term capital used for medium- and long-term loans was at 31%. The merged, acquired, consolidated or restructured banks basically came back to stable trend and liquidity was guaranteed.

Credit risk: In 2015, CIs actively resolved bad debts by 03 types: selling debts to Viet Nam Assets Management Company (VAMC); using the risk provisions to solve bad debts; recovering debts in different ways including lawsuits in the court, coordinating with law enforcement agencies to sell assets and collect debts, etc. In addition, CIs cut down dividend and compensation payment to strengthen financial resources for bad debt resolution. Consequently, bad debts have been controlled, no new bad debts incurred, the bad debts ratio reduced to the safety margin of 2.55%. Bad debt resolution performance showed the initial positive effect of VAMC model, contributed to supporting CIs and removed difficulties for customers.

Part II – The State Bank of Viet Nam Performance

Implementing the Government's guidelines provided in Resolution No. 01/NQ-CP dated January 03, 2015, the SBV's Governor issued Instruction No. 01/CT-NHNN dated January 27, 2015 setting targets and responsibilities of the whole banking system for 2015 as followed *“Conduct monetary policy in a proactive and flexible manner and, in the meantime, work in close collaboration with fiscal policy to achieve the targeted inflation rate (under 5%), reinforce macroeconomic stability, support adequate economic growth (6.2%), ensure sufficient liquidities for CIs and the economy, maintain the interest rates at stable levels, reduce medium and long-term lending rates by 1-1.5 percentage per year, provide necessary support to financial market to mobilizing funds for development investment. In 2015, the SBV goals was to regulate total liquidities growth at 16-18%, credit expansion at 13-15%, with necessary adjustments in line with market development; stabilize exchange rates (with the adjustment level under 2 percentage points), foreign exchange and gold markets. Implement monetary and banking regulation measures to facilitate credit accessibility of businesses, cooperatives, households for their expansion of production and businesses, encourage precautionous credit expansion of CIs ensure sufficient funding for the economy. Prioritize lending for agricultural and rural sector, exports, supporting industries, small and medium enterprises, and high technology enterprises”*.

1. Monetary Policy Regulation

Proactive and flexible regulation of OMOs to support liquidity of CIs and exchange rate stability

OMOs were regulated in proactive and flexible manners by the SBV to ensure sufficient liquidities for the banking system, stabilize money market, facilitate the reduction of deposit and lending interest rates of CIs, and support economic growth. At the same time, in

“

Proactive and flexible monetary policy regulation to support economic growth in a low inflation



the context of increasing pressure on foreign exchange market at several times in the year, OMOs also supported the foreign exchange stability.

In 2015, liquidities of CIs were surplus as a whole though at a lower level compared to previous years due to the recovery of credit growth earlier in the year. However, the SBV ran auctions to purchase valuable papers on a daily basis, mainly those with 7-day maturity and stable interest rate of 5.0% p.a in order to ease market sentiment and provide support to CIs with limited access to interbank funds, with the aim to stabilize the interbank market and interest rates level. In the condition of rising needs in liquidity due to seasonal effect, higher bidding volume of valuable papers was flexibly provided by the SBV; especially during the end of 2015, the bidding maturity lengthened to 14-56 days instead of 7 days to loose the liquidity pressure for CIs, contributing to the lower pressure on interest rates level.

In the condition of surplus liquidity in the system, to provide support to the stability of exchange rate, the SBV issued the SBV-bills with flexible maturities of 14, 28, 56, 91 and 182 days. Particularly at the time of rising pressure on exchange rate, the bidding volume of the SBV-bills was appropriately adjusted to control surplus liquidity of VND with higher bidding interest rates to increase USD holding cost, helped to reduce the need of holding foreign currencies of CIs. When the foreign exchange market was positive and exchange rate declined, the SBV proactively reduced the volumes and issuing frequency of the SBV-bills, or postponed issuing the SBV-bills, which contributed to the successful issuance of Government bonds by the Ministry of Finance.

Stabilization of policy interest rates, reduction of USD interest rate ceiling

The inflation rate in 2015 was relatively low given low prices of oil, foods and several goods under the state management. Besides, the foreign currency market fluctuated complicatedly, thus interest rates policy was

environment, assist foreign exchange market to flexibly response to the global fluctuations.

flexibly regulated to reinforce the VND status, helped to ease the burdens on exchange rate. In that context, the SBV stabilized policy interest rates and VND deposit ceiling interest rate, lowered USD ceiling interest rate to ensure a reasonable gap between VND and USD interest rates. Specifically, policy interest rates were kept at the level of 6.5% p.a for refinancing rate, 4.5% p.a for discount rate, and 7.5% p.a for overnight interbank lending rate; VND ceiling rates for: demand and less-than-1-month deposit was 1% p.a; deposits of 1-month to 6-month maturities was 5.5% p.a; ceiling on USD deposit rate was cut to 0% p.a from September 2015 applied to organization and from December 2015 to individuals. In addition, the SBV continued to require CIs to strictly abide regulations on interest rates, apply reasonable lending interest rate in consideration of deposit rate and lending risks, reduce financial burdens on borrowers, and ensure financial safety in their operations.

Stabilization of VND and USD required reserve ratio

To stabilize liquidity for CIs and money market, VND required reserve was maintained at 3% for deposits of under 12-month and 1% for deposits of more than 12 months. Foreign currencies required reserve ratio was unchanged at 8% for deposits under 12 months, 6% for deposits of more than 12 months and 1% for offshore deposits.

Flexible regulation over exchange rate and forex market to timely response to adverse developments of international markets

From beginning of the year, to stabilize expectations and proactively guide forex market, the SBV set out a target to maintain exchange fluctuation less than 2% for the whole year of 2015, and undertook comprehensive measures to support exchange rate stabilization. However, in 2015, international financial and monetary markets witnessed lots of unforeseen changes, such as China depreciated CNY in August 2015, and the Fed



raised its policy interest rate by end of 2015, not at the beginning of the year as expected, leading to complicated fluctuation of US dollars, resulted in domestic fluctuation. Such fluctuation imposed difficulties and challenges on the management of exchange rate and forex market in 2015. In this context, the SBV undertook proactive, flexible, timely and comprehensive measures to ease the pressure on forex market, effectively responded to unfavourable developments of international markets, including *(i)* Adjust interbank exchange rate up by 3%, higher than targeted level in the beginning of the year, at the same time increase its band from +/-1% to +/-3% to enable exchange rate to flexibly response to unfavourable conditions in international markets; *(ii)* Intervene in foreign currency buying-selling operations, ensure liquidity for the markets to stabilize supply and demand and ease pressure on exchange rate; *(iii)* Issuing Circular No. 15/2015/TT-NHNN dated October 02, 2015 which provided stricter regulation over foreign currency transactions to discourage foreign currency speculation and holding; *(iv)* Issuing Decision No. 2730/QD-NHNN dated December 31, 2015 on the SBV fixing of VND/USD central exchange rate and cross reference exchange rate between VND and some other foreign currencies where central exchange rate between the VND and USD was determined by referring to interbank forex market's weighted average exchange rate, international exchange rates of several currencies of countries which have significant trade, lending-repayment and investment relation with Viet Nam, macroeconomic and monetary balances and monetary policy objectives. In addition, the SBV, for the first time, offered revocable foreign currency sale to assure investor of sufficient foreign currencies supply, implying to direct and control expectation to targeted levels, mitigating speculation and holding of foreign currencies to lower the use of state foreign reserve for market intervention; *(v)* Foreign exchange policy and forex market management were synchronized with other solutions and instruments such as interest rates, OMOs, improved public communication, and market

guidance, all helped to lower the needs of holding foreign currencies, strengthen confidence in VND, and stabilize forex market. Management of exchange rate and forex market of Viet Nam in 2015 received strong supports from international organizations and positive response from businesses and the public.

Implementing credit measures to untangle difficulties for businesses, support market while maintaining credit quality and facilitating de-dollarization

Comprehensive credit measures were implemented to ensure precautions and quality lendings and provide sufficient capital for the economy, facilitate access to banks' credit. In line with 2015 economic growth target of 6.2% and inflation of around 5% set out by the National Assembly and Government at the beginning of the year, the SBV targeted credit growth at 13-15% for the whole year. However, in the context of recovered aggregate demand, economic activities and for the sake of promoting investment to support economic growth, the SBV adjusted credit growth target to 18% for the year. The SBV announced and allocated targeted credit growth to specific CIs, and during their implementation, it considered to adjust credit limits for certain CIs in consideration of their financial health, demand and sound credit expansion capability. The SBV continued measures to support CIs in effective credit expansion; resolve difficulties between CIs and clients, facilitate access to credit for effective businesses for such purposes as restructuring repayment maturity, lower interest rates of existing loans, simplify lending procedures; consider to exempt/decrease interest rate, prioritize to collect due principals to interest payment where clients have difficulties in repayment, etc.

With respect to foreign currency credit, the SBV issued Circular No. 43/2014/TT-NHNN dated December 25, 2014 on lending in foreign currencies by CIs, and foreign bank branches to resident borrowers to control lending in foreign currency, in line with the Government

guidance on controlling dollarization in the economy, contributing to foreign exchange and forex market stabilization, supporting export and foreign-currency-revenue-generated enterprises; in the meantime, flexibly dealing with specific cases where foreign currency lending was used to decrease cost of borrowing, helping to remove difficulties of enterprises.

Flexible deployment of refinancing instrument

Refinancing instrument was regulated proactively in coordination with other monetary policy tools to stabilize the monetary market, in line with economic growth targets set by the Government from time to time, and support the implementation of CIs restructuring and non-performing loans resolution. The SBV continued using refinancing tools against VAMC special bills to provide CIs with necessary operational funds during non-performing loans resolution under Decree No. 53/2013/ND-CP dated May 18, 2013 (Decree 53) and Decree No. 34/2015/ND-CP dated March 31, 2015 (Decree 34) of the Government. With the issuance of Circular No. 18/2015/TT-NHNN dated October 22, 2015, the SBV timely adjusted guidance on refinancing against VACM's special bills in conformity with Decree 34. Besides, the SBV continued refinancing to provide housing financial supports as stipulated in Government's Resolution No. 02/NQ-CP dated January 07, 2013 and Resolution No. 61/NQ-CP dated August 24, 2014 of the Government.

2. Foreign Exchange Management

Reasonably management of current account transactions and foreign currency usage

Current account transactions were under regulation which headed towards further liberalization in accordance with commitments of international integration, in the mean time, the SBV continued to implement measures to restrict the use of foreign currencies in its jurisdiction for the purpose of de-dollarization in Viet Nam. Policies to attract remittances continued towards creating favourable terms and in consistent with international

“

Improved legal framework on foreign exchange management; managing foreign reserve in principle of safety, liquidity and profitability;

*and enhanced state
management on
gold market.*

integration trend, thus, remittance inflows remained stable, supporting the improvement of Viet Nam balance of payments. In addition, the SBV continued to apply measures to attract foreign currencies inflows into the banking system including policies on currency exchanges, exchange rates and interest rates of domestic and foreign currencies, buying and selling foreign currencies at authorized CIs with individuals, cross-border payments management.

Capital transactions management

In addition to the completion of legal documents on foreign exchange management, the SBV continued to enhance the its foreign exchange management in terms of foreign investment and borrowing and repayments in a prudent manner, ensuring the thresholds approved annually by the Prime Minister. Management of foreign direct investments continued to create favorable environment, attract and effectively use foreign direct investments to Viet Nam, and closely monitor short-term investment flows. Additionally, the SBV strictly monitored and supervised overseas investment in accordance with international integration commitments and the SBV's orientation. The SBV coordinated with Ministries to submit to the Prime Minister on annual foreign currency support limits applicable for projects with Government guarantees of foreign currencies conversion; monitored and evaluated the implementation of such guarantee limits.

Management of international reserve in principles of safety, liquidity and profitability

State international reserve continued to be managed in principles of safety, liquidity and profitability. Pursuant to the Government's Decree No. 50/2014/ND-CP dated May 20, 2014 of the Government on State foreign reserve, the SBV gradually improved reserve management capacity and efficiency by adopting international best practices, diversifying investment portfolio while ensuring the principles of safety and liquidity.

Continued achievement of gold market management

The SBV continued to carry out its State management function on gold market under the Decree No. 24/2012/ND-CP dated April 03, 2012 of the Government, comprehensively implemented measures, including: *(i)* Closely monitored domestic and international gold market; *(ii)* Continued to improve legal framework on gold market management; *(iii)* Continued to strengthen gold tael trading network to meet legitimate demand of the public; *(iv)* Coordinated with relevant ministries to enhance gold market management; *(v)* Researched and established solutions for strictly management of gold market, and utilization of gold sources to serve socio-economic development.

3. Banking Supervision

2015 was the last year of the Scheme of Restructuring the system of CIs for 2011-2015. From beginning of the year, the SBV issued Directive No. 01/CT-NHNN and Directive No. 02/CT-NHNN dated January 27, 2015 which focused on drastical and comprehensive measures on supervision, restructuring and resolving NPLs, helped to gain important achievements, contributed to safe and stable operation of CIs, improved conduct of discipline, compliance and the effectiveness of monetary policy monitoring, state management of monetary and banking operations.

Supervision

The SBV concentrated on risk-based supervision, together with compliance of regulations on monetary and banking operations, prudential ratios and implementation of Scheme of Restructuring the system of CIs and Scheme of NPLs resolution of CIs system to identify and resolutely mitigate risks and deal with violations. Supervision works in 2015 focused on three critical issues, including: *(i)* Supervision of legal entities which covered most main operations of CIs; *(ii)* Specialized supervision on

“

Supervision works continued to focus on restructuring program of Scheme of Restructuring the system of CIs for 2011-2015, while enhancement made on important issues including resolution of NPLs, improvement of credit quality, prudential ratios, corporate governance and off-site supervision to identify risks for early warning purposes and money laundering prevention.

restructuring, NPLs resolution and credit quality, with the aim to assess and oversee the implementation of methods to restructure, resolve NPLs by CIs, and NPLs situation and resolution; *(iii)* Supervision of others entities under the SBV powers. Supervision works were carried out strictly, in line with regulations, and with the principle of coordinating supervision with independent audit. Supervision activity was conducted on drastic, concentrated, consolidated, specialized and prioritized basis, contributing to ensure the safety and stability of the banking system, and improve the discipline and compliance in monetary and banking sector.

Oversight over banking operations continued to be renovated and strengthened by improving and applying oversight tools and measures together with enhancing the development of oversight database and criteria system. In 2015, oversight mainly focused on the implementation of prudential ratios, risk early warning and provisioning, NPLs resolution, assets management, restructuring measures, using lending funds for refinancing, cross-ownership, operations of weak or specially controlled CIs, etc. In addition to the improvement of specialized supervision, the SBV continued to strengthen administrative supervision, citizen reception, claims and accusation resolution, and prevention, detection of corruption and criminals in banking industry.

During the process of restructuring CIs, the SBV actively coordinated with relevant agencies to identify and handle violations through providing information, documents, judicial expertise, especially for highlighted cases of weak CIs such as GPBank and OCEAN Bank; therefore, the banking system was maintained safe and sound, depositors' sentiment remained stable.

Licensing management

In 2015, more prudent approach was applied on licensing management to ensure safe and sound operation of CIs, which was in line with targets of restructuring scheme. By December 31, 2015, the SBV

approved the proposals on setting up 85 branches, 233 transaction offices (mainly upgraded from former saving offices according to Viet Nam's regulation), 04 representative offices, and one 100% foreign-owned bank. A number of new branches and transaction offices of CIs declined significantly in comparison to period prior to implementing the restructuring process, and mostly located in rural areas.

Implementation of Scheme of Restructuring the system of CIs for 2011-2015 and Scheme of NPLs resolution of CIs system

Restructuring of CIs

2015 was the last year of completing the implementation of Scheme of Restructuring the system of CIs for 2011-2015. Therefore, from beginning of the year, along with strengthening supervision works, a number of restructuring measures was drastically and comprehensively implemented, including compulsory intervention to strictly restructure and resolve weak CIs. 03 weak joint stock commercial banks were acquired, 01 commercial bank and 01 non-bank credit institution were kept under special control by the SBV; 03 commercial banks were merged, 02 finance companies were acquired by commercial banks; licenses certificates of 01 finance company and 01 foreign bank branch were revoked. State-owned commercial banks continued to affirm their leading role in maintaining the stability of the system, who were the key force contributing actively to the restructuring process of weak banks. Non-bank CIs acquisition and merger continued to be strongly carried out towards acquisition, divestment or liquidation and bankruptcy. Cooperative Bank of Viet Nam played a more important role in supporting and guiding the operation of People Credit Funds; transferring idle capital, providing liquidity for credit expansion, ensuring solvency and improving the system linkage. During the restructuring process, the SBV closely coordinated with local authorities in managing and communicating guidelines and policies on People Credit Funds operation, stabilizing depositors' sentiment,

which contributed to the local political and social stability. The SBV actively instructed the establishment and development of microfinance institutions under “Microfinance system establishment and development in Viet Nam towards 2020”. As of end of 2015, the SBV granted licenses to 03 microfinance institutions which operated so far in a sound and safe manner with high profitability and low NPLs ratio.

Non-performing loans resolution

In 2015, NPLs resolution of CIs gained a number of significant achievements. The SBV proactively coordinated with ministries to remove obstacles regarding regulations on NPLs resolution, creating and granting more appropriate power to VAMC to resolve debts, collaterals of purchased NPLs, setting up legal mechanism for better operation of VAMC which contributed to speed up the progress of NPLs resolution, including: *(i)* Instructing CIs to prepare and submit for approval the plan on NPLs resolution in 2015 with the target to bring NPLs ratio to under 3% by end of 2015. Based on plan approved by the SBV, CIs implemented measures to resolve NPLs such as transfers to VAMC, debts collection, collaterals liquidation, using provisionings; controlling NPLs accumulation, improving credit quality, assessment and appraisal capacity, efficiency of credit risk management; re-evaluating loans, providing appropriate measures to support clients dealing with difficulties and expanding their businesses, etc.; *(ii)* Strengthening strict oversight and monitoring of businesses results, advance payment, dividend distribution, revenue allocation of CIs to put aside resources for NPLs resolution. CIs who had insufficient risk provisioning or incompleting restructuring plan and NPLs ratio higher than 3%, were limited or not allowed to distribute their dividends and restricted in operational criteria until the requirements of NPLs resolution set by the SBV were completed.

Anti-Money Laundering

As the focal point of the Steering Committee for anti-money laundering and of Viet Nam for Asia-Pacific

Group for anti-money laundering (APG), the SBV continued to coordinate with related units and ministries to implement the National Action Plan on anti-money laundering and combating terrorist financing period 2015-2020 and carry out its member's duty in APG. In 2015, the SBV received nearly 1,500 reports of suspicious transactions from reporting entities. Based on its analysis, the SBV transferred a number of cases for further investigation by the Ministry of Public Security and other relevant law executing agencies. In addition, the SBV also provided investigation agencies, both domestic and foreign prosecution units, with information for investigation, prosecution and adjudication of money laundering crimes among others.

Moreover, in 2015, the SBV continued to coordinate with the Ministry of Finance to sign and implement the Multi-Governmental Agreement on the Foreign Account Tax Compliance Act of the United States of America between the Government of Viet Nam and Government of United State of America, and instruct financial institutions to prepare reports under the regulations of FATCA.

4. Macro Prudential Oversight of the Financial System

The SBV continued to implement post-FSAP Action Plan

2015 was the second year since the SBV commenced the implementation of Financial Stability Assessment Program (FSAP) recommendations aiming to improve management and supervision towards international principles and standards. The SBV kept close watch, updated the implementation progress, produced quarterly reports and introduced, in a timely manner, solutions to the four action packages relating to financial stability framework, supervision and inspection, financial infrastructure and strengthening of VAMC's functions and NPL resolution. Besides, the SBV working closely with relevant ministries and agencies in realization of the

“

The SBV continued to carry out the action plan to implement FSAP recommendations and to develop macroprudential framework for systemic risk prevention.

planned actions, ensuring the progressive implementation of the post-FSAP Action Plan.

The SBV developed macroprudential policy framework for the financial system risk prevention

Recognizing the necessary linkage of macroprudential policy surveillance and regulation, in 2015, the SBV embarked on the construction of macroprudential policy framework, consisting of three key components, namely systemic risk monitoring and supervision, macroprudential tools selection and application, and appropriate institutional framework. *For systemic risks monitoring and supervision component*, the SBV undertook a phased-out scheme to develop a periodic analytic report (monthly, quarterly and specialized). Specifically, monthly thematic reports have been published to picture global monetary and financial stability as well as domestic financial system, while quarterly reports further analyze and evaluate impacts of private, household and real estate sectors on financial stability, and specialized reports analyze volatility in the international financial markets that may trigger shocks and risks to financial instability. Annual Financial Stability Report provides an overall landscape which reviews and analyzes the finance-- macro linkage and the inter-relation of financial system and economic sectors, identify systemic risks and sources, thereby provides warnings and recommendations on policy solutions to maintain financial stability. *Relating to macroprudential tools selection and application component*, in 2015, the SBV set up a database for financial stability and a set of macro-prudential indicators (MPIs) for the monitoring, measurement of, systemic risk and macroprudential monitoring. *As of development of an appropriate institutional framework*, since the beginning of the year, the SBV focused on researching and building a decree on ensuring financial stability and on establishing the national financial stability council in order to strengthen coordination and information sharing among relevant ministries/agencies as well as among the SBV's units.

5. Legal Affairs

Legislation

The SBV continued to focus on improving institutional framework for banking activities, which was reflected by the promulgation of 46 legal documents including 03 Decrees of the Government, 42 Circulars and 01 Joint Circular. These legal documents improved institutional framework for the banking activities, e.g. **(i)** Purchase and sale of NPLs by CIs and VAMC; **(ii)** Regulations on establishment, organization and operational guidelines for CIs; **(iii)** Regulations providing legal basis to enhance effectiveness of monetary policy regulation, of financial services development and of implementation of supportive credit policies channeling funds to the economy; **(iv)** Regulations to encourage non-cash payment, improving safety of payment system and other documents related to payment. Some 2015's highlights include: Decree No. 34/2015/ND-CP dated March 31, 2015 amending Decree No. 53/2013/ND-CP dated May 18, 2013 on the establishment, organization and operation of VAMC; Decree No. 135/2015/ND-CP dated December 31, 2015 on offshore direct investment; Circular No. 14/2015/TT-NHNN dated August 28, 2015 amending some articles on Circular No. 19/2013/TT-NHNN dated September 6, 2013 providing for NPL purchase, sale and resolution by VAMC; Circular No. 18/2015/TT-NHNN dated October 22, 2015 regulating on refinancing loans on the basis of special bonds, replacing Circular No. 20/2013/TT-NHNN dated September 9, 2013; Circular No. 23/2015/TT-NHNN dated December 04, 2015 amending regulation on required reserves applicable to CIs under Decision No. 581/2003/QD-NHNN dated June 09, 2003 by the Governor of the SBV, etc. The development and issuance of legal documents in 2015 helped to improve the legal framework for banking activities aiming at strengthening CIs' organization and operation, enhancement of the SBV's supervision and control over single CI and stability and soundness the banking system as a whole.

“

Legislation and law enforcement continued to be strengthened for the purpose of improving legal framework for banking and monetary activities, contributing to the transparency of banking regulation system.

Strengthening enforcement of banking regulations

To promote enforcement of banking regulations, in 2015, the SBV focused on: **(i)** Monitoring the promulgation of documents providing detailed guidance for implementation of Laws, Ordinances, and Government's Decrees. Specifically, in 2015 SBV reviewed 122 legal documents including Laws, Government's Decrees and Decisions by the Prime Minister in order to provide timely guidance and bylaws; **(ii)** Reviewing the legal documents periodically and thematically. In terms of periodic review, the SBV announced a list of 96 fully or partly outdated legal documents relevant to the SBV's domain in 2015. The SBV conducted reviews on relevant regulations of the Law on Investment and the Law on Enterprises which relates to the SBV's state management domain, legal requirements to domestic businesses and foreign investment in the banking sector; **(iii)** Enhancing policy communication and dissemination of legal frameworks, focusing on the National Assembly's laws, ordinances and resolutions; **(iv)** Continuing to systematize legal documents promulgated from October 01, 1990 to December 31, 1996, by so doing, 439 SBV's legal documents were under reviewed, 128 of which were identified as inappropriate and dismissed, thus contributing to the transparency of the banking legal system.

6. Cash Issuance and Vault operations

Cash issuance and management

In 2015, the SBV proactively monitored cash in circulation, updated operational data of cash funds, computed preservation capacity and cash demand in each region and locality during various periods, to regulate cash supplies in a flexible manner to timely meet the needs for cash payment in the economy in line with socio-economic developments in various localities. Particularly, at times of cash-in/cash-out demands peaked, cash regulation was conducted expeditiously, ensured smooth cash circulation in the economy. In

“

Drastical management of cash issuance and vault operations in order to ensure monetary security and systemic safety.



addition, the SBV collaborated with relevant authorities in communicating the SBV cash issuance and supply policies and promoted using small denomination notes in circulation for proper purposes. Besides, the SBV proved its determination in conducting strict destruction of unfit notes in circulations, thus considerably release burdens for the vault system.

Vault security

Compliance with relevant regulations and vault security were maintained in a range of processes varying from counting, packaging and transportation and custody of cash, valuable assets and papers. CIs proactively modernized their cash and vault management, invested in new vault systems, renovation and installing required security apparatuses. Besides, the SBV provided timely guidelines on cash management in line with relevant regulations and actual practices as well as lessons learnt from previous failures in operational procedures.

Anti-counterfeiting measures

With a view to gradually emulating counterfeited money, the SBV undertook researches and analysis with modern technologies and, in collaboration with relevant agencies, to understand counterfeiting methods and substances to set out necessary warnings to assist the banking and State treasury systems to identify counterfeited notes and and proper reaction and process to information about counterfeit money. At the same time, the SBV continued its effective cooperation with relevant agencies in implementing anti-counterfeiting measures, and propaganda on public education via mass media on ways to spot out counterfeited money.

7. Banking Technology and Payment

Modernizing payment system

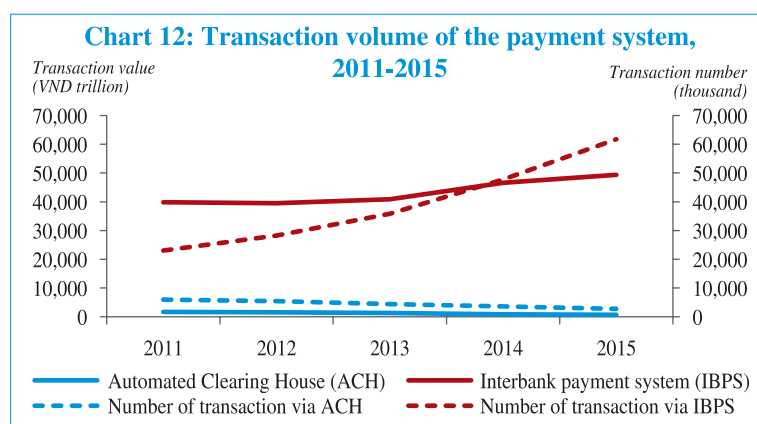
As of 2015, the SBV interbank electronic payment system was connected to 355 members, including 63 members the SBV's branches, 292 affiliates of 96 financial institutions. Total transaction volume of

“

*Payment system
continued
modernization and*

maintained stable function, safety in and serving payment demand of the economy, helped to faster payment process.

the SBV interbank electronic payment in 2015 reached VND 49,381 trillion, with 61,745 thousand transactions (6.0% and 29.4% higher than those in 2014, respectively). In contrary to development of the inter bank electronic payment, the electronic clearing system witnessed a decreasing trend both in scope and in scale in recent years. Total members of the electronic clearing system declined by 159 members from 656 members in 2014. Total transaction volume of the electronic clearing settlement reached VND 693 trillion with 2,750 thousand transactions, constituting declines of 16.2% and 24.5% compared to those in 2014, respectively.

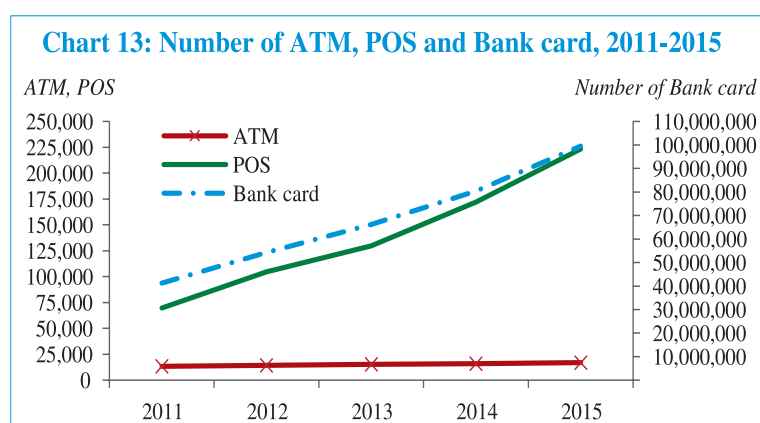


Source: The State Bank of Viet Nam

The SBV continued to focused on the implementation of activities set out in the Plan for the Development of an Unified Switching Center. On April 01, 2015, the SBV completed merger of Smartlink Card Joint-Stock Company (Smartlink) and Viet Nam National Financial Switching Joint-Stock Company to found a new unified switching center. It instructed the center to implement post merger integration including a proposal for the SBV capital contribution; implemmenting Domestic Chip Card Standard Project and building a roadmap to replace magnetic stripe cards with circuit cards; researches and development of automatic clearing and settling payment system (ACH) for retail payment transactions in Viet Nam.

For the implementation Via-POS card payment promotion plan 2014-2015, the SBV instructed its

provincial branches, commercial banks and card switching companies to continue promoting the card payment via POS and monitored the progress and reviewed the implementation. In 2015, the SBV approved of the application of Export – Import Bank, Technological and Commercial Bank, Viet Nam Prosperity Bank for provision of mPOS (mobile POS) card payments services and pilot electronic bills. In general, via-POS card payment in 2015 witnessed positive changes. Card holders gradually get accustomed to using cards to purchase goods and services in POS areas; thus, by end 2015, more than 223,300 POS/EDC were installed (an increase of 24.1% compared to that by end of 2014).



Source: The State Bank of Viet Nam

The SBV's management guidelines on payment continued to focus on the promotion of non-cash payments. The SBV encouraged development of new payment methods and services for diversification in line with global payment trends, including bank cards, mobile banking, internet banking services accessible by various customers. By end of 2015, 70 commercial banks offered internet banking services and 30 commercial banks offered mobile banking services to individuals and businesses. In 2015, the SBV announced a scheme to switch from magnetic stripe cards to integrated circuit cards, with a transition completion timeline on the entire Viet Nam market by December 31, 2020. After that, number of cards issued in the country moved up to 99.5 million cards by the end of 2015 (an increase of 22.0% y-o-y).

The SBV continued implementing a pilot scheme to develop several forms of non-cash payment in rural areas in 2014-2015 to meet the demand for payment, money transfer, contributing to promoting non-cash payments in rural areas as a part of financial inclusion. In 2015, the SBV monitored, reviewed and evaluated the implementation of 03 pilot payment modes, including the joint projects of Foreign Trade Bank of Viet Nam and M-services Joint Stock Company, Viet Nam Petrolimex Joint Stock Bank and Viet Nam National Petroleum Group (Petrolimex), Military Joint Stock Bank and Viettel Mobile Corporation. The SBV approved applications of these joint projects to continue the pilot programs in 2016. On the other hand, in 2015, the SBV granted payment service licenses to 08 non-bank organizations.

Regulation of payment and payment system surveillance

Payment legal framework continued to be improved to facilitate and create favorable conditions for non-cash payments. Surveillance of payment systems aimed to ensure security and safety of payment transactions and to meet requirements for development and international economic integration. In 2015, the SBV issued Circular No. 22/2015/TT-NHNN dated November 20, 2015 on cheque payment; and was undertaking composition of a decree to amend the existing decree on non-cash payments; completed a draft circular on bank card, another draft circular on opening State Treasury payment accounts and account transactions as well as other related legal documents. During the implementation of 2014-2020 payment system oversight project in Viet Nam, in 2015, beside daily oversight of the electronic payment systems, the SBV conducted periodic examinations of foreign currency payment systems, securities settlement, with a focus on card payment to ensure the security, safety and enhancement of service quality, to expand oversight to cover all payment intermediaries, improve institutional and operational capacity and develop oversight tools for effective implementation of the Strategy. As plan for 2020,

the SBV would complete legal framework, implement a comprehensive oversight of payment system in Viet Nam in line with international standards and practices in Viet Nam in order to ensure stability, safety and efficiency of the national payment system.

8. Credit Information

2015 was a milestone year when Viet Nam's National Credit Information Centre (CIC) was substantially improved by using new credit information system with expanded national credit database, new borrowers' network portal and enhanced credit information transparency.

Database development of National Credit Information Centre

After two years implementing CIC's Development project, CIC database was expanded and intensified with synchronized data from unconventional sources such as: People funds, micro-finance organizations, Viet Nam Asset Management Company. By end of 2015, CIC received data from all banking institutions including commercial banks, foreign banks' branches, non-bank institutions, Bank for Social Policies, Cooperative Bank, Viet Nam Development Bank,... which incorporated around 1,000 micro-finance organizations and People credit funds, tripled that in 2014. National credit information database included information on borrowers, credit contracts, credit relations, collateral, credit cards, financial statements of borrowers, securities investments of credit institutions... Operational data was updated every 03 days, non-operating data updated monthly, all data were to be archived for 05 years.

CIC services

CIC performance supported significantly supervision over credit extension, risk management to ensure sound banking system and encouraged development of products in line with regulator requirements demand such as NPLs reports, consolidated

“

Viet Nam National Credit Information Centre's activities are more and more effective, which contribute to the development of information transparency and risk-protection to banking activities.

statements of holding companies, state corporations, sectoral, regional and industries reports, funding by real estate businesses with large outstanding loans...

For CIs and non-SBV requestors, CIC services continued to be improved and diversified. In 2015, CIC provided 07 millions reports, an increase of 80% in comparison to that of 2014, besides, it offered batch reports service customized to client requests.

Credit rating activities

In 2015, CIC completed a credit rating system for individuals at international standard that enabled CIC to rate credit scores of more than 4 million clients and supported CIs to comply with Basel II requirements as guided by the SBV. On the other hand, CIC installed successfully e-information portal to connect all borrowers.

According to 2015 World Bank business environment report, Viet Nam depth of credit information index recorded at 7/8, helped to improve credit accessibility index by 8 levels, ranked 28/189 countries and territories.

Figure 4: Depth of credit information index 2015

Indicator	Viet Nam	East Asian and Asia Pacific	OECD
Depth of credit information index (grade 0-8)	7.0	3.9	6.5
Credit registry coverage (% of adults)	41.5	14.0	11.9
Credit bureau coverage (% of adults)	6.9	21.9	66.7

Source: World Bank – Doing Business 2016

9. Public Communication and Transperancy

The SBV Public Communication Board organizational capacity was improved, helped to promote the SBV public communication on a more transparent manner, built public awareness, attracted social attention and supports toward the SBV policies and banking performance. On the other hand, the SBV employees



*Public
communication
improved with
more diversified*



recognized the increasingly important role of public communication.

Via diversified communication channels including journals, interviews, reports, press releases, conferences, seminars... the SBV provided media, public, market participants structured information about the SBV policy regulation on a more regular basis. Thus, helped media, businesses, investors and public to react more positively and objectively when receiving information about the SBV policies and banking activities, built public and investor confidence in the SBV and Government policies and instruction.

*and informative
coverage and
well received
domestically and
internationally.*

Part III – Internal Governance

1. Internal Audit



Internal audit and control continued to focus on high-risk areas to enhance the SBV efficiency and sound operation.

Internal audit, internal control were conducted effectively in line with the Circular No. 16/2011/TT-NHNN dated August 17, 2011 promulgated by the SBV's Governor, which focused on high-risk operations, audits on the SBV's compliance, operations, safeguarding of assets and financial values.

In 2015, the SBV conducted financial statement audits at 11 units (1 department, 1 administrative unit and 9 municipal and provincial branches), compliance audits at 13 units (5 departments, 1 administrative units and 7 branches), audits on capital investment projects at 7 units, cash issuance and vault at 6 branches, IT system management and usage at 8 units and semi-annual audits of FSMIMS project.

Internal audits in 2015 helped the SBV units to identify, fix their weaknesses and resolve obstacles in their operations, thus intensified management capability to ensure compliance with applicable laws and regulations, operational efficiency and safeguarding of assets and properties under the SBV management.

2. Human Resources and Training

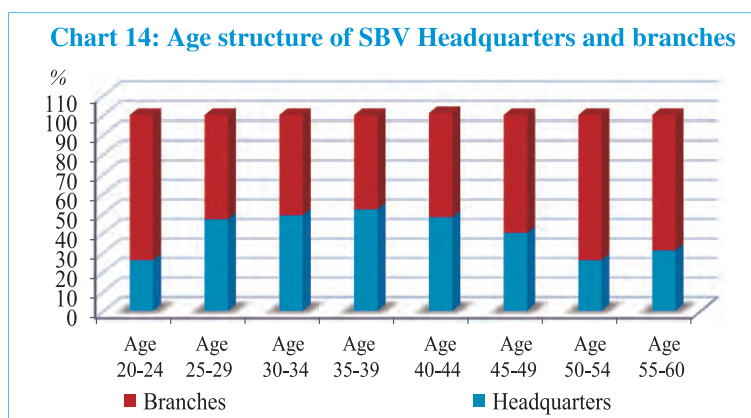
Staff, personnel structure and management



The SBV continued to enhance staff quality for its units, improved training efficiency, built a close linkage between staff training and utilization purposes.

Upon obtaining approval by Ministry of Home Affairs on the consolidated staffing limits, the staffing plan was approved and notified to all the SBV units. To implement Resolution 39-NQ/TW dated April 17, 2015 by Political Bureau, Decree No. 108/2014/NĐ-CP dated November 20, 2014 on staff streamline policy and other related documents, the SBV Party Committee prepared: Plan to implement Resolution No. 39-NQ/TW dated April 17, 2015 by Political Bureau on staff streamline and restructure of human resources in the banking sector; guiding documents on the implementation of staff downsizing and refining policy; Proposal on “The SBV

staff streamline 2015-2021”. The following table shows staff number and age structures of the SBV Headquarters and branches:



Source: The State Bank of Viet Nam

As shown in the chart, the SBV’s management of human resource in 2015 continued to focus on building young, well-trained and qualified staff for policy-making units and Banking Supervision Agency. Recruiting priorities were given to highly qualified and experienced applicants who have vast working experiences at commercial banks or those held postgraduate or distinctive graduate certificates of highly reputable universities that could instantly meet the job requirements. Besides, staff rotation was conducted not only in the SBV but also in CIs so as to bring the capacity of young employees into full use, create momentum and activate break-through factors attributing to the fulfilment the banking industry’s targets and objectives. In the recent years, a number of key and experienced executive staffs were exchanged by the SBV and commercial banks: leaders from commercial banks were appointed as department heads in the SBV and in return, department heads in the SBV were appointed as key leaders in commercial banks and Deposit Insurance of Viet Nam. Besides, to promote professionalism of each of the SBV’s staff and units, the SBV allocated both managerial and professional staff and utilization purposes in such manner that followed closely the functions and duties of relevant units/positions, job requirements, and job structure of the SBV.

Training Activities



Source: The State Bank of Viet Nam

Training activities closely pursued the target in developing the SBV team as professional civil servants, be capable of formulating and implementing central bank policies in line with international standards and practices; contributing to the effective implementation of the SBV's state management functions over monetary and banking activities. In 2015, there was 5,622 the SBV staff attending 111 training and capacity enhancement courses comprising of 12 programs delivered via video conference with 2,413 participants and a pilot e-learning course attracting 125 participants. In 2015, in order to implement the Specialist Training Scheme for the period 2013 – 2020, under different in-depth training programs, many the SBV staff were sent to undertake in-country and abroad post-graduate study; attend training and capacity enhancement courses, internships as well as research programs. Moreover, the SBV also accelerated its efforts to effectively mobilize and utilize international support for its training and capacity enhancement activities through various programs and projects from such organizations as the IMF, SEACEN, ADB, WB, JICA (Japan), GIZ (Germany), SECO (Switzerland), BRASS (Canada), The Australia Awards Scholarships and central banks including Sveriges Riksbank (Sweden) and Monetary Authority of Singapore (Singapore)... so as to better meet the requirements to update knowledge as well as improve the skills and competencies of its staff in various units. In general, training activities in 2015 were

carried out according to “The SBV Staff Training and Capacity Enhancement Plan for the year 2015”; linking closely training to planning, objectives and actual needs.

3. Science and Research Activities

In 2015, aiming at improving scientific and research activities as well as strengthening relevant policy and mechanism to establish a legal framework and conditions conducive for effective scientific and technological research activities of the banking sector, the SBV issued Circular No. 37/2015/TT-NHNN dated December 31, 2015 regulating the management and implementation of scientific and technological tasks using the state budget under the management of the SBV. The process of developing and implementing directives and research topics was conducted on scientific and multi-dimensional basis. The documentation system relating to management activities, scientific and technological reporting were gradually standardized to simplify administrative procedures.

In 2015, the SBV implemented 03 national-level researches, 21 sector-level research projects, 56 ministry-level research projects. Research topics and projects closely attached to operational objectives and tasks of the Banking sector, focusing on theoretical issues; built the scientific foundation for management and administration of the SBV and for facilitating the sector development in the current period; enhancing banking supervisory capabilities and improving banking operations and business process. Dissemination of scientific and technological information achieved commendable results, research findings were announced in specialized science magazines, operational manuals and scholarly books were also published. In 2015, the SBV collaborated with the Central Committee of the Vietnam Fatherland Front (VFF) and the World Bank to jointly organize the international scientific workshop themed “Vietnam becoming the world’s new processing and manufacturing hub”; worked together with the Ministry of Science and Technology to organize a national scientific conference on

“

The Banking sector’s science and technological research activities were always abreast of objectives and tasks assigned for the sector and created positive changes to significantly contribute to theoretical arguments, the SBV’s monetary policy regulation and macro management.

“Developing Vietnam’s socio-economic conditions and its banking sector in the context of international integration” and other sector’s significant annual events such as Banking Vietnam 2015. Furthermore, since October 2015, scientific and technological activities of the banking sector were modernized by developing and officially operating the scientific and technological information e-portal of the banking sector (www.khoahocnganhang.org.vn). Particularly, from October 2015, the science research e-bulletins were issued monthly in order to disseminate information on domestic and international scientific research results regarding banking activities.

4. Statistical Works

“

The SBV statistical works continued to be improved to better support the SBV management.

In 2015, in addition to strengthening the collection, testing, verification, consolidation of information for the purposes of the SBV’s policy regulation and supervision, ensuring safety in the operation of CIs and foreign banks branches, the SBV continued to improve legal framework for statistical system by the promulgation of Circular No. 35/2015/TT-NHNN dated December 31, 2015, regulating applicable reporting regime for CIs and foreign banks branches (Circular 35) in replacement of Circular No. 31/2013/TT-NHNN dated December 13, 2013, which would turn into effect from January 01, 2017. Circular 35 incorporated all reporting requirements for CIs and foreign banks branches, which would be served as inputs for the SBV, Government and relevant ministries in analytical works, forecasts, effective monitoring of CIs, planning and strategic development all integrated in a single reporting system; to facilitate the construction of a centralized and unified, capable of consolidating with other information systems of the SBV (Data warehouse). Circular 35 played as an important legal basis for the SBV to implement the contract SG4, namely “Data management, data warehouse and related applications for the SBV” under the FSMIMS project, applying advanced information technology, modernization of data exploitation and consolidation.

In addition, the SBV continued to build a database which included macroeconomic, domestic and

international financial markets; collect information on the state budget revenues and expenses, government bonds; quarterly business trends and monthly inflation expectations of CIs; developed and periodically updated the dashboard for the captured data, allowing users to quickly access the array of information both in details and in general. Besides, the SBV encouraged application of information technology in statistical works in order to response quickly and timely to demands of data exploring, storing and sharing of information within the SBV. The above results contributed to the SBV's analytical works, forecasts, planning and monetary monitoring.

5. Information Technology

Strengthening the state management of information technology

With the aim at strengthening the state management of information technology and meeting factual requirements, in 2015 the SBV issued several legal documents such as: Circular No. 17/2015/TT-NHNN dated October 21, 2015 regulating the bank codes system used in banking operations/activities; Circular No. 28/2015/TT-NHNN dated December 18, 2015 regulating the management and use of digital signature, digital certificates and signature certification services of the SBV; Circular No. 31/2015/TT-NHNN dated December 28, 2015 on the security protection of information technology systems in banking operations. At the same time, the SBV conducted monitoring of IT application via reports from CIs; checked their compliance to IT legal documents and examined network security at 11 credit institutions, through which it could make recommendations, and timely correction of errors in IT system and performance of CIs to assure that the banking information system to operate smoothly, continuously and safely; developing the remedial and back-up network to deal with problems incurred in the banking system; developing the E-Government Architecture Framework.

“

Expanding the application of information technology while ensuring the principles of quality, safety and efficiency.

Maintaining stabilized function, enhance exploitation, usage efficiency and standardization of the information technology infrastructure

In 2015, with the aim at step-by-step developing safe and secured information technology and communication infrastructure to better serve banking operations in more centralized manner, the SBV gradually shifted and standardized network infrastructure, main server, disk array, system software, database and middle software in order to provide services on cloud computing model; completed the design document of new Data Center of the SBV in line with Tier 3-TIA942 standard and prepared for selection and implementation of the Project on provision, installation and movement of the SBV's new Data Center.

The SBV upgraded its email system into MS Exchange 2013 and consolidated with the digital signature; provided training courses on email usage; upgraded website system to ministerial-level under national standards; upgraded 11 public services of the SBV to levels 3-4 and completed preparation to upgrade other public services to the same levels.

Implementation of the Financial Sector Modernization and Information Management System (FSMIMS)

In 2015, the SBV focused on bidding of information technology with committed progress as: Completion of the Phase 1 on implementation and operation of the basic segments of SG3.1 bid - Core banking, accounting, budgeting and system consolidation for the SBV since December 01, 2015; Completion of design analysis and transfer to the piloting phase of SG3.2 bid –the SBV's management system of Documents and personnel resources; Completion of system design and analysis phases and move to the development of SG 4 - Database management, Data warehouse and related applications for the SBV.

Part IV – International Cooperation

In 2015, the SBV continued to widen and promote its cooperation and collaboration with international partners, and strengthened mobilization of external financial and technical supports to Viet Nam which help contributing to efforts of macro-economic stabilization, economic development, acceleration of the international integration process and the enhancement of the SBV and Viet Nam's positions in international arena.

1. International Economic Integration

In 2015, the SBV continued actively participation in international and regional cooperation forums. *Within ASEAN cooperation*, acknowledging that economic cooperation which included finance-banking was one of 3 key pillars in building ASEAN Economic Community (AEC) roadmap, the SBV worked closely with its ASEAN partners to ensure that targets developed by ASEAN could not only bring benefits to regional countries when the AEC is officially formed by end of 2015, but also be in line with global standards to help attracting investment and trade from outside ASEAN region. *Under ASEAN+3 framework*, the SBV continued to implement initiatives of the ChiangMai Initiative's Multilateralisation (CMIM), maintained close cooperation with ASEAN+3 Macroeconomic Research Office (AMRO) to ensure that the domestic banking system could be able to meet regional economic monitoring standards, facilitating Viet Nam to receive assistance during the downturns in the financial – monetary markets. *Within SEACEN cooperation framework*, the SBV continued to explore opportunities to build capacity for the SBV staffs to meet with requirements of comprehensive economic integration.

In post-WTO economic integration, the SBV continued to gradually complete legal framework for banking sector's operations as scheduled. In 2015, the SBV helped composition of a report namely "Outcomes

“

*Expanding
intensified
integration into
regional and global
economies.*

of international economic integration after Viet Nam's WTO accession" which provided positive feedbacks on the SBV regulation of monetary market, legal framework development, payment system, and improved bank service quality.... Such results created both incentives and challenges for authorities and domestic CIs to promote the sector efficiency and competitiveness.

In joint efforts with the government's negotiating missions, the SBV, as Head of Financial Services Team, actively participated in negotiations of several FTAs with such strategic partners as EU, US, Australia, Japan,...; the SBV contribution was reflected via its determination and successful completion of negotiations on banking and finance issues under the European Union and Viet Nam Free Trade Agreement (EVFTA), Trans-Pacific Partnership (TPP); Joint Statement among macroeconomic management agencies of the TPP's members.

2. Cooperation with International Financial and Monetary Organizations

“

Strengthened Viet Nam's position in the international monetary and financial organizations and actively participated in regional and international monetary and financial institutions.

The SBV successfully fulfilled its role as representative the Government of Viet Nam in multilateral financial and monetary organizations including the International Monetary Fund (IMF), the World Bank Group (WB), the Asian Development Bank (ADB), the International Bank for Economic Cooperation (IBEC) and the International Investment Bank (IIB), hence, strengthened the cooperative relationships between Viet Nam and these organizations and gained their supports to Viet Nam in general and the SBV in particular.

With respect to relations with the WB and ADB, in 2015, the SBV successfully completed negotiations with WB for 08 programs/projects with a total value of over USD 1.6 billion, raising the total number of programs/projects signed with WB to 163 programs/projects with a total value of around USD 20.5 billion by end of December 2015; completed negotiation with ADB for 11 programs/projects with a total value over



USD 1.2 billion, raised total programs/projects ADB pledged for Viet Nam to 156 programs/projects with a total value of USD 14.64 billion by end of December 2015. Funds borrowed from WB/ADB were mainly used for key sectors in the economy as agriculture, energy, urban development, climate change, education which contributed largely to social – economic development, national industrialization and modernization. In addition to accelerating the implementation and effectiveness declaration of the outstanding program/projects, the SBV actively coordinated with the WB/ADB to develop technical assistance, training and consultant programs for banking and financial sectors through assistance programs such as microfinance development, financial inclusion development, development of monetary market...etc. Regarding financial inclusion, the SBV proactively proposed the Government to develop a comprehensive and long-term strategy as well as coordination mechanism among relevant ministries in order to utilize and take advantages of resources from international institutions in the future.

Given the current GNI, Viet Nam reached medium-low income countries threshold and was eligible for graduation from IDA support under WB guidelines. In order to ensure the sustainability of poverty reduction achievements, the SBV acted as the lead negotiator and actively coordinated with relevant ministries to persuade WB management and large shareholders to develop proper assistance mechanism, in order to help Viet Nam gradually adapt to less concessional loans, and facilitate its transition to borrowing IBRD loans to avoid any negative impacts. Relating to ADB performance, the SBV actively joined and supported the initiative of restructuring of ADB's fund by merger of ADF and OCR to promote ADB lending capacity in the future and in the meantime explore further ADB's assistance for Viet Nam development objectives.

With IMF, the SBV strengthened its cooperation in a wide range of activities, including executing membership rights and duties, policy dialogues, trainings and technical assistances. Training cooperation, technical assistance

programs in this year focused on narrow professional areas to help the SBV adopt and international standards and best practices of monetary statistics, national reserve management, financial programming, legal framework of banking restructuring and resolution of non-performing loan (NPLs), construction of Financial Soundness Indicators (FSI)..., which created advanced methodology in policy programming of the SBV. In addition, the SBV and IMF continuously maintained policy dialogues and close cooperation in order to enhance the efficiency of policy consultation, promote institutional reforms in accordance with international standards and practices.

With IIB/IBEC, the SBV successfully played its role as the Government representative at these organizations, especially when these 2 banks undertook strong reforms in organizational structure and their operations. In 2015, the SBV actively participated in all operations of these 2 banks and coordinated with ministries and agencies to chair 104th IIB Council Meeting in Ha Noi in December 2015. Being host of this Meeting helped to promote Viet Nam image and enhance cooperation between Viet Nam and IIB's members.

In 2015, participation in the newly established Asian Infrastructure Investment Bank (AIIB) reflect Viet Nam efforts in seeking new partner relationship to prepare for possible challenges which might arise when Viet Nam became a low middle income country. In addition, to further participation in international, regional monetary and financial institutions, the SBV submitted the Prime Minister the Proposal “Enhancing Viet Nam participation in international and regional banking – financial – monetary institutions towards 2020, vision up to 2030” in order to create substantial improvement of Viet Nam’s position in these institutions.

3. Bilateral Cooperation Relations

The SBV continued to effectively participated in bilateral initiatives forums with its partners such as Japan, Russia, China, Korea ... and in inter-governmental partnership forums, to promote bilateral cooperation in the banking sector between Viet Nam and other countries

“

Reinforced bilateral cooperation by



to facilitate operations of Viet Nam's commercial banks in these markets, helped to boost investment and trade.

In terms of bilateral supporting programs, projects, technical assistances (TAs), the SBV engaged JICA (Japanese International Cooperation Agency), GAC (Global Affairs Canada, also known as Department of Foreign Affairs, Trade and Development Canada – DFATD), SECO (State Secretariat for Economics Affairs), and other central banks and monetary authorities to support reforms in the banking sector and the SBV's capacity building. The number of on-going bilateral projects obviously increased including proposals in 2015, including 02 projects in banking supervision, banking reforms and NPL resolution, 02 TA projects for the SBV and commercial banks and one project proposal on banknotes printing and issuing... These projects contributed to reinforce banking sector capacity in line with the bank development guidelines. On the other hand, the SBV furthered its cooperation and sharing of experiences with other central banks with which Viet Nam had had amicable relations, including central banks of Cambodia, Laos, Myanmar...

To implement Viet Nam-China Joint Statement signed by leaders of the two countries, in 2015, the SBV drafted a "Terms of Reference" as a basis for Viet Nam – China Working Group on monetary and financial cooperation and hosted the Working Group 1st meeting in Viet Nam. Besides, the SBV acted a chief negotiator, in collaboration with related parties, to finish negotiation process and prepare for the signing of the Bilateral Agreement with the United States (IGA) on Foreign Account Tax Compliance Act (FATCA) with an aim to implement this Act in Viet Nam in the coming time. The SBV worked with Ministry of Finance to proactively communicate and guide financial institutions to implement FATCA provisions. The SBV also initiated and signed 03 more MOUs on cooperation with Switzerland, Laos and Cuba in banking supervision, human resource development and capacity building.

*deepening existing
relationships
and expanding
partnership in most
parts of the world.*

A horizontal graphic element consisting of a light gray rounded rectangle with a blue border on the left and right sides. The word "APPENDIX" is centered within the gray area in a bold, black, serif font.

APPENDIX

APPENDIX 1: INTEREST RATES ANNOUNCED BY THE SBV

Unit: % per annum

Time	Refinancing rate	Rediscounted rate	Overnight interbank lending rate
December 2014	6.5	4.5	7.5
January 2015	6.5	4.5	7.5
February 2015	6.5	4.5	7.5
March 2015	6.5	4.5	7.5
April 2015	6.5	4.5	7.5
May 2015	6.5	4.5	7.5
June 2015	6.5	4.5	7.5
July 2015	6.5	4.5	7.5
August 2015	6.5	4.5	7.5
September 2015	6.5	4.5	7.5
October 2015	6.5	4.5	7.5
November 2015	6.5	4.5	7.5
December 2015	6.5	4.5	7.5

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 2: OPEN MARKET OPERATIONS

Bid	2014	2015
Number of sessions	253	258
Maturity (days)	7; 14; 21	7; 14; 21; 28; 56
Number of Bidders	170	612
Bid volume (VND billion)	448	2,400
Success volume (VND billion)	400	1,563
Interest rate (% per annum)	5-5.5	5.0
Bidding method	Volume	Volume
Ask	2014	2015
Number of sessions	231	130
Maturity (days)	28; 56; 84; 91; 182	14; 28; 56; 91; 182
Number of Bidders	1,733	411
Bid volume (VND billion)	5,908	7,997
Success volume (VND billion)	4,090	5,660
Interest rate (% per annum)	2.4-4.5	2.39-4.4
Bidding method	Volume; Interest	Volume; Interest

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 3: REQUIRED RESERVE RATIO

APPENDIX

Unit: %

Effective time	VND DEPOSITS (*)		FOREIGN CURRENCY DEPOSITS				
	Deposits of customer, State Treasury, issuance of valuable papers		Deposits of customer, State Treasury, issuance of valuable papers				
			Demand and less than 12 month deposits		12 month and up deposits		Deposits of credit institutions abroad
	Demand and less than 12 month deposits	12 month and up deposits	State-owned commercial banks (except VBARD), urban joint stock commercial banks, foreign bank branches, joint venture banks, financial companies	Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development (VBARD), rural joint stock commercial banks, Central People's Credit Fund, Cooperative banks	State-owned commercial banks (except VBARD), urban joint stock commercial banks, foreign bank branches, joint venture banks, financial companies	Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development (VBARD), rural joint stock commercial banks, Central People's Credit Fund, Cooperative banks	
May 2011	3	1	6	5	4	3	
June 2011	3	1	7	6	5	4	
September 2011 (**)	3	1	8	7	6	5	1

(*) The required reserves ratio for CIs having more than 40% of loans outstanding to agricultural and rural development is lower than the normal required reserves as regulated in Circular No. 20/2010/TT-NHNN dated September 29, 2010 of the SBV guiding on the implementation of measures on operating policy tools to support CIs' lending to agricultural and rural areas.

(**) Deposits of overseas CIs must comply with regular required reserves requirements according to Circular No. 27/2011/TT-NHNN dated August 31, 2011 which amends and supplements some Articles on applying CIs' required reserve ratio to foreign exchange deposits of overseas CIs, and is enclosed with Decision No. 581/2003/QĐ-NHNN dated June 09, 2003 of the SBV's Governor.

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 4: BALANCE OF PAYMENT

Unit: USD Million

	2014	2015
A. CURRENT ACCOUNT	9,360	906
Goods: Export F.O.B	150,217	162,112
Goods: Import F.O.B	138,091	154,716
<i>Goods (net)</i>	<i>12,126</i>	<i>7,396</i>
Services: Export	10,970	11,200
Services: Import	14,500	15,500
<i>Services (net)</i>	<i>-3,530</i>	<i>-4,300</i>
Investment income (Primary income): Receipts	323	399
Investment income (Primary income): Payment	9,167	10,324
<i>Investment income (Primary income) (net)</i>	<i>-8,844</i>	<i>-9,925</i>
Current transfers (Secondary income): Receipts	10,308	8,586
Current transfers (Secondary income): Payment	700	851
Current transfers (Secondary income) (net)	9,608	7,735
B. CAPITAL ACCOUNT	0	0
Capital account: Receipts		
Capital account: Payment		
C. FINANCIAL ACCOUNT	5,571	1,575
Direct Investment Abroad: Assets	-1,150	-1,100
Direct Investment in Viet Nam: Liabilities	9,200	11,800
<i>Direct Investment (net)</i>	<i>8,050</i>	<i>10,700</i>
Portfolio Investment Abroad: Assets	0	0
Portfolio Investment in Vietnam: Liabilities	93	-65
<i>Portfolio Investment (net)</i>	<i>93</i>	<i>-65</i>
Other Investment: Assets	-7,559	-14,237
Cash and deposit	-7,647	-14,184
Credit Institutions	-20	-4,630
Other sectors	-7,627	-9,554
Other receivables/payables	88	-53
Other Investment: Liabilities	4,987	5,177
Cash and deposit	-1,433	-662
Borrowing and repayment of foreign debts	6,420	5,839
Short term	1,042	790
Debt	17,430	15,024
Amortization	-16,388	-14,234
Long term	5,378	5,049
Debt	9,792	9,916
Government's debt	5,434	4,353
Private debt	4,358	5,563
Amortization	-4,414	-4,867
Repayment of Government	-1,195	-990
Repayment of Privatization	-3,219	-3,877
<i>Other Investment (net)</i>	<i>-2,572</i>	<i>-9,060</i>
D. ERRORS AND OMISSIONS	-6,556	-8,513
E. OVERALL BALANCE	8,375	-6,032
F. RESERVES AND OTHER ITEMS	-8,375	6,032
Reserves Assets	-8,375	6,032
Claims on and borrow from the IMF	0	0
Special Finance	0	0

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 5: USD/VND EXCHANGE RATE

Unit: USD/VND

2015	Exchange Rate end-month			Average Exchange Rate in the month		
	Average Rate on the Inter-bank Foreign Currency Market	Average Rate of Vietcombank		Average Rate on the Inter-bank Foreign Currency Market	Average Rate of Vietcombank	
		Buying	Selling		Buying	Selling
January	21,458	21,315	21,365	21,437	21,333	21,390
February	21,458	21,335	21,385	21,458	21,320	21,370
March	21,458	21,530	21,590	21,458	21,412	21,468
April	21,458	21,570	21,630	21,458	21,561	21,621
May	21,673	21,780	21,840	21,641	21,721	21,780
June	21,673	21,780	21,840	21,673	21,775	21,836
July	21,673	21,780	21,840	21,673	21,777	21,837
August	21,890	22,445	22,505	21,766	22,124	22,187
September	21,890	22,450	22,510	21,890	22,450	22,510
October	21,890	22,265	22,345	21,890	22,302	22,379
November	21,890	22,470	22,540	21,890	22,385	22,462
December	21,890	22,450	22,540	21,890	22,473	22,530

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 6: DOMESTIC GOLD PRICES

Unit: Million VND/tael

2015	Gold Price end-month	Average Gold Price in the month
January	35.27	35.22
February	35.45	35.31
March	35.12	35.27
April	35.01	35.12
May	34.87	34.96
June	34.39	34.64
July	32.96	33.51
August	34.12	33.70
September	33.78	33.96
October	33.67	33.82
November	32.95	33.28
December	32.48	32.90

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 7: CONSUMER PRICE INDEX

Unit: %

Year	Time	January	February	March	April	May	June	July	August	September	October	November	December
2009	Year to date	0.32	1.49	1.32	1.68	2.12	2.68	3.22	3.47	4.11	4.49	5.07	6.52
	Month on month	0.32	1.17	-0.17	0.35	0.44	0.55	0.52	0.24	0.62	0.37	0.55	1.38
	Year on year	17.48	14.78	11.25	9.23	5.58	3.94	3.31	1.97	2.42	2.99	4.35	6.52
2010	Year to date	1.36	3.35	4.12	4.27	4.55	4.78	4.84	5.08	6.46	7.58	9.58	11.75
	Month on month	1.36	1.96	0.75	0.14	0.27	0.22	0.06	0.23	1.31	1.05	1.86	1.98
	Year on year	7.62	8.46	9.46	9.23	9.05	8.69	8.19	8.18	8.92	9.66	11.09	11.75
2011	Year to date	1.74	3.87	6.12	9.64	12.07	13.29	14.61	15.68	16.63	17.05	17.50	18.13
	Month on month	1.74	2.09	2.17	3.32	2.21	1.09	1.17	0.93	0.82	0.36	0.39	0.53
	Year on year	12.17	12.31	13.89	17.51	19.78	20.82	22.16	23.02	22.42	21.59	19.83	18.13
2012	Year to date	1.00	2.38	2.55	2.60	2.78	2.52	2.22	2.86	5.13	6.02	6.52	6.81
	Month on month	1.00	1.37	0.16	0.05	0.18	-0.26	-0.29	0.63	2.20	0.85	0.47	0.27
	Year on year	17.27	16.44	14.15	10.54	8.34	6.90	5.35	5.04	6.48	7.00	7.08	6.81
2013	Year to date	1.25	2.59	2.39	2.41	2.35	2.40	2.68	3.53	4.63	5.14	5.50	6.04
	Month on month	1.25	1.32	-0.19	0.02	-0.06	0.05	0.27	0.83	1.06	0.49	0.34	0.51
	Year on year	7.07	7.02	6.64	6.61	6.36	6.69	7.29	7.50	6.30	5.92	5.78	6.04
2014	Year to date	0.69	1.24	0.80	0.88	1.08	1.38	1.62	1.84	2.25	2.36	2.08	1.84
	Month on month	0.69	0.55	-0.44	0.08	0.20	0.30	0.23	0.22	0.40	0.11	-0.27	-0.24
	Year on year	5.45	4.65	4.39	4.45	4.72	4.98	4.94	4.31	3.62	3.23	2.60	1.84
2015	Year to date	-0.20	-0.25	-0.10	0.04	0.20	0.55	0.68	0.61	0.40	0.51	0.58	0.60
	Month on month	-0.20	-0.05	0.15	0.14	0.16	0.35	0.13	-0.07	-0.21	0.11	0.07	0.02
	Year on year	0.94	0.34	0.93	0.99	0.95	1.00	0.90	0.61	0.00	0.00	0.34	0.60

Source: General Statistics Office

APPENDIX 8: MONERATY AND CREDIT INDICATORS

Items	2014	Q1/2015	Q2/2015	Q3/2015	Q4/2015
Closing balance (VND billion)					
1. Total liquidity	5,179,216	5,300,817	5,492,731	5,695,769	6,019,609
2. Deposit of resident economic entities and individuals	4,554,385	4,634,165	4,834,615	5,028,280	5,293,050
3. Claims to the economy	3,970,550	4,075,608	4,282,604	4,451,893	4,655,891
Annual growth rate %					
1. Total liquidity	17.69	2.35	6.05	9.97	16.23
2. Deposit of resident economic entities and individuals	16.96	1.75	6.15	10.41	16.22
3. Claims to the economy	14.16	2.65	7.86	12.12	17.26

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 9: GROSS DOMESTIC PRODUCT

Year	GDP at Current Price (VND billion)	GDP Growth* (%)	GDP Per Capita (VND thousand)
2007	1,246,769	7.13	14,804
2008	1,616,047	5.66	18,986
2009	1,809,149	5.40	21,031
2010	2,157,828	6.42	24,818
2011	2,779,880	6.24	31,647
2012	3,245,419	5.25	36,544
2013	3,584,262	5.42	39,932
2014	3,937,856	5.98	43,402
2015	4,192,862	6.68	45,717

Source: General Statistics Office

Note: *Compared to 2010 price

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

TRẦN CHÍ ĐẠT

Chịu trách nhiệm nội dung

Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập

NGÔ THỊ MỸ HẠNH

Biên tập: NGUYỄN LONG BIÊN
NGUYỄN THỌ VIỆT

Thiết kế: NGUYỄN MẠNH HOÀNG
TRẦN HỒNG MINH

Publishing Responsibility

Director - Editor in Chief

TRAN CHI DAT

Contents responsibility

Deputy Director - Editor in Deputy Chief

NGO THI MY HANH

Editors: NGUYEN LONG BIEN
NGUYEN THO VIET

Designer: NGUYEN MANH HOANG
TRAN HONG MINH

In 500 cuốn, khổ 20,5 x 29 cm, tại Công ty TNHH In và Dịch vụ
Thương mại Phú Thịnh
Địa chỉ: Lô B2-2-5-KCN Nam Thăng Long, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Xác nhận đăng ký xuất bản số: 4107-2016/CXBIPH/4-158/TTTT
Quyết định xuất bản số: 619/QĐ-NXB TTTT ngày 20/12/2016
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2016.
Mã số: QK 06 HM 16 ISBN: 978-604-80-2124-5

Printed 500 copies, size 20.5 x 29 cm, in Phu Thinh Printing and
Service Trading Co., Ltd
Add: B2-2-5 Nam Thang Long Industrial zone, Bac Tu Liem District,
Ha Noi City
Publishing Plan: No. 4107-2016/CXBIPH/4-158/TTTT
Publishing Decision: No. 619/QĐ-NXB TTTT dated 20/12/2016
Completed and Registered in December 2016.
Code No.: QK 06 HM 16 ISBN: 978-604-80-2124-5

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

TRẦN CHÍ ĐẠT

Chịu trách nhiệm nội dung

Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập

NGÔ THỊ MỸ HẠNH

Biên tập: NGUYỄN LONG BIÊN

NGUYỄN THỌ VIỆT

Thiết kế: NGUYỄN MẠNH HOÀNG

TRẦN HỒNG MINH

Publishing Responsibility

Director - Editor in Chief

TRAN CHI DAT

Contents responsibility

Deputy Director - Editor in Deputy Chief

NGO THI MY HANH

Editors: NGUYEN LONG BIEN

NGUYEN THO VIET

Designer: NGUYEN MANH HOANG

TRAN HONG MINH

In 600 cuốn, khổ 20,5 x 29 cm, tại Công ty TNHH In và Dịch vụ
Thương mại Phú Thịnh

Địa chỉ: Lô B2-2-5-KCN Nam Thăng Long, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Xác nhận đăng ký xuất bản số: 4107-2016/CXBIPH/4-158/TTTT

Quyết định xuất bản số: 611/QĐ-NXB TTTT ngày 16/12/2016

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2016.

Mã số: QK 06 HM 16

ISBN: 978-604-80-2124-5

Printed 600 copies, size 20.5 x 29 cm, in Phu Thinh Printing and
Service Trading Co., Ltd

Add: B2-2-5 Nam Thang Long Industrial zone, Bac Tu Liem District,
Ha Noi City

Publishing Plan: No. 4107-2016/CXBIPH/4-158/TTTT

Publishing Decision: No. 611/QĐ-NXB TTTT dated 16/12/2016

Completed and Registered in December 2016.

Code No.: QK 06 HM 16

ISBN: 978-604-80-2124-5